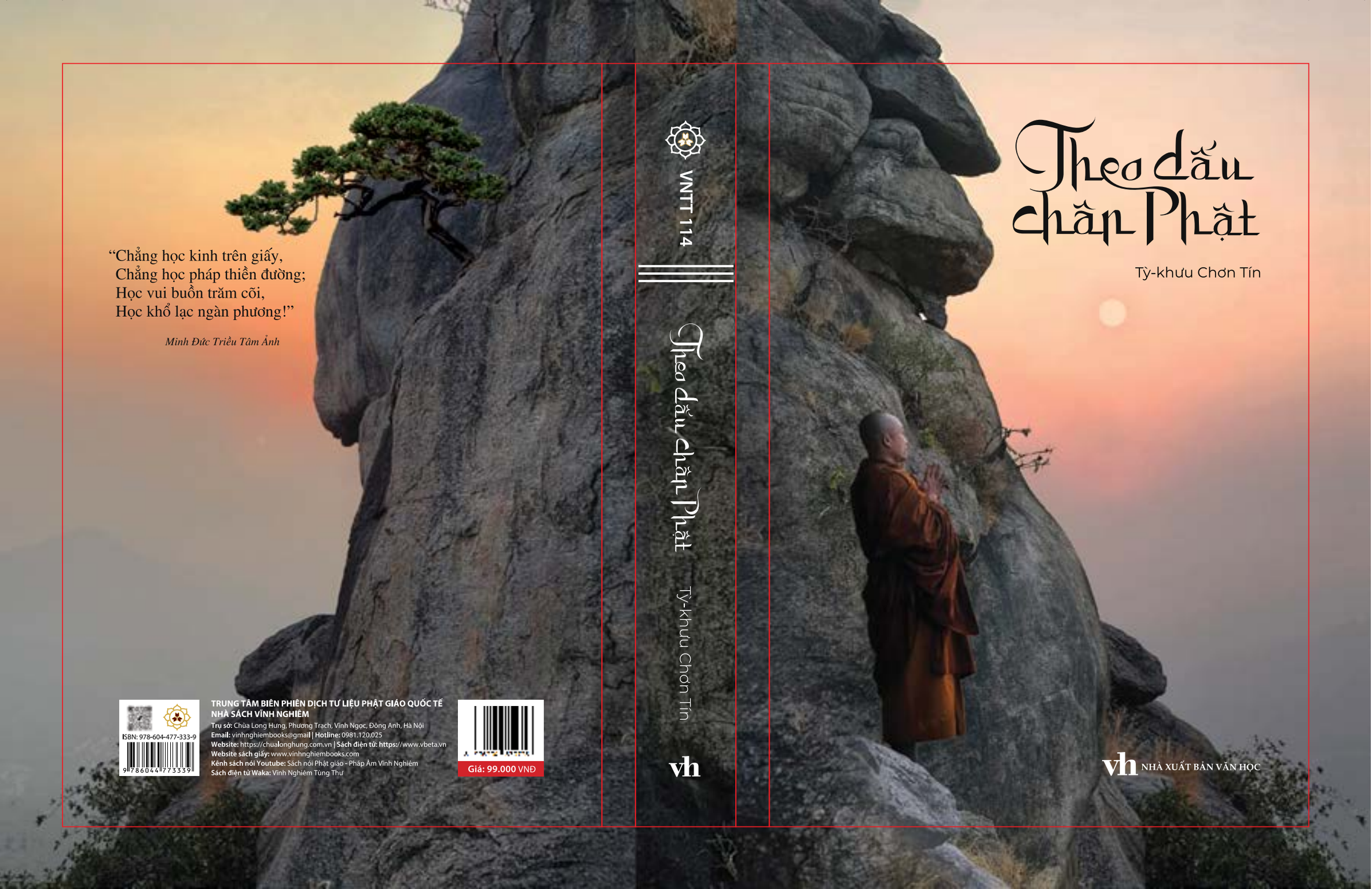

"Chẳng học kinh trên giấy,
Chẳng học pháp thiền đường;
Học vui buồn trăm cõi,
Học khổ lạc ngàn phương!"

*Minh Đức Triều Tâm Ảnh*

ISBN: 978-604-477-333-9

**TRUNG TÂM BIÊN PHIÊN DỊCH TƯ LIỆU PHẬT GIÁO QUỐC TẾ**
**NHÀ SÁCH VĨNH NGHIÊM**
**Trụ sở:** Chùa Long Hưng, Phương Trạch, Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội
**Email:** vinhnghiembooks@gmail | **Hotline:** 0981.120.025
**Website:** https://chualonghung.com.vn | **Sách điện tử: https:**//www.vbeta.vn
**Website sách giấy:** www.vinhnghiembooks.com
**Kênh sách nói Youtube:** Sách nói Phật giáo - Pháp Âm Vĩnh Nghiêm
**Sách điện tử Waka:** Vĩnh Nghiêm Tùng Thư

Giá: 99.000 VNĐ

VNTT 114

Theo dấu chân Phật

Tỳ-khưu Chơn Tín

vh

# Theo dấu chân Phật

Tỳ-khưu Chơn Tín

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# Theo dấu chân Phật

“

Đã mang sương khói trên vai
Giọt trăng giọt mực dặm dài sá chi
Lúc hữu vi lúc vô vi
Tuệ không biến hóa tùy nghi thế tình

”

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẤN

Tỳ-khưu Chơn Tín

# Theo dấu chân Phật

*Tái bản lần thứ nhất*

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# LỜI TỰA

Tôi đã hai lần thăm viếng đất Phật trước khi viết bộ đại sử *Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt*. Tôi chỉ đến những địa danh lịch sử quan trọng để tạo cảm xúc cho trang viết của mình. Cộng cả hai lần, tôi đi thăm được Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng), Sarnath (Lộc Uyển), thành Bārāṇasī (Ba La Nại), vườn Lumbinī (Lâm Tỳ Ni), sông Rohiṇī, thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), thành Sāvatthī (Xá Vệ), Jetavanārāma (Kỳ Viên tịnh xá), núi Kukkuṭapāda (Kê Túc), thành Kosambī (Câu Thâm), sông Gaṅgā (Hằng), thành Vesāli (Tỳ Xá Ly), Phật diệt độ Kusinārā (Câu Thi Ca), Veḷuvana-vihāra (Trúc Lâm tịnh xá), thành Rājagaha (Vương Xá), vườn thuốc của thần y Jīvaka (Kỳ Bà), ngục nhốt đức vua Bimbisāra (Bình Sa), núi Gijjhakūṭa-giri (Linh Thứu) và Kūṭāgāra (hương phòng) của Đức Thế Tôn. Dường như chỉ có bấy nhiêu. Tệ thật! Đoàn du Tăng hành cước đầu-đà

không chỉ trải qua chừng ấy địa danh mà gian lao và vất vả hơn nhiều, họ đi cả hằng trăm địa điểm khác nữa mà đa phần các đoàn du lịch không biết.

Sư Chơn Tín, tác giả của tác phẩm *Theo dấu chân Phật* đã chiêm quan Ấn Độ ba lần rồi nhưng lần thứ tư này, lộ trình đi và về hơn ba ngàn sáu trăm cây số và trải qua 112 ngày dầm sương, dãi nắng. Thật là "hãi hùng, kinh khiếp". Có ông Sư nằm "lịm" bụi bờ, ngóc đầu dậy, lại đi! Có ông Sư nghi ngờ cái thân "báo động giả" vì nó bảo đau, nhưng hỏi đau ở đâu thì nó bảo không biết! Có ông Sư đi tìm móng chân không biết nó rơi lúc nào, chỉ có bung tróc, rỉ máu thì ở lại! Có ông Sư nhìn mình, lẩn thẩn, không rõ nắng nhuộm da hay da nhuộm y? Hi hi! Ông Sư nào cũng tếu, cũng dí dỏm hay chính tác giả tếu, tác giả dí dỏm? Nhưng đọc, nghe mà thương vô cùng!

Đi cùng tác giả có huynh đệ Chơn Hữu, Thiện Niệm, Tuệ Nhân với trên 100 vị Sư Thái, dường như họ đã quen đường lối, quen cả nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc, ở, ngủ nghỉ… thiếu thốn và gian khổ trăm bề. Ai cũng biết rằng, chư Tăng thời nay không thiếu thứ gì về tứ sự, chỉ ngại là quen lợi dưỡng thôi! Nhưng vì kính yêu Đức Phật, thương bi đất Ấn, xót đau dân Ấn… đã quên Phật cả ngàn năm nên họ phải đi, tình nguyện đi để gieo hình ảnh Tăng đoàn thuở xưa trên quê hương họ. Do vậy, tác giả kể rằng, ăn cơm mùi gián cũng thấy ngon, ngủ trên nền đất bằng đã là hạnh phúc, ngủ lều mà nước không thấm dột đã là như tiên rồi. Nước nôi tắm giặt, kệ! Vệ sinh vệ siếc, kệ! Da nổi mốc vằn,





mốc trắng, nấm đỏ, nấm đen cũng kệ luôn! Những ánh mắt kỳ thị, tò mò lẫn cả những ánh mắt vui vẻ, hâm mộ, đều là sự thật cả mà!

Cũng lạ, tác giả vốn vai u thịt bắp, cánh tay quen cầm búa tạ để đập đá, quen cầm rìu để bửa củi, quen cầm cuốc để cuốc đất, quen cầm rựa để dọn rừng... thế mà cánh tay ấy bây giờ lại cầm bút viết văn... với những cảm nhận rất tinh tế, rất thật, rất "nhẹ nhàng, mềm mại" và có cả chất thơ nữa! Cho dẫu toàn thân nhức đau báo động, cho dẫu cháy da, buốt xương... rảnh chút là viết, đêm về mọi người ngủ nghỉ, tác giả lại viết bên ánh sáng đèn đom đóm… Từng kỳ, từng kỳ... tôi đều theo dõi và đọc. Và rõ ràng tác giả càng viết càng chắc tay, càng viết càng hay. Những trang viết không những nói ra được dặm trường gian khổ mà còn tả được sương mù, khí núi, tả được cả chiếc lá run rẩy, những cánh hoa rung rinh trong nắng sớm… Rồi nào là đủ loại chim hót, khỉ vượn chí chóe. Màu sắc, màu sắc nữa, cả trăm sắc màu biến hóa của mẹ thiên nhiên lúc bình minh, lúc hoàng hôn, lúc đổi mùa, chuyển tiết. Kìa là hoa cải vàng. Kìa là hoa gạo đỏ rực. Sương mù như bức tranh thủy mặc. Có đôi chỗ lại như ốc đảo thanh bình. Những cành cây chơ vơ như được thò ra từ không gian giấu kín nào đó. Đôi khi chỉ tả bằng ẩn dụ, bằng tu từ. Đôi khi chỉ tả lấp lửng, không nói hết… để cho độc giả tự nghĩ, tự hiểu đằng sau câu chữ hoặc cùng tham dự vào hành trình...

Có lẽ nhờ oai linh và huyền nhiệm của đất Phật mà tâm trí cảm xúc của tác giả tự chảy ra ngòi bút chăng! Những hồi ức về

tuổi thơ, về cha mẹ, bà ngoại… thật là chân thành và cảm động. Những tư duy về những mảng sử Phật, về những di chỉ lịch sử… còn chứng tỏ tác giả đã qua thời gian nghiên cứu. Đặc biệt nhất là tài quan sát, cảm nhận, liên tưởng… bên sau người, bên sau vật, bên sau cảnh. Trong bụi đất nhìn thấy châu ngọc. Vọc chân trong cát cảm nghe cái đau của dòng sông. Bước trên dốc đá, dốc sỏi… mà thương chư Tăng thuở xưa. Lẻn qua khe đá ở núi Kê Túc thấy hình ảnh vị Đệ nhất đầu-đà. Nhưng đọng lại trong tôi nhất là hình ảnh ông Sư ngồi như hóa đất. Hình ảnh ông Sư nằm dài trong rừng. Hình ảnh ông Sư tìm góc khuất để trầm tư. Hình ảnh ông Sư nhiếp thiền quên ngoại cảnh. Đấy mới đúng là "chất" của Sa-môn. Là hành trang của Sa-môn. Là tâm của Sa-môn. Không bao giờ quên mình là Sa-môn để nhìn ngắm và cảm nhận mọi sự, mọi vật, mọi hiện tượng…

*Theo dấu chân Phật* là tác phẩm thành công. Hãy đi và hãy đọc. Chưa đi mà đọc có lẽ hay hơn. Cái đất Ấn kỳ lạ này luôn tồn tại hai cực đoan. Giàu đến tận đỉnh Hymālaya mà nghèo thì rớt tận vực sâu. Xa hoa, phú quý thì ngất ngưởng mà đói nghèo, khổ cực cũng ngất ngưởng không kém gì! Hai nền văn minh cực kỳ phồn thịnh đã đi qua đây. Từ năm 2800 TCN đến 1300 TCN có hai nền văn minh rực rỡ. Nền văn minh sông Indus có đô thị thiết kế khoa học, nghệ thuật và hoành tráng không thua gì hiện nay! Nền văn minh Vệ-đà cũng là thời hoàng kim của đất Ấn, như cô gái đẹp ngủ quên trong rừng quá lâu nay đã hóa bùn, hóa đất, hóa đá… Bây giờ, thì vậy đó… bụi bặm, hoang tàn, đổ nát,





rác, chất thải, phân dê, cừu, bò… khắp nơi, nhưng thủ đô và các thành phố lớn, ví như có một đám cưới hằng trăm tỉ… cũng là "chuyện thường ngày ở huyện"!

Đất Phật hiện nay của chúng ta đó! Thiệt là bùi ngùi! Sợ khổ, sợ cực, sợ bẩn nhưng vẫn cứ muốn đi!

Viết tại Thiền viên Thiên Để Nguyệt,
Tối, đêm Vesak, 2567 Pl. - 2023 Tl.
Sīḷaguṇa - Mahāthera
(Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Kapilavatthu
(Ca Tỳ La Vệ)
Sāvatthī
(Xá Vệ)
Lumbinī
(Lâm Tỳ Ni)
15 km
220 km
250 km
Sankassa
(Tăng Già Thi)
165 km
Kusinārā
(Câu Thi Ca)
Lauriya
130 km
44 km
Rampurwa
390 km
114 km
Kosambī
(Câu Thâm)
170 km
Bārāṇasī
(Ba La Nại)
Kesariya
48 km
35 km
Vesāli (Tỳ Xá Ly)
Paṭnā
250 km
Nālanda
(Na Lan Đà Tự)
180 km
Vikramshila
255 km
12 km
Rājagaha
(Vương Xá)
80 km
Bodh Gayā
(Bồ Đề Đạo Tràng)
480 km
KOLKATA
HÀNH TRÌNH
Theo dấu chân Phật
2022-2023

# Kỳ I

# TRÊN ĐẤT ẤN ĐỘ

*Ngày 12 tháng 12 năm 2022*

**“Chặng bộ hành đầu tiên của chúng tôi chừng 480km, từ Kolkata về Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng)”**

Đoàn chúng tôi đã đi qua khoảng 700km ở đất Thái, lúc này đang là mùa nóng. Cái nóng và gió bụi làm cho da mặt và da tay lột hết lớp này đến lớp khác, bàn chân qua bao lớp bong rộp, giờ trở nên dày cui.

Đến Ấn Độ mùa này khá dễ chịu, nhiệt độ vào tầm 19-26$^{o}$C, không quá nóng, không quá lạnh, thời tiết mát mẻ đối với tôi. Còn với đa số các vị Sư Thái như run rẩy trong sương sớm. Bởi Thái là xứ nóng, cả đoàn vừa đi một chặng dài nóng nực, sang đây nhiệt độ giảm tầm 15$^{o}$C, quả thật là lạnh. Những ngày đầu này, gặp nhiệt độ chênh quá lớn, các vị dễ bị nhiễm lạnh và ho. Kèm thêm buổi đêm chúng tôi hạ trại ngủ trên nền đất, cái lạnh từ đất thấm vào phổi lại càng dễ bệnh hơn.

Rất nhiều vị trong đoàn lần đầu tiên đến với đất Phật. Họ hoàn toàn bị sốc về văn hoá, ở đây bụi bẩn, rác rến khắp mọi nơi và điều tệ là không có chỗ đi vệ sinh đúng nơi, đúng chỗ như họ nghĩ. Ở Ấn, vệ sinh đa phần là giữa thiên nhiên, nhưng các vị còn chưa biết đi vệ sinh thiên nhiên còn dễ chịu hơn các nhà vệ sinh công cộng, cực kỳ hôi hám và dơ bẩn. Họ còn sốc hơn khi cái nghèo của người dân hiện hữu khắp nơi; người, rác rến, gia súc, gia cầm ở cùng nhau. Thấy cũng tội mà thôi cũng kệ, chúng tôi cũng chỉ nhìn vậy rồi đi lướt qua.





Năm nay, không xuất phát từ Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) - nơi Bồ-tát thành đạo, đoàn chúng tôi đáp chuyến bay sớm từ Bangkok sang Kolkata (Calcutta cũ) để khởi hành. Chặng bộ hành đầu tiên của chúng tôi chừng 480km, từ Kolkata về Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng). Thành viên trong đoàn đa số vẫn là các vị Sư người Thái, có bốn vị là người Việt Nam. Hạ cánh xuống phi trường lúc 7h15 sáng, cả đoàn đã rời khỏi sân bay để bắt đầu cuộc hành trình trên đất Ấn.

Đón chúng tôi là một đoàn Phật tử Việt Nam cung kính đảnh lễ và dâng những ly trà sữa ấm nóng tới chư Tăng. Cầm ly trà sữa (gram chai) trong tay, tôi thích cảm giác hơi ấm thấm dần vào lòng bàn tay mình. Nhìn những Phật tử thuần thành, cung kính, tôi thấy thật ấm lòng. Họ dâng trà sữa ấm nóng, dâng vật thực và còn dâng thuốc ngừa bệnh, thuốc bổ đến cả đoàn. Hỏi ra được biết họ là Phật tử chùa Hương Đạo, Dallas, Hoa Kỳ. Họ đáp chuyến bay đến Kolkata cúng dường Tăng đoàn và đi theo một đoạn rồi lại bay về Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng).

Thời khóa biểu trong ngày của Tăng đoàn thường thức dậy lúc 2h45 sáng vệ sinh cá nhân, xếp lại lều trại; 3h45 chúng tôi cùng nhau tụng thời kinh hồi hướng đến chư thiên, phi nhân, thọ thần nơi chúng tôi vừa ngụ qua đêm, 4h cả đoàn chính thức di chuyển. Tới giờ trưa tùy địa điểm, tầm 10h30, có hôm 11h chúng tôi sẽ dừng để đi bát thọ thực. Giờ nghỉ trưa thường tới 13h, chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Địa điểm nghỉ đêm sẽ do nhóm hộ Tăng đi trước đoàn tìm kiếm. Vị trí hạ trại thường phải rộng, đủ chỗ cho cả đoàn hơn 100 vị, có nguồn nước và cách điểm nghỉ

trưa chừng không quá 30km. Đến điểm nghỉ đêm, chúng tôi nhận lều trại, tự tìm chỗ thích hợp để hạ trại, rồi tìm giếng nước để vệ sinh tắm giặt. Chúng tôi tụng thời kinh tối cùng nhau trước khi mọi người tự do sinh hoạt và nghỉ ngơi.

Đêm nay, lều của tôi dựng cạnh một ngôi đền Ấn Độ giáo. 18h30 họ tập trung thổi lên ba hồi tù và, đọc vang ba lần tên thần Sīva và cầu nguyện. Âm thanh kèn trống, chuông, chũm chọe vang vang lan xa cả một vùng. Điều đặc biệt là âm vang tiếng trống trầm, rất nội lực, có thể do ngày nào cũng đánh nên người đánh trống bắt nhịp riêng của mình.

Tôi thả hồn mình vào những thanh âm ấy, dẫu không hiểu nhưng tôi thấy âm điệu thật hay! Sau cầu nguyện, họ đốt lên một ngọn lửa bằng hương liệu và đi quanh đền ba vòng. Buổi lễ kéo dài tầm 15 phút, cầu nguyện xong mọi người ra về, ngôi đền trở lại im lặng giữa khói hương nghi ngút.

Sau một ngày dài bộ hành, khi đôi chân đã mỏi, tôi nằm nghiêng nghe hơi thở vào ra. Trên cao xa kia, bầu trời nhả xuống thứ ánh sáng đen đặc, hành trình Theo dấu chân Phật mới chỉ bắt đầu!

***Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo luôn gia hộ cho mỗi thành viên đoàn chúng tôi luôn chân mềm đá cứng để đi hết chặng hành trình này!***

**Phật tử chùa Hương Đạo, Texas, USA cúng dường chư Tăng**

**Từ Bangkok, chư Tăng hạ cánh xuống phi trường Kolkata**

* Tư liệu ảnh (trong cả tập): tác giả.

7h15 sáng, Tăng đoàn rời sân bay Kolkata để bắt đầu cuộc hành trình

# Kỳ II

# KÝ ỨC

*Ngày 15 tháng 12 năm 2022*

**“Hãy đến đây một lần cùng chúng tôi bộ hành,**
**để cảm thấy bạn đang hạnh phúc dường nào”**

Con đường nối tiếp con đường, từng bước giẫm chân lên dấu bàn chân. Chúng tôi tiếp tục bộ hành trong sương sớm và bụi đường, băng qua những dặm dài xa lộ. Đoàn chúng tôi điểm tâm sáng bằng quãng đường 16km, chặng tiếp đến, điểm dừng chân ăn trưa đã lên đến cây số thứ 27.

Hôm nay, tôi làm phước cúng dường thực phẩm đến Tăng đoàn, ngoài thực phẩm, tôi nhờ nhóm hộ Tăng chuẩn bị thêm trái cây và nước ngọt. Ở bên kia đại dương, anh em huynh đệ đang tổ chức mừng ngày khánh nhật Sư phụ chúng tôi. Ở nơi xa, tôi chỉ biết làm chút phước sự nhỏ nhoi này. Nguyện dâng phần phước này đến ân Sư, người đã dạy dỗ tôi từ tấm bé cho đến tận bây giờ. Tôi vốn dốt văn nghèo chữ nên không biết diễn tả lòng biết ơn ân Sư thế nào cho hết. Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho ân Sư luôn được thân khỏe tâm an, mãi là bóng mát cho chúng sanh được nhờ nương. Trên trời mây trắng lững lờ trôi, chút lòng con xin gửi gió!

Người ta thường hỏi chúng tôi đi vậy để làm gì? Mỗi cá nhân trong đoàn chắc hẳn có mục đích khác nhau, còn với tôi, tôi đi để được đi và thấy ra vô vàn ý nghĩa khác. Thường chúng ta đang ở trong hiện tại chăn ấm đệm êm, nhà cửa đủ đầy vẫn không cảm



thấy hạnh phúc, ở đây mỗi khi đêm xuống, chỉ cần mặt đất sạch sẽ và bằng phẳng, chúng tôi đã cảm thấy hài lòng, chẳng mong gì hơn thế. Mỗi ngày chúng tôi chỉ ăn bữa trưa, mà nào có lựa chọn, có gì ăn đó đã quý lắm rồi. Mỗi bữa ăn có thêm trái chuối, trái cam để ăn sao mà ngon, mà ngọt đến thế, điều mà khi còn ở nhà thường tôi không nhận ra. Mời bạn hãy ngồi xuống ăn cùng tôi để thấy từng hạt cơm khô khốc, nhạt thếch, thơm ngái mùi gián. Ăn để thấy cơm quê hương vẫn là ngon nhất bởi nó mang hương vị quê nhà, thân quen trong từng ký ức. Tôi không nói cơm ở đây dở nhưng tôi nhớ cơm quê. Ngày còn bé, bà tôi nấu cơm bếp củi, chờ cơm ráo nước bà xé miếng lá chuối tươi đậy vào rồi úp nắp vung lên cho kín hơi. Đứa bé tôi chỉ chực chờ cơm chín để được mở nắp vung xem quanh miệng nồi có lớp nước cơm khô sém, màu xanh xanh mỏng tanh, giòn rụm chưa. Tới bữa, tôi thường tranh xới phần cơm màu xanh xanh ấy vào bát mình. Để rồi cho tới giờ, mùi thơm tuổi thơ ấy vẫn còn nguyên vẹn trong tôi. Tôi chợt nhớ bà da diết! Ở nơi cao xa kia chắc bà cũng đang dõi theo từng bước chân tôi!

Hãy đến đây một lần cùng chúng tôi bộ hành, để cảm thấy bạn đang hạnh phúc dường nào. Hãy đến đây, đi chung con đường cùng chúng tôi. Đến khi đôi chân phồng rộp bạn sẽ biết ơn con đường bằng phẳng xiết bao. Đến khi đôi chân mỏi nhừ, đi qua bóng cây xanh mát cũng làm bạn dễ chịu hay chiếc xe chạy qua mang theo cơn gió nhẹ cũng khiến bạn thấy hạnh phúc. Lúc đôi chân chẳng còn nghe lời, thì bạn sẽ tụt lại phía sau. Không có gì cả mà thật vui! Bạn có không gian lặng ngắm cả đoàn chư Tăng đi trong chánh niệm, tựa dải lụa vàng uyển chuyển đầy

huyền hoặc giữa màn sương giăng và bụi đường, nào khác một bức tranh. Đẹp! Hãy tận hưởng phút giây này vì khi nắng lên trời trong xanh, sương mù tan hết chỉ còn lại những trần trụi đời sống, cơ man là rác, thi thoảng xác những con thú chết dọc đường bốc mùi kinh khủng. Những dòng sông, những kinh rạch chỉ tuyền một màu, một màu đen không thể nào đen và đặc quánh hơn được nữa.

Hãy đến đây, để cảm thấy yêu cuộc đời này hơn vì cuộc đời đã cho bạn nhiều hơn thứ bạn cần. Ô hay nơi mảnh đất này, từng bước chân đi Theo dấu chân Phật hạnh phúc sao thật nhiều và cũng thật giản đơn! Nó luôn ở trong tầm mắt, trong tầm tay của bạn, bạn chỉ cần vui vẻ và mở lòng đón nhận thôi.

Tới xế chiều, có vị Sư đệ hỏi tôi: *"Sư huynh, nhờ huynh xem trong rèm đệ có phi nhân hay con ma nào nghịch chui vào chơi không mà nặng lắm thế. Sáng đệ thấy nó nhẹ hều mà giờ nặng trịch, đeo lên mà vai ê ẩm luôn á"*. Tôi cười phá bảo: *"Có con ma mệt to đùng ngồi trong đấy"*. Cả hai huynh đệ cười xòa, mấy con quạ đang bới rác giật mình bay lên, thả rơi vài tiếng quạ quạ có vẻ hờn dỗi.

Chặng đường hôm nay chúng tôi đi được 46,6km. Dừng chân, tôi dựng lều trại và chui vào nghỉ lưng một xíu, định bụng nghỉ chốc lát rồi dậy đi lấy nước để sáng mai rửa mặt, vậy mà ngủ thiếp lúc nào chẳng biết.

3h45 chư Tăng tụng thời kinh sáng, sau đó lên đường

Những bàn chân bắt đầu phồng rộp

# Kỳ III

# KHAM NHẪN

*Ngày 18 tháng 12 năm 2022*

**“Những ai bộ hành từ ngày này qua ngày nọ,**
**mới hiểu được kham nhẫn là như thế nào!”**

Đã qua rồi những quãng đường, những thửa ruộng chỉ còn trơ gốc rạ. Chúng tôi tiếp tục bước đi trên đôi chân bong rộp và đôi vai mỏi nhừ. Những ai bộ hành từ ngày này qua ngày nọ, mới hiểu được kham nhẫn là như thế nào!

Hồi chiều, lúc dừng chân hạ trại sau một ngày đường dài, bỗng Sư đệ la lớn. Tôi giật mình hỏi:

- Sao thế Sư ơi?

Đệ ấy bảo:

- Một móng chân của đệ nó rơi từ lúc nào rồi huynh ạ, bây giờ chân đệ đau quá!

Khi mà cái đau quá độ, nó sẽ tê rồi mất luôn cảm giác, đến lúc ngồi lại thì cảm giác chợt ùa về, nước mắt lưng tròng nhìn nỗi đau. Chớ có nghĩ là cứ nhìn vào nỗi đau thì cơn đau sẽ hết, nhìn vào nó chỉ càng đau hơn mà thôi. Như võ sĩ đấu boxing, nếu không đủ sức mạnh, chỉ là bao cát cho đối thủ đấm, nên cần đổi võ sĩ khác ngang cơ với sức mình. Còn với tu sĩ chúng tôi, khi đau thường không nhìn nó mà nhìn đối tượng khác để quên đi cái đau hiện hữu. Sư đệ tôi nhớ Ngài sơ tổ Hộ Tông thường niệm Phật (Arahan), vậy là vừa đi vừa niệm và kết quả là móng chân rơi lúc nào đệ ấy không hay.





Tôi nhớ lần trước, trong đoàn có vị Sư người Thái bị côn trùng cắn ở cẳng chân. Vết thương bị nhiễm trùng mưng mủ tới mức vỡ ra, ăn sâu vào tận xương. Vậy mà vị ấy chỉ lấy vải quấn quanh vết thương rồi vẫn bộ hành hằng ngày.

Nhìn thấy ở đây bụi bẩn dọc đường, vết thương khó mà lành được, chúng tôi năn nỉ vị ấy bay về nước để chữa trị mà vị ấy nhất định không. Cho tới khi chúng tôi nói:

- Thôi Sư thương chúng tôi! Chúng tôi biết Sư chịu được chút vết thương này, nhưng chúng tôi nhìn thấy thật không chịu nổi.

Lúc này vị ấy mới thương chúng tôi mà đồng ý về nước.

À, lại nói về nước, ở đây đi bộ dọc đường cả ngày chưa chắc cuối ngày chúng tôi được tắm. Dọc các con đường cao tốc thường không có bóng cây, không có giếng nước, đôi khi năm, bảy ngày chúng tôi mới được tắm một lần. Đi bộ mồ hôi ra thấm vào y, nắng nóng bốc hơi, còn muối bám lại trên y vằn vện như lông hổ. Cuối ngày đành lấy tay vò vò khô cho muối rơi bớt. Chớ có nghĩ chúng tôi ở dơ, mà chúng tôi ở dơ là thật.

Hôm kia, lúc dừng chân, nhìn qua hàng rào thép bên đường cao tốc là hồ nước xanh trong, cả đoàn liền dừng lại. Khi lều trại đã xong đâu đấy, huynh đệ chúng tôi rủ nhau leo hàng rào sang đấy tắm. Hóa ra tư tưởng lớn lại gặp nhau! Ra đến nơi thấy gần như cả đoàn đều ra tắm. Tôi được thỏa thuê thả mình trong làn nước như cho cơ thể hút no nước mà bao ngày nay nó thèm khát. Tôi lặn sâu cho làn nước lạnh thấm đẫm từng chân tơ kẽ tóc. Tắm xong lên bờ, tôi nhảy thật cao, cao hơn thường lệ vì cơ thể đâu đó nhẹ hơn rất nhiều.

Hôm nọ bên sườn núi, chúng tôi dựng lều sát vào nhau thành từng vòng; tôi không hiểu để làm gì nhưng trưởng đoàn bảo sao thì làm vậy. Đêm đến, xa xa vọng lại tiếng tru tréo như ma kêu quỷ hờn…

Sư đệ tôi hỏi vọng sang:

- Ma quỷ gì mà ghê và dữ dằn vậy? Nó không sợ cả chư Tăng luôn hả Sư huynh? Đệ có mang tượng Phật theo đây, đệ không sợ nó đâu.

Nói không sợ nhưng Sư đệ thì ở trong lều còn tôi chui ra ngoài. Tôi lấy đèn pin bật chế độ sáng nhất rọi xung quanh thì thấy cả một đám lửa xanh lơ lửng trông rất ma quái.

Có vị Sư lớn trong đoàn thấy tôi chăm chăm nhìn nên trêu tôi:

- Ma đấy, sợ không?

Tôi nào có sợ gì đâu!

Đi đường xa mệt hình như dây thần kinh sợ của tôi nó đứt hay tê liệt rồi thì phải.

Thấy tôi cứ nhìn mãi và như muốn tiến lại gần hơn đám lửa xanh kia, vị ấy mới bảo rằng:

- Tôi đùa Sư đấy, chỉ là chó rừng thôi, nhưng vết cắn của nó rất nguy hiểm, đừng đi xa quá.

Tôi phá lên cười rồi quay về kể cho Sư đệ nghe chuyện vừa xảy ra. Ngoài kia đêm đen, những đôi mắt nhấp nháy như ma trơi nhìn về phía đoàn chúng tôi đầy toan tính!

Thường mỗi bữa trưa, chúng tôi luôn đủ vật thực để dùng nhưng cũng có những hôm chúng tôi phải chia nhau phần vật thực ít ỏi.





Sư đệ tôi nói:

- Hình như hôm nay người cúng dường nghe nhầm 140 vị thành 40 vị Sư huynh ạ!

Chỉ một bữa một ngày, nhưng chúng tôi cũng phải lấy chút ít để dành cho vị sau. Ở đây, ai cũng là huynh đệ, đói cùng đói no cùng no.

Có vào tất có ra, cái này còn khổ hơn nữa! Mỗi khi lều trại chúng tôi nghỉ ở đâu là dân chúng người lớn lẫn trẻ nhỏ túa ra xem. Cái này cũng dễ hiểu thôi, như thuở bé, ở quê thấy Tây về làng là bọn trẻ con kéo nhau đi theo xem từ làng này sang làng nọ. Vừa đi theo vừa nhìn với đôi mắt hiếu kỳ, miệng thì không ngừng bình luận kiểu: *"Sao mà cao thế, trắng thế, mắt còn xanh nữa"*... Khi dân làng vây quanh, chúng tôi đành phải ráng nhịn. Đợi khi đêm xuống mọi người về hết, chúng tôi mới có thể đi vệ sinh hoặc chờ đến lúc 1-2h đêm khi không còn ai cả.

Sang đây, thức ăn nấu không như ở nước mình, không nhiều loại rau trái củ quả, khi có rau thì nấu chín nhừ như quê mình vẫn thường cho heo ăn. Thi thoảng chúng tôi xin rau củ ăn sống, nó rất ngon ngọt, vậy mà họ cứ nấu chín lụi, mất hết cả mùi vị vốn có. Ăn như vậy mãi nhiều vị bị táo bón, cái bụng cứng ngắc, thấy tội. Tôi không biết làm thế nào đành dâng sữa tươi chưa nấu cho các vị, uống xong chả mấy chốc là đi "re", nhẹ bụng liền. Trị tiêu chảy thì dễ hơn táo bón nên không có ai trách thuốc liều của tôi cả…

Mọi người thương nhau như anh em một nhà, nhất là thương vị trưởng đoàn, có gì ăn, huynh đệ chúng tôi đều chừa phần cho vị ấy. Hành động thật đẹp và ý nghĩa! Nhưng có phải như vậy không? Có lẽ chỉ người hành động mới biết...

Sư đệ tôi tủm tỉm cười:

- Nếu mình bị tiêu chảy thì không thể nào để trưởng đoàn bình yên được, hoạn nạn cùng nhau mà. Mình đau, còn trưởng đoàn cứ đi vâm vâm thì mình chỉ có chết mất thôi! Vậy nên mình phải thương trưởng đoàn nhất huynh ạ…

Chiều tà, đi trên con đường đang làm đầy bụi, chư Tăng lặng lẽ về đến nơi nghỉ.

Tôi quay sang hỏi Sư đệ:

- Hôm nay đệ sao rồi, đã ổn hơn chưa?

Sư đệ tôi trầm ngâm rồi nói:

- Hệ thần kinh của đệ nó có vấn đề thật rồi. Nó báo đau khắp toàn thân nên không biết chỗ nào đau thật, chỗ nào đau giả nữa.

Mỗi nhịp đi của đoàn thường chừng 3 tiếng mới nghỉ chân, sau một ngày đường dài tầm 40-50km thì cơ thể rã rời. Ngày qua ngày, khi cơ thể chưa kịp phục hồi thì lại đi, mệt dồn mệt, vết thương lại chồng lên vết thương. Đêm nằm trên nền đất lạnh, cái lạnh thấm dần vào cơ thể khiến ai nhiễm lạnh nhiều sẽ bị ho. Cách tốt nhất là ngồi ngủ hoặc nằm nghiêng để tránh cho phổi tiếp xúc với hơi lạnh từ nền đất. Nhiều vị hạnh tam y nhất bát, họ ngủ ngồi và trên người chỉ quàng tấm y hai lớp không có thêm chăn hay túi ngủ gì cả, kham nhẫn đến vậy là cùng!

Càng đi, càng tiếp xúc nhiều với đoàn, tôi thấy mình thật dễ duôi và yếu đuối. Niềm vui của tôi là mỗi ngày nhìn thấy Tăng đoàn đi, tiện hộ độ được gì, tôi hoan hỷ làm ngay.

Đêm đen, xa xa vẫn là tiếng chó rừng tru tréo như ma quỷ bên tai, vài tiếng ho gần xa đã xuất hiện, tôi chưa kịp ngủ lại đã hết ngày…

Dâng đến chư Tăng chút lòng thành

# Kỳ IV

# NHỮNG NẺO ĐƯỜNG

*Ngày 21 tháng 12 năm 2022*

**"Độc hành với cô đơn,**
**Như là loài tê giác;**
**Để gần với mình hơn!"**

Tiếp nối con đường là những con đường. Khi bàn chân đau, bạn sẽ thấy dặm trình trở nên xa ngái, đau nối thêm đau, trông thấy cái gì cũng làm ta khó chịu, bực bội… Cây cối ven lộ sao mà lưa thưa bám đầy bụi bẩn, cành khô gãy mục không ai dọn, rác thì khắp nơi, bầu trời thì mờ đục, nhìn đến cuối trời cũng chẳng có một tẹo mây, mấy con quạ đen sao mà ồn ào lắm thế!

Sư phụ cho tôi mấy câu thơ từ ngày còn bé, lúc đó tôi phá phách, đi học thì lắm bạn, bạn bè lên chùa chơi miết rồi tôi cũng trốn đi chơi cùng. Hồi ấy, tôi gầy đen nhẻm, cầm mấy câu thơ không hiểu gì, nhưng tôi vẫn giữ đến giờ:

*"Độc hành với cô đơn,*
*Như là loài tê giác,*
*Để gần với mình hơn!"*

Nhiều năm sau, khi có thêm chút hiểu biết, tôi mới hiểu về lời thơ của Sư phụ. Tôi nhờ người thêu bài thơ Haiku ấy lên mặt trong túi xách, chỉ mình mình thấy thôi. Bài thơ luôn nhắc nhở tôi phải lấy đó làm kim chỉ nam cho con đường





hành đạo. Thế rồi, đôi bàn chân lại tiếp tục lang thang dặm thẳm để tìm lại chính tôi. Đã quá lâu rồi tôi *"đã không độc hành với cô đơn"* mà thường rời xa chính mình. Cất bước trong im lặng để mọi thứ lắng yên, chỉ quan sát thôi, tôi học được nhiều điều.

Một mùi hương quen thuộc đâu đó thoảng qua, tôi nhớ ngay chén nước mắm với ít ớt bột, có thêm xíu tóp mỡ. Ngày ấy mỗi khi ăn, tôi cố vớt phần nổi trên chén vì nó béo, tôi thì thích ăn béo. Từ khi còn nhỏ xíu, mỗi khi nhà có thịt không bao giờ tôi ăn nạc, chỉ ăn mỡ. Có hôm nhà hàng xóm mổ heo, mẹ nấu cho tôi ăn một bữa thỏa thích; tôi ăn hết đâu tầm tám lạng thịt mỡ, sau đó cùng lũ bạn đi hái trái thù lù (tầm bóp) để ăn; ăn xong tôi bị nôn, vậy mà vẫn không sợ thịt mỡ. Lúc ấy tôi chưa đi học mẫu giáo, đâu đó tầm bốn, năm tuổi. Mà tôi có học mẫu giáo đâu nhỉ, lúc bảy tuổi tôi vào luôn lớp một. Cái số tôi cũng lạ, tiểu học, mỗi năm tôi học một trường, vậy là cấp một tôi học những năm trường, tính nghịch ngợm của tôi thế đó, không ai chịu nổi.

Ôi, lại nhớ! Tôi nhớ bát bánh canh gạo của cô làng bên, thường gánh đi bán mỗi sáng. Một bát chỉ năm trăm đồng nhưng tới giờ tôi vẫn không thể nào quên hương vị của nó, dù rất nhiều lần tôi ăn lại bát bánh canh của chính tay cô ấy nấu nhưng vẫn không tìm lại được hương vị xưa, cái hương vị ngon ngất đã in đậm trong ký ức. Phải chăng miếng ngon trong tuổi thơ nghèo khó luôn là miếng ngon nhất đời!

Trên đường đi, tôi thấy người ta bán đường bát, ký ức xưa lại ùa về. Thuở bé, mỗi khi bà đi chợ về mua đường kho cá, lựa lúc bà không để ý tôi thường cắn trộm. Tôi nghĩ chắc bà không biết và khoái chí thấy mình thiệt thông minh. Sau này lớn hơn một chút tôi mới biết, thực ra bà vờ không hay chứ vết răng sữa cắn vẫn còn nguyên trên cục đường đó, còn ai cắn ngoài tôi. Tôi lại thấy nhớ bà. Tôi dừng chân mua đường dâng chư Tăng. Mong bà tha thứ lỗi lầm tuổi thơ mà chở che tiếp bước cho tôi!

Bên đường, có mấy hàng quán xác xơ treo vài quả chuối và mấy loại trái cây bụi bẩn heo héo, nhưng sao trông vẫn ngon, cơ thể bắt đầu thiếu chất rồi thì phải? Vội đi nhanh thêm xíu, tôi mua thùng cam cúng cho cả đoàn, ai cũng hoan hỷ. Thấy trưởng đoàn nhìn mấy quả dừa, tôi lại vội bước mau, hiểu ý tôi muốn mua để cúng, vị ấy nói vọng theo:

- Chơn Tín đừng mua, nặng đấy!

Tôi giả vờ ngu không hiểu tiếng Thái, mua mấy quả cúng, vị ấy cười lắc đầu. Tôi tự thưởng cho mình một trái, uống vào nước chua lè, tôi cũng lắc đầu cười.

Bên kia đám ruộng, hai người phụ nữ và một em bé đang tát nước bắt cá, em bé lăn lộn trong đám sình trông rất vui vẻ, tôi thấy mà thương. Hình ảnh nhóc con lại đưa tôi về tuổi thơ, tuổi thơ đầy ắp tội lỗi; không một buổi trưa nào chịu ngủ, tôi cùng lũ bạn đi hái trộm hoa quả khắp xóm, từ quả non cho tới quả già; rồi cả đám lại đi bắt cá, bắt cua, bắt châu chấu, cào





cào. Mẹ tôi thấy thế nào cũng tặng cho tôi một "combo" cán chổi. Giờ, thi thoảng ngồi thiền, hình ảnh những con châu chấu gãy rời chân hiện ra khiến tôi kinh sợ đến hãi hùng! Mình thật là độc ác!

Tôi không chối bỏ quá khứ, tất cả dù xấu hay tốt đều là tôi cả. Chỉ là hiện tại, những hành động đó tôi không bao giờ làm nữa. Những thứ tưởng như đã quên tự lúc nào cứ chợt hiện về, hiện về… Tôi lặng im xem cuốn phim tuổi thơ đời mình.

Hình ảnh vị Sư bặm môi cà nhắc cất bước, tôi thấy thương và kính phục quá. Tôi lại nhớ những huynh đệ khi nhỏ cùng lao động vất vả, tay chân bị đứt chảy máu, chỉ nhai lá cây đắp qua loa, lại làm tiếp. Có vị Sư đệ đi làm cùng tôi bị rắn cắn, anh em garo vết thương xong, lại lo lắng đủ thứ, nhưng vị ấy thì cà nhắc từ trên núi đi xuống, cười cười nói:

- Bình thường, ăn thua gì đâu.

Tôi lặng xem hình ảnh huynh đệ từng người, từng người từ ký ức đang ùa về. Tôi xin cảm tạ ân tình huynh đệ và xin chắp tay sám hối chư vị đệ huynh trong đời sống, vì vô minh mà thân khẩu ý của tôi có điều không đúng, mong chư vị hoan hỷ chứng minh cho lòng sám hối của tôi; mong chư thiên hộ pháp luôn gia hộ cho chư vị trên con đường tu học… Ánh nắng ban trưa rơi trên y, làm cho tấm y màu hoại sắc như sáng hơn, tôi không nguôi nhớ những huynh đệ mình!

Đêm buông màn, tôi lê từng bước chân giữa đêm đen, nghe tâm mình lên tiếng. Chưa bao giờ tôi thấy nó lắm lời và nguy hiểm đến thế! Một chiếc xe đạp đi qua nó liền bảo:

- À, mình có thể đi xích ra gần đường một chút cho xe đạp tông; xe đạp tông chắc không sao, nhưng sẽ có lý do chính đáng; thế là mình được nghỉ đi hoặc có thể về nước vì tai nạn mà không ai nói gì.

Nó còn bảo tôi:

- Kia là đền thờ, vào đó ngủ đi, xíu nữa rồi đi tiếp hoặc xin nhờ xe người ta dọc đường đi theo sau cũng được!

… Nó lải nhải cả ngày, tôi mặc kệ, giờ tôi mới là ông chủ, tôi bắt mình phải đi, đi để xem nó lải nhải, nó thuyết phục, nó kể lể… cho vui!

Tôi - nó, nó - tôi nói với nhau một hồi cũng hết một ngày đường! Tôi nghiêng lưng nằm thở. Trong đêm, tôi nghe tiếng xe chạy, tiếng còi xe, rồi xa xa vài tiếng tàu rúc lên xé tan màn đêm đến tận lều. Ở đây, thật lâu tôi chưa nghe tiếng côn trùng nỉ non, có lẽ bởi sau một ngày dài mệt nên ngủ không biết gì. Đêm qua, chắc cũng mệt, tôi ngủ và mơ, mơ đang đi thì bị chó đuổi chạy thục mạng, nhưng chân vẫn bị nó gặm mấy nhát, đau quá, giật mình tỉnh giấc, bên ngoài đêm vẫn đen, sương phả xuống lạnh căm, tôi đưa tay sờ chân, thật hạnh phúc vì chỉ là mơ!

**Chú tiểu Chơn Tín (đứng thứ 2 từ phải sang) và anh em huynh đệ, năm 1998.**

**Lao động vất vả**

Shikhar

# Kỳ V

# NHÓM HỘ TĂNG

*Ngày 25 tháng 12 năm 2022*

**"Những người trong nhóm hộ Tăng**
**thực sự hết lòng phục vụ và vô danh phụng hiến"**

Hôm qua tôi mơ bị chó cắn, may chỉ là mơ!

Ở đây chó nhà và chó hoang rất nhiều, chúng hiền lành, vô hại và yên ổn hơn lũ chó ở quê mình. Cả đoàn đi qua chúng bình yên nằm ngủ không buồn mở mắt, cũng không thèm giật mình tỉnh giấc, vì đâu có sợ bị bắt. Thuở xưa, nuôi chó để giữ nhà, giờ bên mình nuôi thì người phải giữ chó, chứ hở ra là bị bọn "cẩu tặc" câu trộm ngay! Lũ chó ở đây yên tâm sinh sống vì không ai giết thịt, không ai làm hại; nhưng đa phần chúng gầy nhom, vết thương chằng chịt và nhiều ghẻ lở. Chắc vì miếng ăn, vì sinh tồn chúng phải giành giật, cắn xé lẫn nhau nên con nào cũng đầy những vết sẹo. Rồi cũng chẳng mấy ai cho ăn nên chúng trơ xương, gầy còm là lẽ dĩ nhiên! Con người ở đây, nhất là giới thủ-đà-la (lao động chân tay) và giới chiên-đà-la (nô lệ) họ còn ăn dơ, ở bẩn sinh ra hằng trăm thứ bệnh huống hồ là chó nhà, chó hoang… vất vưởng, lê thê, lếch thếch đầu đường xó chợ!

Lâu rồi, tôi gặp lại một người anh. Anh kể là sang Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) đảnh lễ Phật và cội Bồ-đề, dạo quanh





thánh tích thấy mấy con chó ngủ ngon, trông vô cùng hạnh phúc. Anh bảo mình làm lụng cả đời để kiếm tìm hạnh phúc nhưng rồi liệu có hơn được con chó nơi này hay không? Tôi đứng quan sát nơi này nhiều lần cũng thấy vậy. Lối vào Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) luôn được cảnh sát vũ trang bảo vệ; người vào phải qua máy soi chiếu và kiểm tra đến tận hai lần, họ khám xét rất kỹ như an ninh sân bay. Vậy mà bọn chó cứ đủng đa đủng đỉnh vào ra rất tự nhiên, rất tự do; nếu đem so sánh thấy kỳ kỳ, nhưng đôi khi thấy "con người ở nhiều nơi" còn thua cả con chó đất Phật!

Một chuyện khác, ở đây cứ chiều đến, trên những thân cây to, tàn rậm, bọn chim lũ lượt bay về ngụ đêm, phành phạch rào rào, kêu ồn ào đến điếc cả lỗ tai. Đất nước mình chim trời thấy hiếm, con nào còn thì nơm nớp lo sợ, thấy bóng người là bay. Nghĩ buồn thay, không biết chúng ta giáo dục thế nào mà hễ thấy chim chóc, muông thú là hỏi ngay: *"Con ấy ăn có được không, có ngon không?"* Ở đây có những con vật như bò, khỉ… được tôn thờ, chúng là hóa thân của thần linh; ví như tượng thần Hanuman là một con khỉ uy nghi; tượng thần Nandī là một con bò mộng to tướng; còn những con vật khác cũng được người dân để cho sống tự nhiên, không giết hại, không xâm hại. Còn nữa, người dân ở đây đa số theo Ấn giáo, họ ăn ngũ cốc và rau củ quả là chính, không mấy khi ăn thịt cá[1].

[1] Truyền thống ấy là hay, là đẹp; tuy nhiên trong các cuộc trung tế, đại tế tại các đền miếu, cội cây, thánh thất... các đạo sĩ Bà-la-môn cho giết cả trăm, cả ngàn dê, cừu... lấy đầu và máu để tế thần Agni (thần Lửa), từ thời Đức Phật vẫn còn tồn tại cho đến bây giờ (họ thờ cả hằng ngàn vị thần).

Ngẫm lại, loài vật sinh ra ở đất nước này, trong đa số trường hợp, xem ra cũng có phước hơn ở quê mình, luôn bị đe dọa tính mạng, đuổi cùng, giết tận; cái gì ăn được là người ta ăn hết, ngoại trừ con bù-loong chăng?

Hôm nay, sau giờ trưa, tôi theo xe nhóm hộ Tăng đi trước tìm chỗ nghỉ cho đoàn. Nhóm hộ Tăng gồm có 15 người: 12 người Ấn và 3 người Thái; họ sử dụng hai chiếc xe tải để phục vụ cả đoàn, thường một xe chở hành lý, lều trại, xe còn lại chở đồ ăn, thức uống. Mỗi sáng sau khi thức dậy, lều trại xếp đặt xong, chúng tôi mang ra xe tải để họ chất lên xe, hành trang cả ngày trên người chỉ còn lại y bát, giấy vệ sinh và nước uống. Bạn đừng nghĩ chúng tôi tự mang vác tất cả, cái gì cũng vác theo không thể mỗi ngày đi hơn 40km được. Buổi sáng, mỗi người tự mang 1,5 lít nước, rồi sau giờ ăn trưa lấy thêm 1,5 lít nước nữa; nhưng sau một chặng lữ hành, ai nấy đôi vai mỏi nhừ, đôi chân thì nặng trĩu.

Xe đi trước đoàn chư Tăng, cách chỗ nghỉ trưa tầm 18-20km; chúng tôi xuống đi bộ để tìm chỗ có thể hạ trại, nơi một chỗ đất bằng, rộng rãi nhưng phải "ít phân người". Đã có trường hợp, ngồi trên xe thấy chỗ ưng ý, mặt đất cỏ phủ đẹp đẽ, có vài lùm cây xanh nữa, nghĩ có thể hạ trại; nhưng xuống đi bộ xem thì đó là "nhà vệ sinh công cộng của cả làng", đành lắc đầu bất lực rời đi tìm nơi khác.

Tìm chỗ ngủ nghỉ thì phải tìm luôn giếng nước gần đó, thường là như thế trừ khi đi dọc cao tốc. Nước để các vị về có





thể vệ sinh tắm giặt, nước để rửa các nguyên vật liệu chuẩn bị nấu ăn cho hôm sau. Thức ăn thường là rau củ quả nên dễ sơ chế, nấu nướng. Sau khi nhóm hộ Tăng chọn vị trí và dừng xe, họ sẽ nấu một nồi nước sôi to để mọi người về có thể dùng ngay. Họ phân công nhau, một nửa nhóm chuyển lều trại xuống, một nửa sẽ chuẩn bị đi chợ cho ngày mai.

Chợ ở đây cũng rau củ quả là nhiều, rất ít cá thịt. Rau củ quả mùa này rẻ và tươi non. Nay tôi đi theo, đề nghị hôm sau nấu thêm nồi chè, mọi người có vẻ thiếu đường, thèm ngọt. Lượn quanh một vòng tôi mua được thêm hai thùng táo. Thực đơn hôm sau có vẻ phong phú hơn mọi khi, người Việt Nam dâng mà! Tôi là đại diện, đề nghị gì các bạn cũng chiều lòng, mua thiếu tiền tôi sẽ bù vào ngay! Còn nữa, các "ngày giới" trong chuyến đi, người Việt xin dâng cúng hết, nhóm hộ Tăng không cần phải tính toán sao cho vừa ngân sách. Vào ngày giới, các Sư nghỉ buổi chiều để tụng giới, họ sẽ lấy nhiều thức ăn hơn ngày thường. Tính ra mỗi tuần chúng tôi dâng cúng một ngày; ngày nào người Việt dâng cúng, đoàn sẽ có thêm món ăn. Các vị trong đoàn luôn có tình cảm đặc biệt với người Việt, chúng tôi không những bộ hành tốt mà còn luôn tận tụy săn sóc, chăm lo cho mọi người về thức ăn, vật uống; cái gì có thể làm được chúng tôi thực hiện ngay. Mỗi tuần chư Sư và cả nhóm hộ Tăng có được một ngày ăn ngon hơn, no hơn để bổ sung cho phần năng lượng đã hao hụt quá nhiều do dặm trình gian lao, vất vả...

Đặc biệt, nhóm hộ Tăng luôn niềm nở khi biết người trước mặt là người Việt. Tại sao vậy? Bởi thường ai đến cúng dường cũng chỉ biết đến Tăng, bao nhiêu vật thực dâng cúng hết cho

chư Tăng mà không để tâm, quan tâm đến nhóm hộ Tăng ăn gì, uống gì, trong khi họ là những người luôn lặng lẽ, âm thầm phục vụ. Tôi thấy thương nên xóa ngay tình trạng bất ổn này. Vậy là mỗi khi cúng dường, tôi chia sẻ đồng đều vật thực, không phân biệt gì cả. Họ cảm nhận được sự tôn trọng này. Từ chuyến đi những năm trước, khi mới nhập đoàn lần đầu, tôi đã chơi rất thân với họ và họ cũng rất mến người Việt mình, mỗi khi cần gì muốn nhờ giúp đỡ, họ vui vẻ ngay.

Như lần này, biết tôi hỏi chuyện đi chợ là hôm sau người Việt cúng dường, họ vui vẻ lắm. Họ hỏi tôi có thể nấu món Việt Nam để họ học cách nấu được không? Tôi bảo, đơn giản lắm:

- Cứ lấy rau luộc chín chấm xì-dầu ớt là OK rồi!".

Nghe vậy, họ nhìn tôi cười cười rồi gật đầu! Gật đầu tức là họ *"không đồng ý với cách rau luộc chín chấm xì-dầu"* ấy (Ấn Độ, cả Tích Lan, lắc đầu mới là đồng ý). Họ mà nấu thì phải nấu chín lụi chứ luộc chín tới như tôi nói là không ngon rồi, nấu chín lụi ăn cho đỡ phải nhai, hỗ trợ răng miệng và tiêu hóa thì phải?

Mải đùa rồi cũng xong công việc chuẩn bị cho ngày mai! Một cơn gió thổi qua mát rượi… Họ, những người trong nhóm hộ Tăng thực sự hết lòng phục vụ và vô danh phụng hiến, tôi biết ơn họ thật nhiều!

Chư Tăng tụng giới bổn Pāṭimokkha

Mỗi người một lều, giữa trời qua đêm

# Kỳ VI

.....

## HOA

*Ngày 28 tháng 12 năm 2022*

**“Trời càng sáng thì sương tan dần từng lớp, đồi núi như hòa vào sương từng lớp, từng lớp,... nhạt mờ rồi xa dần, xa dần trông đẹp như những bức tranh thủy mặc”**

Con đường ngày càng cao dần... đồi trập trùng đồi, núi trập trùng núi... Đồi núi hiện ra trong màn sương dày. Trời càng sáng, sương tan dần từng lớp, đồi núi như hòa vào sương từng lớp, từng lớp… nhạt mờ rồi xa dần, xa dần trông đẹp như những bức tranh thủy mặc. Trên những đỉnh núi xa thi thoảng mọc lên một ngôi đền trắng, có vẻ lẻ loi, cô đơn nổi bật giữa màu xanh lam, xanh mờ trùng điệp. Đoàn chư Tăng men theo con đường đang tung bụi mù phía dưới, đi tới, bước tới… Những chiếc y vàng như nét chấm phá cho bức tranh thêm hoàn thiện. Tôi đi sau mê mẩn nhìn…

Hôm nay, lúc đi qua một vùng núi, đoàn nghỉ chân, có hai chú chó ve vẩy đuôi lại gần tỏ rõ sự thân thiện. Thấy vậy, vị Sư này, vị Sư khác đem những gì có được cho hai chú. Không biết đã ăn no hay chưa mà khi đoàn đi, hai chú chạy theo, được một đoạn lại có vị khác cho ăn nữa. Có lẽ chư Sư nghĩ rằng, từng chặng, từng chặng đường như thế, cứ cho ăn thì hai chú sẽ đi theo đoàn… Nghĩ như vậy thì chư vị đã lầm… Nó sẽ không đi theo dặm trình xa như thế đâu! Lý do tại sao ư?

- Một bộ lạc còn hoang dã, man di mọi rợ, chuyên săn bắt, hái lượm trong rừng sâu, thấy tội quá cho về thành phố ăn ở với tiện nghi, nhu cầu đầy đủ, có lẽ chỉ ít hôm là họ lại trốn lên rừng!





- Những người bán vé số, lượm ve chai, mình thấy họ khổ quá nên thương, kêu lại nói "Này người ơi! Sống vậy cực khổ lắm, hãy từ bỏ đi, vào ở chùa với tôi sung sướng hơn nhiều!" Ta thử hỏi, họ có ở yên được trong chùa mà tu tập không? Hay được vài ba hôm họ sẽ bỏ trốn trở lại nghề cũ, nghiệp cũ, đúng theo nghiệp của họ. Nói cách khác, tất cả phải tương ưng với nghiệp, nếu nghiệp không tương ưng thì tình thương như trên sẽ vô ích và hoài công!

Tương tợ như vậy là lũ chó hoang.

- Thức ăn của chư Sư thương yêu cho chúng là "thực phẩm lạ" sẽ biến đổi đột ngột sinh lý cơ thể, sinh ra những biến chứng về dạ dày, về đường ruột; chúng tự biết nên bỏ đi.

- Do "môi trường, thói quen và nghiệp"!

Môi trường của chó hoang là đầu đường xó chợ, bãi rác và nghĩa địa… Thói quen của chúng là cắn xé lẫn nhau, sục sạo tìm thức ăn dơ bẩn và gặm khới cái gì kiếm được. Chính môi trường và thói quen này đã trở thành "nghiệp riêng của chó hoang", chi phối, dẫn dắt chúng "luân hồi, tái sanh" trở lại chỗ cũ, nơi cũ! Chúng sẽ đi theo tiếng gọi của nghiệp, năng lực của nghiệp.

Kể một chuyện khác.

Trên dọc đường đi, tôi và chư huynh đệ gặp những người dân thường; thỉnh thoảng có cuộc trao đổi do nhờ có thông dịch.

Họ hỏi:

- Chư vị là tu sĩ à? Đi đâu mà cả đoàn đông người có vẻ lam lũ, khổ cực như vậy?

- Vâng, chúng tôi là tu sĩ, tu theo Đức Phật Sākya-Muni (Phật Thích Ca).

Họ ngơ ngác.

Chúng tôi nói tiếp:

- Đức Phật Sākya-Muni (Phật Thích Ca); Ngài sinh tại đất Ấn này mà!

Đa số họ gật đầu - "gật đầu" nghĩa là không biết!

Thật là một sự thực đáng buồn. Trên mảnh đất quê hương của Đức Phật hiện nay, tín đồ Phật giáo chỉ tới con số 0,7%[1]. Thi thoảng dọc đường cũng gặp vài ba người biết đến Đức Phật; họ cung kính chắp tay chào; và cảm động nhất là họ sờ đôi chân lấm bụi của chúng tôi rồi xoa lên đầu mình để tỏ lòng thành kính.

Người Ấn cao lớn hơn người Việt nhiều, họ có nước da ngăm đen, râu mép, râu cằm tua tủa, rậm rịt trông rất dữ dằn; nhưng thật ra họ rất hiền. Chúng tôi nói, họ không hiểu gì, và ngược lại. Nhưng cứ xí xố qua lại, cười chào nhau rất thân thiện rồi đi.

Đặc biệt, người Ấn bình thường rất thích được người nước ngoài chụp ảnh; họ nói:

- Bạn hãy mang ảnh của tôi đi ra thế giới cho tôi được mở mang tầm mắt.

Thật ra, họ không nên tự ti như thế. Tuy khá nhiều tiểu bang còn đói nghèo, lạc hậu, lam lũ, thiếu mọi tiện nghi tối thiểu…

[1] Hindu (Ấn giáo) 79,8%, Hồi giáo 14,2%, Kito giáo 2,3%, đạo Sikh 1,7%, đạo Jain 0,4% (theo điều tra dân số Ấn Độ năm 2011).





nhưng họ lại là dân tộc thông thái thuộc loại bậc nhất thế giới. Biết bao giải Nobel, biết bao nhiêu phát minh khoa học, biết bao nhiêu nhà hiền triết, đạo sư, chân sư… mà tư tưởng của họ ảnh hưởng toàn nhân loại! Ví như Đức Phật, ví như Krishnamurti; ví như Gandhi, ví như Nehru, ví như Tagore, ví như Mẹ Teresa… cùng nhiều tỉ phú nổi danh đương đại (xem thêm chú Google sẽ rõ hơn).

Kể thêm một chuyện khác nữa.

Do trong đoàn có vị đi nhanh, vị đi chậm, vị đau chân ngồi nghỉ dọc đường… nên đôi khi các nhóm cách nhau khá xa. Hôm ấy, nhóm huynh đệ chúng tôi chậm chân nên không thấy bóng dáng đoàn đi trước. Kinh nghiệm dân gian Việt Nam có câu tục ngữ *"Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ!"* nên tôi ra dấu bằng tay chỉ trỏ nơi y áo, nơi bình bát… hỏi với các cụ bên đường. Với ý là các cụ có thấy các nhà Sư mặc y áo như vậy, đeo bát như vậy đi cả đoàn về phía này không? Thế là các cụ "lắc đầu" ra dấu đưa tay chỉ về phía trước, có ý nói là có, có… Thế là yên tâm, chúng tôi bước đi. Một đỗi, đi được đoạn xa, chúng tôi lại hỏi các cụ bên đường với cách hỏi như trên, và cũng được các cụ "lắc đầu" chỉ về phía trước. Kết quả là chúng tôi bị lạc. Khi điện thoại có sóng nhận được tín hiệu vị trí từ đoàn, nhóm chúng tôi cách đoàn đi trước non 10km; phải mất tầm hai tiếng chúng tôi mới gặp được đoàn. Từ đấy tôi nói với huynh đệ xung quanh là đừng hỏi đường dân Ấn nhé! Mình chỉ tay về phía trước, họ sẽ "lắc đầu, oke ngay!"

Lại nói về cảnh sát Ấn. Dọc đường đi mỗi khi băng qua ngã ba, ngã tư, cảnh sát luôn chặn xe lại để đoàn chúng tôi đi

qua xong mới cho lưu thông. Họ rất lịch sự. Có lẽ họ cũng sợ cái nghèo đói của dân chúng làm ảnh hưởng đến hình ảnh đất nước Ấn, nên khi những người ăn xin lại gần chúng tôi, họ xua đuổi (chai-lô) đi. Nhưng khi nhóm ăn xin rời xa rồi, họ lại "lắc đầu" đưa tay xin tiền chúng tôi! Quả thật quá đỗi bất ngờ. Ai đã đến Ấn Độ du lịch sẽ hiểu cảnh này.

Chúng tôi, dặm lữ đầu-đà khổ hạnh (dhutaṅga) như vậy, ý nghĩa kinh điển vị nào cũng biết là "thiêu cháy phiền não" phát sanh do tham đắm cái ăn, cái mặc, cái ở… Và cũng có thể mỗi vị sẽ có một ý nguyện và lý do riêng, nhưng mục đích chung của chúng tôi là muốn mang hình ảnh chư Tăng đã vắng bóng cả ngàn năm[1] về lại với quê hương của Phật Tổ. Chúng tôi hy vọng nhen nhóm lại ngọn lửa tâm linh từ lâu đã lụi tắt trên mảnh đất thiêng liêng này.

Ôi! Sương lạnh ướt Tăng bào, nhưng lửa lại bập bùng rực cháy trong tim chúng tôi.

[1] Thế kỷ XII, Hồi giáo xâm lăng Ấn Độ, họ đã tận diệt tất cả tôn giáo ở đây. Họ đập phá tất cả đền miếu, tu viện, thiền viện… và giết hại tất cả tu sĩ, đạo sĩ. Riêng tại trường đại học danh tiếng Nālanda, họ đã giết mười ngàn giáo sư, Tăng sinh (sử nói rằng, họ ngồi yên cho Hồi giáo giết, mặc nhiên không kháng cự); khi khảo cổ khai quật, thấy máu đọng thành vũng trong đất, lâu năm hóa thạch thành từng khối long lanh màu hổ phách!

Đường về Kukkuṭapāda-giri (Kê Túc Sơn)

# Kỳ VII

# CHUYỆN CỦA GIÓ

*Ngày 1 tháng 1 năm 2023*

**“Hương các loài hoa thơm,**
**Không bay ngược chiều gió;**
**Nhưng hương người đức hạnh,**
**Tỏa ngát bay muôn phương”**

Trên đường về Uruvelā (Khổ Hạnh Lâm), chúng tôi đi ngang qua Kukkuṭapāda (Kê Túc Sơn), đoàn hạ trại dưới chân núi để nghỉ đêm; sáng mai sẽ bộ hành lên núi. Ngọn gió đêm mơn man, mon men lại gần, chui vào lều, nói thầm vào tai tôi rằng:

- Sư biết không, đây là Kukkuṭapāda (Kê Túc Sơn), nơi thường ở và tịch diệt Niết-bàn của tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp), người được Đức Phật ngợi khen là đệ nhất đầu-đà. Sư biết về đầu-đà chứ? Biết về khổ hạnh chứ?"

Rồi gió kể như sau:

- Đầu-đà khổ hạnh được dịch âm từ nguyên ngữ Pāḷi "dhutaṅga". Đây là những pháp làm cho phiền não được tiêu hủy nhanh chóng bằng một đời sống thiểu dục, tri túc, viễn ly, độc cư và sự tinh cần không ngưng nghỉ. Thời Phật còn tại thế, Ngài cho phép thực hành tất cả 13 pháp hạnh như thế:

1- Hạnh phấn tảo y (lượm vải người ta quăng vất dọc đường, đống rác, vải bó tử thi ở nghĩa địa, đem về may vá thành y để mặc),

2- Hạnh ba y (y nội, y ngoại và y hai lớp (Tăng-già-lê)),





3- Hạnh khất thực,

4- Hạnh khất thực từng nhà,

5- Hạnh nhất tọa thực (mỗi ngày chỉ ngồi ăn một lần),

6- Hạnh thọ thực bằng bát,

7- Hạnh không để dành đồ ăn (không nhận đồ ăn sau khi đã ăn xong),

8- Hạnh ở rừng,

9- Hạnh ở gốc cây,

10- Hạnh ở giữa trời,

11- Hạnh ở nghĩa địa,

12- Hạnh nghỉ chỗ nào cũng được hoặc do Tăng chỉ định,

13- Hạnh ngồi không nằm.

Trong những pháp trên, tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp) "không nguyện giữ hạnh thứ 4 là khất thực từng nhà" mà Ngài tùy duyên hóa độ cho những người nghèo khổ. Như hôm kia, sau một tuần nhập diệt thọ tưởng định, tôn giả mang bát đi theo con đường mòn dọc triền núi heo hút để khất thực. Nhưng lạ thay, con đường hôm nay như bằng phẳng hơn, dân cư lại đông đúc, trông họ giàu sang và xinh đẹp nữa. Đưa mắt, hướng tâm, tôn giả biết họ là chư thiên các cõi hiện xuống để đặt bát cho mình. Ngài dịu dàng, từ tốn bảo:

- Này các vị thiên sang cả, hãy trở về đi, đừng có tranh phước của người nghèo mà tội người ta lắm!

Trước câu nói và ánh nhìn của bậc thánh, các vị thiên biết ý nguyện được đặt bát đã không thành, họ liền trở lại cõi trời. Lúc ấy vua trời Tāvatiṃsa (Đao Lợi) nhìn thấy hết, ngài cười và nói với thiên hậu rằng:

- Các vị ấy đi đặt bát cho tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp) mà ăn mặc cao sang như vậy thì Ngài từ chối là phải; hậu hãy đi với ta, chúng ta sẽ đặt bát cho Ngài ấy.

Nói xong vua liền cùng với thiên hậu hiện xuống bên chân núi, dùng thần lực hóa hiện một túp lều tồi tàn; vua trời biến mình thành lão già lọm khọm, thiên hậu thì biến thành bà lão lem hem.

Ông lão đang ngồi hơ lửa lạnh run run, bà lão lụi cụi trong bếp làm gì đấy, Ngài Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp) đi ngang thấy nhà nghèo liền đằng hắng mấy tiếng. Ông lão đưa tay lên tai như cố để nghe, rồi lẩm bẩm:

- Này bà ơi! Có ai thì phải, bà ra xem xem.

Bà lão lầu bầu:

- Có ai lại đến cái nơi nghèo xơ nghèo xác này chứ.

Miệng thì nói bà vẫn từ trong bếp đi ra, ra ngoài sân qua màn sương dày bà thấy một vị tỳ-khưu với tấm y vá chùm, vá đụp nghèo quá đỗi, bà quay trở lại nói to vào tai ông:

- Có một vị tỳ-khưu đi khất thực đang đứng trước nhà chúng ta.

- À à... tỳ-khưu đi khất thực à, trong bếp còn gì ăn được không, hãy đem ra, bà và tôi cùng đặt bát cho vị ấy nào.





Bà lấy mấy món ăn từ bếp, dìu ông đứng dậy, cả hai lọm khọm ra để đặt bát. Khi thức ăn được đưa đến trước bình bát, chỉ thoáng mùi hương, tôn giả đã đưa tay ngăn lại rồi bảo:

- Thôi mà, sao vua trời lại đi tranh phước của người nghèo chứ?

Biết đã bại lộ, cả hai quỳ xuống thưa:

- Tôn giả ơi, chúng con nghèo quá, thật là quá nghèo. Tôn giả nghĩ mà xem, con làm cầu, đắp đường, làm không biết bao nhiêu việc phước thiện thời không có Đức Phật và chư Thánh chúng mà được sinh làm vua trời Tāvatiṃsa (Đao Lợi). Ngày nay, mọi người làm phước cúng dường đến Đức Phật và chư Thánh chúng tỳ-khưu; sau khi nghiệp ở đây chấm dứt họ sinh lên cõi trời với sắc thân xinh đẹp, lâu đài lộng lẫy, hào quang rực sáng. Là vua của họ mà ánh sáng của con so với họ như ánh sáng con đom đóm so với ánh trăng; y phục của con khi ở gần họ như là đồ cũ từ kiếp nào, thực con không sao nói hết cái sự nghèo của chúng con, thưa tôn giả. Xin tôn giả hãy thương tình chúng con nghèo khó mà cho chúng con được đặt bát cúng dường.

Nói xong Sakka (Đế Thích) và thiên hậu lạy như tế sao. Nghĩ lại, sự thực ấy cũng đúng, nên tôn giả nói:

- Thôi được rồi, chỉ một lần này thôi đấy.

Lòng đầy hoan hỷ, Sakka (Đế Thích) và thiên hậu đã đặt vào bát của tôn giả thức ăn của cõi trời. Sau lời chúc phúc, tôn giả lại về núi. Thiên đế Sakka (Đế Thích) và thiên hậu trở lại cõi trời hưởng phước mới của mình".

Ôi! Chuyện gió kể như chỉ mới xảy ra hôm qua, tôi say sưa lắng nghe rồi chìm vào giấc ngủ lúc nào không hay!

Sáng, chúng tôi bộ hành lên núi, không biết có phải "người nghèo quý tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp) hay gì" mà họ tập trung ở dưới chân núi này nhiều lắm. Nhà cửa ở đây cũng vậy, toàn nhà vách đất lợp lá thấp tè, quanh vách tường đất thi thoảng ịn lên đấy từng bánh phân bò. Đây là chất đốt của người dân xứ này; đừng nghĩ phân bò dơ, nướng japati (bánh mì roti Ấn Độ) bằng phân bò mới là ngon và thơm nhất!

Đoàn chúng tôi đi qua, lũ chó giật mình sủa lên nhặng xị, con đường quanh co qua làng rồi nối vào đường núi. Đường làng thì đất đá lởm chởm, còn đường lên núi được thập phương Phật tử hùn góp làm thành các bậc thang dễ đi. Trong sương mù, chúng tôi dò dẫm lên núi, có vị mệt quá, ngồi nôn thốc ra cả nước xanh, nước vàng. Sương mù dày đặc khuất tầm nhìn, không thấy gì ngoài những tảng đá và lùm cây ven đường, cả đoàn rọi đèn để đi. Từ xa nhìn thấy ánh đèn loang loáng, tôi bước chân đi mà tim đập đơn, đập kép liên hồi, chắc tại cả chục ngày nay đi mệt, cái thân tôi chưa được nghỉ ngơi. Hít thật sâu, khí lạnh tràn vào phổi cho chóng khỏe, cái lạnh làm tôi tỉnh người hơn. Tiếp tục cất bước trong mờ sương, tôi như mơ như thực thấy một vị Sư già với tấm y cũ rách đang đi trước tôi.

Bình minh lên, sương dần tan, đỉnh núi đá hiện ra trước mắt. Toàn đá là đá, vách đá dựng đứng, tôi nghĩ bụng, vậy rồi sao mà lên? Nhưng đến gần giữa hai phiến đá thấy có một lối nhỏ, chúng tôi lách mình vào rồi đi lên; tới đỉnh thì trời đã sáng, nhìn ra xa cả một vùng đồi núi rộng lớn, cây xanh và cây bụi lúp xúp; thi thoảng những cây thốt nốt đứng thẳng, vững chãi vượt cao lên trông thật đẹp.





Nhìn khung cảnh núi rừng kỳ vĩ, điểm tiếng chim kêu, khỉ hú thật dễ chịu. Giữa đỉnh núi, ngôi bảo tháp Phật giáo vươn cao, uy nghi, đi từ xa vẫn có thể nhìn thấy. Nép mình bên dưới đỉnh núi một chút là mấy tảng đá chụm lại tạo thành hang động, tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp) thường cư ngụ ở đây và nhập Niết-bàn cũng ở đây. Tôi vào hang động ngưỡng vọng đảnh lễ ngài, vị đệ nhất đầu-đà. Ngồi thiền một lúc chợt toàn thân thật ấm, hóa ra ánh dương lên tỏa ánh sáng và hơi ấm đến tận trong hang động. Đến giờ phải rời đi, tôi ngâm lên bài kệ thứ 54 trong kinh Pháp cú để cúng dường đến Ngài:

*"Na pupphagandho paṭivātameti*
*Na candanaṃ tagaramallikā vā*
*Satañ ca gandho paṭivātameti*
*Sabbā disā sappuriso pavāyati."*

*"Hương các loài hoa thơm,*
*Không bay ngược chiều gió;*
*Nhưng hương người đức hạnh,*
*Tỏa ngát bay muôn phương."*

Ôi kỳ diệu thay! Ngài ở đây làm cho ngọn núi vô danh cũng trở nên hữu danh, những tảng đá lặng câm không nói gì nhưng đâu đây còn thoang thoảng một mùi hương!

**Phụ chú:**

Có "ngoại sử" và "biên niên sử" kể về cuối đời của tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp), xin cống hiến chư độc giả cùng tham khảo:

"Sau đại hội kết tập Pháp và Luật lần thứ nhất, tôn giả Mahā Kassapa thấy mình đã hoàn thành sứ mạng với chánh pháp nên quyết định Vô Dư Niết-bàn. Tôn giả đã trao quyền lãnh đạo Tăng-già cho tôn giả Ānanda (A Nan), sau đó, ngài tìm đảnh lễ các thánh tích lần cuối rồi đi, đi mãi… Vì lúc này tôn giả đã 120 tuổi già, sức đã yếu nên Ngài cứ chậm rãi, lặng lẽ bộ hành đến núi Kukkaṭapāda-giri (Kê Túc Sơn - vì có ba ngọn núi chụm lại như ba móng chân gà); leo lên tận đỉnh, tìm vào một hang động rồi ngồi kiết-già tĩnh lặng, tự tại chú tâm, chánh niệm vào hơi thở. Trước khi đi vào Nirodhasamāpatti (Diệt Thọ Tưởng định), tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp) phát nguyện: *"Xin cho thân xác này, tấm y vải gai thô cứng này (tấm y Đức Thế Tôn trao đổi) sẽ bất hoại, sẽ còn nguyên vẹn cho đến khi Đức Phật Metteyya (Di Lặc) xuất hiện ở đời!"*

Ở đây, chúng ta nên biết là tôn giả phát nguyện như vậy, là để trao truyền lại "tấm y vải gai thô cứng" có được từ Đức Phật Gotama cho Đức Phật Metteyya như là tiếp truyền chánh pháp cho muôn đời sau.

Cũng sau lời phát nguyện ấy, tôn giả Vô Dư Niết-bàn, hai vách đá từ từ khép lại, chôn giấu nhục thân của tôn giả. Sau này, chư vị tôn giả như Sāriputta (Xá Lợi Phất), Mahā Moggallāna (Mục Kiền Liên), Ānanda (A Nan)… đều để lại xá-lợi nhưng tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp) thì không thấy!

Ôi! Một cuộc đời Thánh hạnh! Một cuộc đời trắng sạch như vỏ ốc! Một cuộc đời cần cần nghiêm tu! Một cuộc đời đầu-đà đệ nhất sáng rỡ đến muôn đời sau để hàng sa-môn hậu học noi gương!"

**Trên đỉnh Kukkuṭapāda-giri (Kê Túc Sơn)**

# Kỳ VIII

# KHỔ HẠNH LÂM

*Ngày 4 tháng 1 năm 2023*

**“Ở đây, những ngôi làng nghèo neo vào núi, trông đơn sơ, mộc mạc... trải dài từ chân núi này sang chân núi nọ. Trong sương mù sớm mai, từng mái nhà như ẩn, như hiện dưới tán cây thốt nốt trông yên bình, đượm nét mộng mơ”**

Núi lại tiếp núi, chúng tôi bộ hành về Uruvelā (Khổ Hạnh Lâm), nơi xưa kia Bồ-tát Siddhattha (Tất Đạt Đa) sáu năm tu khổ hạnh. Ở đây, những ngôi làng nghèo neo vào núi, trông đơn sơ, mộc mạc… trải dài từ chân núi này sang chân núi nọ. Trong sương mù sớm mai, từng mái nhà như ẩn, như hiện dưới tàn cây thốt nốt trông yên bình, đượm nét mộng mơ. Nhà dân ở đây đa số được lợp bằng cây lau, vách đất hoặc gạch nung; gọi là nhà cho "sang" chứ tôi thấy nó tuềnh toàng và sơ sài quá đỗi. Người dân nuôi dê, chăn bò và làm ruộng sinh sống.

Sáng ra, lác đác vài người leo lên cây thốt nốt cao để lấy nước nấu đường. Đi qua thấy họ đang đổ nước lấy được vào các thùng nhựa, chúng tôi đến mua uống thử, nó mát và ngọt tựa nước dừa.

Men triền núi, đất đai cằn cỗi; đá lục cục, lòn hòn khiến chúng tôi bước đi tập tễnh; những đôi chân đang đau bước trên con đường này quả là cả một thử thách lớn lao!

Đã hơn 9h mà sương mù vẫn chưa tan, vương vấn tán cây, cành lá; ôm ấp ruộng đồng, xóm làng, núi non tạo nên gam màu





bảng lảng… nơi mờ, nơi nhạt… trông rất nên thơ. Đoàn chư Tăng đi trong mờ sương, băng qua đồi núi và ruộng đồng; nhiều lúc gió thổi mạnh làm sương tan từng khoảng; khiến cho cả đoàn chư Tăng chợt hiện lên trên con đường như bước ra từ "huyền thoại ngàn xưa". Đẹp, thật đẹp! Đẹp không tả nổi!

Tới gần trưa, sương tan dần mới lộ rõ hai bên đường cơ man nào là ruộng cải đang rộ bông; ngồng cải cao hơn đầu... thơm dịu, ngọt lịm tim, tôi hít cho đầy lồng phổi mùi hương quen thuộc ấy. Tôi nói với Sư huynh:

- Thơm quá luôn Sư huynh à!

Sư ấy bảo:

- Huynh biết mùi hương qua lời đệ kể, chứ mũi của huynh, hậu Covid, không có ngửi được mùi gì cả và đang bị cảm nghẹt mũi nữa nên giờ chỉ nhìn mà như "chộ" thôi!

Nghĩ mà thương Sư huynh quá, mấy năm Covid, huynh ấy chăm sóc rất nhiều người bệnh mà không có hề gì; thế mà dăm hôm trước khi đi chuyến đầu-đà này thì bị con virus bé nhỏ ghé thăm! Cả hai chục ngày nay, tối nào huynh ấy cũng ngủ ngồi vì cứ nằm xuống là ho, tiếng ho vọng xa đến độ các vị Sư Thái đến hỏi tôi:

- Chơn Tín ơi! Sư ấy có thuốc uống chưa, sao ho miết vậy, rồi làm sao mà đi nổi?

Tôi nói:

- Xin cảm ơn! Huynh ấy vẫn đang uống thuốc, hy vọng vài ngày tới sẽ có chuyển biến tốt!

Sư huynh còn bảo tôi:

- Chuyến này đi là bởi đọc bài viết "Đi qua những mùa hoa cải" mấy năm trước thấy thích quá; nhưng giờ chỉ nhìn thôi, hy vọng một thời gian nữa tôi cũng có thể ngửi được mùi hương của nó!

Xa xa là ngọn núi đá khô khốc, lèo tèo vài cây xanh cằn cỗi, đá dựng lởm chởm như thách thức cùng thời gian; đấy chính là Khổ Hạnh Lâm, tụ lạc Uruvelā thuở nào. Tới gần chân núi thấy cây xanh tuy nhiều hơn, nhưng mặt đất vẫn khô cằn, cỏ dại vàng khè từng mảng; đây đó đàn dê đang mải miết gặm cỏ, vài chú dê con lon ton chạy nhảy, đùa vui cùng lũ khỉ.

Dân ở đây còn nghèo hơn cả chân núi Kukkuṭapāda (Kê Túc) của ngài Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp)! Chúng tôi đi qua, cả ngôi làng vắng tanh, lặng ngắt! Đưa đôi mắt lừ đừ ngái ngủ nhìn chúng tôi ra vẻ ngạc nhiên chính là lũ chó trông nhà! Tôi giải thích cho Sư huynh biết vì sao cả làng lặng như tờ thế này. Là bởi dân làng đa số sống bằng nghề ăn xin, giờ này phụ nữ, người già và trẻ con đang trên Uruvelā (Khổ Hạnh Lâm). Họ ngồi chờ khách thập phương đến viếng để xin chút lòng thương! Thanh niên thì lên chân núi để gánh kiệu cho những ai muốn lên núi nhưng không tự mình đi được. Cả làng trống trơn là do thế.

Trưa xuống, cả đoàn nghỉ ở chân núi đi bát độ thực. Chiều chúng tôi đi bộ lên động Khổ Hạnh. Hai bên lối lên cơ man nào





là người, người ta ngồi ăn xin, toàn người già phụ nữ và trẻ con, những đứa trẻ bé xíu, đen điu, gầy rộc. Tôi nhìn mà không cầm lòng nổi, thương chúng quá!

Hãy còn đầu giờ chiều, vài cơn gió thổi qua đã cảm nghe buốt lạnh; còn khi hè thì nóng như lửa thiêu khiến ngọn núi này trơ trọi. Cam chịu được thời tiết như thế quả thật là khổ hạnh không ngoa! Vào động đảnh lễ tôn tượng Bồ-tát, đột nhiên tôi rúng động toàn thân, chợt nhớ trong Trung bộ kinh có ghi lại đoạn nói về Bồ-tát khổ hạnh:

*"Vì Ta ăn quá ít mỗi ngày, nên cơ thể Ta trở nên hết sức gầy yếu. Tay chân Ta như các lóng tre khô đầy khúc khuỷu. Hai bàn tọa của Ta trở thành giống như móng trâu, xương sống với cột tủy lồi ra trông giống chuỗi hạt. Xương sườn Ta lộ rõ như rui cột của ngôi nhà đổ nát. Đồng tử của Ta nằm sâu trong hố mắt thăm thẳm, long lanh giống như ánh nước long lanh từ dưới giếng sâu. Da đầu Ta khô héo nhăn nheo như trái mướp đắng được cắt đem phơi nắng khô héo nhăn nheo. Nếu Ta muốn sờ da bụng thì Ta đụng nhằm xương sống vì hai thứ đã dính sát vào nhau. Nếu Ta muốn đi đại tiện hay tiểu tiện thì Ta ngã úp mặt xuống đất. Nếu Ta chà xát tay chân thì đám lông hư mục rụng xuống trong tay Ta".*

Ôi kinh khiếp thay là ý chí, là sự định tâm của Bồ-tát, trời đang lạnh mà tôi toát vã mồ hôi, tôi ngồi thiền ngoài động một lúc lâu. Khi đứng lên mặt trời đã ngả về tây, đưa mắt về xa đâu rồi con sông trong xanh Nerañjarā (Ni Liên Thiền) nơi mà Bồ-tát xuống tắm, đâu rồi cội Bồ-đề nơi Ngài thành đạo. Ánh sáng tắt dần trong mắt, đêm lại về tịch mịch trên mảnh đất khô cằn này.

Những ngôi nhà và làng của người nghèo dưới chân Uruvelā (Khổ Hạnh Lâm)

Những bàn chân đau

Hôm nay chúng tôi đi được 53,26km

Uruvelā (Khổ Hạnh Lâm)

# Kỳ IX

# Thương một dòng sông

*Ngày 8 tháng 1 năm 2023*

**“Hãy đi, sục đôi chân đang đau vào cát**
**để nghe từng nỗi đớn đau hơn của dòng sông”**

Lúc đêm ở Uruvelā (Khổ Hạnh Lâm) mưa rớt ào ào, rồi mọi người ai cũng cười vui vẻ chạy mưa; những đồ đoàn, vật dụng, y áo còn đang phơi ngoài trời phải gom thu lại. "Khổ hạnh" thì xá gì xíu mưa này, rồi đâu cũng vào đó! Giấc ngủ lại ập đến trên đôi mắt đã không còn mở nổi.

Như lệ thường, 2h45 chúng tôi thức dậy, xếp lại lều trại đã ướt sũng và tụng thời kinh tri ân núi rừng, mặt đất đã cho chúng tôi trú ngụ và có giấc ngủ ngon.

Sáng ngày ra, chúng tôi vẫn tiếp tục bước đi, đôi chân đưa chúng tôi đi, đi về đâu ư? Chúng tôi không biết, chỉ biết đi là đi, đích đến ở đâu chỉ có trưởng đoàn biết; không biết cũng có cái hay, hoàn toàn tin tưởng vào vị dẫn đạo; khi thấy đích đến chỉ là đến đích, không có tưởng tượng trước sẽ như thế nào, "cứ nhìn nó như nó là!"

Trưa, chúng tôi đến chân một núi đá, toàn đá là đá. Đá chênh vênh, đá nghiêng nghiêng, đá đứng, đá nằm, đá to, đá nhỏ hỗn loạn trong sự sắp đặt tài tình của thiên nhiên. Trông thì hỗn loạn nhưng thiên nhiên khéo sắp đặt không thừa không thiếu, rất nghệ thuật. À, mà từ "nghệ thuật" nghe ra cũng không ổn! Nói "tự





nhiên" thì đúng hơn. Nghệ thuật đâu có bằng tự nhiên, nghệ thuật chỉ là "học theo tự nhiên, bắt chước tự nhiên" mà thôi!

Chiều, chúng tôi lên núi tham quan quần thể hang động Lomas Rishi, những hang đá trơn nhẵn bóng loáng, đây là một trong số các hang động Barabar, thuộc loại cổ xưa nhất tại Ấn Độ do con người đục từ đá mà thành. Nó được tạo ra dưới thời trị vì của Đế chế Mauryā (Khổng Tước) (322-185 TCN). Người xưa thỉnh thoảng cũng tạo nên được những công trình thật sự đáng kinh ngạc, mà kỹ thuật khoa học ngày nay cũng lắc đầu ngao ngán. Từ hang động Lomas Rishi, chúng tôi lại bộ hành sang một vùng núi khác, để xem những pho tượng cũng được tạc cùng thời với hang động Barabar.

Sáng hôm sau chúng tôi ngược Nerañjarā (Ni Liên Thiền) để về Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng), ngày nay nó có tên là Falgu-River. Mùa này con sông cạn nước, nhiều đoạn còn nước chỉ xâm xấp bàn chân. Đi dọc dòng sông này mới thấy thương nó thật nhiều, mùa nước nó mang nặng phù sa tưới tiêu cho ruộng đồng phì nhiêu, những ruộng cải đang mùa bông cao quá đầu người, những ruộng bắp cải to bự, những thửa khoai tây, cà chua quả sai trĩu trịt, nhìn rất là thích mắt.

Rồi khi mùa khô sang, sông phơi mình dưới nắng, để lộ cả một dòng sông cát, người dân tha hồ xúc về để xây dựng. Chúng tôi cứ thế đi bộ dưới lòng sông hơn 40km, mới thấy rõ đây là một con sông hiền hòa; suốt đường đi không thấy khúc nào sạt lở, hai bên bờ chỉ thấy thoai thoải toàn lau lách đang mùa bông trắng; người dân thường ra cắt về lợp nhà, dựng phên

liếp. Xa hơn chút miên man là thốt nốt, những cây thốt nốt cao to, thi thoảng có vài cây nghiêng ra phía bờ sông trông thật duyên dáng. Xa hơn chút là ruộng, đôi khi lạc giữa đồng là vài cây thốt nốt cao, trên nền bông cải vàng trông nó nổi lên như một ốc đảo xanh đẹp lạ thường…

Đất vùng này có nhiều sét, người dân lấy về nhào nặn bỏ vào khuôn phơi khô rồi đốt lên thành gạch; dọc bờ sông trải dài những lò gạch. Dòng sông này mang nặng một tình thương. Nó dạt dào, chan chứa nuôi bao đời dân sống bên đôi bờ; nó cho đi những gì tinh túy nhất mà không đòi hỏi bất cứ điều gì; như một người mẹ hiền luôn cho con mình những gì tốt đẹp mà không cần báo đền. Nhưng đáp lại, con người chỉ thích nhận mà không thích cho đi, nhận bao nhiêu cũng không vừa lòng tham của họ. Dọc bờ sông có những chỗ lồi lõm như vết sẹo trên cơ thể xinh đẹp của một dòng sông, là do lòng tham con người hằn lên mình nó. Những đống rác hôi hám kéo dài ra tận bờ sông, đầy những ruồi nhặng đen xanh bốc mùi kinh khủng. Đây là sự trả ơn của con người đối với dòng sông này. Hãy đi, sục đôi chân đang đau vào cát để nghe từng nỗi đớn đau hơn của dòng sông. Mỗi bước chân chùng xuống cát nặng như kéo lê, nhưng không hề gì; lúc này trong lòng tôi nặng trĩu, đầy những thổn thức. Tôi đã đi qua rất nhiều con sông nhưng chưa con sông nào làm tôi nặng lòng đến vậy.

Nhân loại ơi, hãy nhận những gì thiên nhiên ban tặng và hãy biết làm cho nó càng ngày càng tốt đẹp thêm, đừng vì lòng tham mà hủy hoại ân nhân của mình! Thương thay một dòng sông!





Chiều đến đầu làng Senāni, từ xa đã thấy cội cây to lớn, nó lớn đến nỗi phải tầm hơn hai chục người nối vòng tay mới ôm vừa gốc cây. Đây chính là cội cây khi xưa tín nữ Sujātā (Tu Xà Đa) hay đến cầu nguyện; nàng cầu xin được gả vào nhà chồng môn đăng hộ đối và sanh hạ con trai nối dõi đầu lòng; ước nguyện nếu thành, hằng năm nàng sẽ sắm lễ phẩm cúng tạ thần linh. Nay mọi nguyện ước đã như ý, nàng cùng người hầu gái chuẩn bị vật thực để cúng tạ thần linh. Phần vật thực ấy đã được dâng đến Bồ-tát Siddhattha (Tất Đạt Đa) đang thiền định ở đây. Nhờ mâm cơm sữa này, Bồ-tát đã hồi phục khí lực, sau đó ngài xuống tắm ở sông Nerañjarā (Ni Liên Thiền). Bồ-tát thả mâm vàng xuống sông và nguyện rằng, nếu đạo lớn tìm được thì mâm vàng sẽ trôi ngược dòng sông.

Nguyện xong, Bồ-tát quăng mâm vàng xuống nước, như một phép mầu, mâm vàng ngược nước trôi lên. Biết nguyện lớn sẽ thành, Bồ-tát vững niềm tin vào con đường tìm đạo của mình.

Trước khi sang sông, Ngài được người chăn bò Sotthiya cúng dường tám bó cỏ để làm bồ đoàn. Sotthiya sau này trở thành một vị tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức Phật. Ngày nay, bên này sông vẫn còn ngôi đền nhỏ tưởng niệm nơi mà Sotthiya đã cúng dường tám bó cỏ đến Ngài. Sau đó Bồ-tát đã sang sông đến cội cây Bồ-đề và tìm ra đạo lớn. Không xa nơi này là tháp gạch tưởng niệm nàng Sujātā (Tu Xà Đa), tháp hiện nay chỉ là một đống gạch to xây tròn như một ngọn núi nhỏ. Thời gian đã bào mòn đi tất cả nét hoa văn và họa tiết của Bảo tháp tưởng nhớ này. Tương truyền đây là ngôi Bảo tháp cầu tự (xin con) vì nàng

Sujātā (Tu Xà Đa) có hai điều mơ ước đều đã được toại nguyện. Nên đa số người đến đây viếng thăm và cầu tự là nhiều! Tôi chỉ đi ngang qua và giới thiệu sơ lược vậy "thui" chứ tôi không có cầu nguyện, cầu tự gì ở đây cả nhé!

Đêm, chúng tôi ngủ bên này bờ sông ở Chùa Độ Sanh - bảng hiệu ghi bằng tiếng Việt, nhưng thật ra đây là ngôi đền thuộc Ấn Độ giáo.

Khi lều trại xong đâu đấy, tôi ngồi xem lại từng vết thương, hôm nay đi trên cát lại lội nước bẩn nên phải xử lý và sát trùng các vết thương, chứ không khéo nhiễm trùng như chơi. Xong, tôi nghiêng lưng nằm xuống chánh niệm vào hơi thở, nhưng giấc ngủ hôm nay lại đi đâu mất. Nó không trở lại với tôi. Nó lang thang đi dọc dòng sông như cố ghi lại những gì đã thấy; hết lang thang dọc sông, nó lội sang bờ kia để vào nơi Bồ-tát thành đạo. Bỗng một tiếng chuông ngân, nó giật mình trở về, giữa mơ và thực không biết là tiếng chuông hay âm thanh mâm vàng ngàn xưa từ lòng sông vọng về. Chúng tôi thức dậy chuẩn bị sang sông đón bình minh.

**Sông Nerañjayā (Ni Liên Thiền)**

Làng Senāni xưa và cội cây đa đầu làng

Bảo tháp tưởng niệm nàng Sujātā (Tu Xà Đa)

Thạch động Barabar

# Kỳ X

# PHÁT NGUYỆN THEO DẤU CHÂN PHẬT

*Ngày 11 tháng 1 năm 2023*

**"Tôi đưa tay lên ôm ngực mình mang theo hình ảnh cội Bồ-đề trong tim, tiếp tục hành trình Theo dấu chân Phật"**

Chúng tôi lại trở về đây, nơi chốn linh thiêng này. Dù đã trở về nhiều lần, nhưng vẫn như lần đầu được đặt chân đến. Tôi mong chờ được đi vào bên trong khuôn viên Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) để đảnh lễ Bảo tháp, tôn tượng Đức Phật và cội Bồ-đề lịch sử!

Lối vào được cảnh sát võ trang bảo vệ và khám xét rất kỹ, cấm các chất cháy nổ, vật nguy hiểm; cả điện thoại cũng không được mang vào bên trong khuôn viên Bảo tháp. Nếu lỡ mang theo điện thoại, bạn cần quay trở ra bên phải cổng để gửi ở bốt cảnh sát; bạn chỉ cần ký hai chữ ký, dễ lắm. Vào giờ hành chính, phải xếp hàng chờ hơi lâu, tốt nhất là dồn điện thoại lại cho một thành viên trong đoàn đứng đợi gửi; mọi người còn lại có thể đi vào. Bởi tôi hiểu tâm trạng, ai tới đây cũng nôn nóng, mong chờ… như tôi vậy.

Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) là chốn linh thiêng nhất của Phật giáo, nơi đức Bồ-tát ngộ đạo, trở thành một vị Phật trên thế gian. Kể từ đó nguồn sáng an lạc còn tỏ rạng cho tới tận ngày nay; soi sáng vô lượng đêm trường, dẫn đường cho bao con người lầm lạc thấy lối mà quay về. Ngày hôm đó, quả địa





cầu rúng động, tam giới đều biết một vị Phật nữa đã thành, con đường Trung Đạo cổ xưa bị lấp đầy gai bụi lại một lần nữa được tìm thấy.

Lúc này đang cuối mùa mưa, thời tiết khô và không quá lạnh rất thích hợp cho du lịch nên lượng người hành hương từ các quốc gia về đây đông lắm. Dòng người xanh đỏ tím vàng thôi thì đủ cả, mỗi người về đây mang theo một tâm trạng và cảm xúc riêng. Còn tôi, khi lần đầu tiên tới đây, tôi háo hức được đảnh lễ tôn tượng Đức Phật trong Bảo tháp rồi ra sau cội Bồ-đề để ngồi thiền. Tôi nghĩ, ngồi thiền nơi thánh tích lịch sử huy hoàng này sẽ có nhiều kinh nghiệm thiền tập lắm. Nhưng kết quả không như tôi nghĩ, ngồi thì vẫn đau chân và bị muỗi cắn như thường; thiền xong tôi vẫn vậy, tham sân si không hề suy giảm tẹo nào.

Đưa mắt nhìn quanh thấy hết đoàn này lại đoàn nọ nhiễu quanh Bảo tháp và rất nhiều người ngồi thiền, nhiều người tụng kinh cầu nguyện. Những người theo Mật tông đang nằm dài trên tấm ván để lạy, hai bàn tay họ di chuyển mòn cả tấm ván dày, thật thành tâm, thật tín thành. Những nhà Sư ngồi tụng kinh xung quanh Bảo tháp, nhiều người ngồi mong nhặt được một chiếc lá ở cội cây linh thiêng này để làm kỷ niệm. Đây đó rất nhiều "nhà Sư Ấn Độ" ngồi thiền, có người tụng kinh với bình bát trước mặt, trong bát có vài đồng lẻ do khách thập phương cúng. Nhìn các "nhà Sư Ấn Độ" này cũng thú vị. Họ đi bát từ sáng sớm cho đến tối.

Từ ngoài cổng Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) đi vào, có bốn thanh đồng vàng để làm tay vịn cho mọi người lên xuống, bề mặt tay vịn vàng rộm bóng loáng. Và cả những con đường bao quanh lát đá, người ta đi kinh hành qua lại nhiều lần làm mặt đá bóng nhẵn, cho thấy lượng người đổ về Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) hành hương lớn đến dường nào! Đến đây, ngoài chiêm bái Bảo tháp và cội Bồ-đề, chúng ta nên đi cả ra bên ngoài thăm xem các nơi khác; như chỗ Ngài đứng một tuần nhìn cội Bồ-đề đã từng che mưa đỡ nắng cho Ngài, nêu tấm gương muôn đời của hạnh tri ân!

Sau khi thành Đạo, Ngài ở lại nơi này bảy tuần, có bảy nơi như thế quanh khuôn viên này! Đừng vội rời đi, hãy bỏ dép, bước nhẹ đôi chân trần trên mặt đá để cảm nhận nguồn năng lượng tâm linh đang thấm vào đôi bàn chân, lan lên từng tế bào và thắp lên ngọn lửa trong tim bạn. Hãy đến đây để học bài học tri ân, dù cội cây chỉ che mưa đỡ nắng thôi… mà Ngài cũng hàm ơn! Trong xã hội ngày nay, chúng ta nên lấy đó làm bài học lớn. Còn nữa, hãy đến đây để thấy một con người vĩ đại đã sinh ra dưới cội cây, thành Đạo dưới cội cây và Niết-bàn cũng dưới cội cây! Phải chăng, đây là thông điệp mà Đức Phật của chúng ta muốn gửi đến cho nhân loại từ hơn 2.600 năm trước, cho vấn nạn môi sinh đang nóng lên toàn cầu hiện nay?

Ngoài Bảo tháp, cội Bồ-đề... bên trái Bảo tháp còn có một trụ đá của vua Asoka (A Dục) dựng lên để kỷ niệm lần đầu tiên Ngài cùng gia quyến đến đây. Trụ đá Asoka (A Dục) là minh chứng lịch sử để các nhà khảo cổ học tìm lại được nơi này dưới vô vàn khói bụi chiến tranh hoang tàn, đổ nát… cùng sự bạc bẽo,





lạnh lùng, vô tình của thời gian. Ngày nay, người Ấn vào đây sau khi cầu nguyện, họ dùng đồng xu ném lên đỉnh cột trụ đá; nếu đồng xu nằm lại trên đỉnh trụ thì ước nguyện của họ sẽ đạt được. Tôi cũng thử mấy lần nhưng lần nào đồng xu cũng rơi xuống đất, chứng tỏ tôi không đạt được sở nguyện nào, mà tôi còn phải đi! Đi, nguyện ước mới thành!

Có điều lạ là tất cả các công trình kiến trúc cổ thường bị lún sâu xuống so với mặt đất xung quanh; chứng tỏ những công trình này từng to lớn và rất nặng nên làm mặt đất lún xuống chăng? Ở trong khuôn viên này, nhà khảo cổ học Alexander Cunnigham vào thế kỷ thứ XIX đã khai quật được nhiều hiện vật có giá trị lịch sử liên quan đến thánh tích này, các hiện vật vẫn còn trong bảo tàng địa phương. Ông là người có tầm hiểu biết sâu rộng về nền văn hóa cổ xưa Ấn Độ, kể cả phong tục, tập quán địa phương. Chính ông đã tìm lại nguồn gốc từng địa danh của Phật giáo rồi công bố cho toàn thế giới biết. Ông đã giải thích từng Thánh tích và giới thiệu từng chi tiết lịch sử liên hệ.

Đi theo đoàn chiều nay có thêm một chú chó, chú ta tên là Số, chú đã theo đoàn Theo dấu chân Phật rong ruổi đây đó được 6 lần rồi; mỗi chuyến đi ít nhất 2.600km; vậy tính ra sơ sơ, Số đã đi qua quãng đường hơn 15.600km. Số vốn là chó hoang, vì thiện duyên sao đó khi gặp đoàn chư Tăng đi trên đất Ấn lần thứ hai, chú đi theo cho tới giờ. Mỗi khi đoàn kết thúc hành trình về nước, Số ngụ lại chùa Thái Lan ở Bodh Gayā này.

Hai chú chó đi cùng đoàn từ Kolkata về đây chỉ còn một chú, một chú đã đi theo tiếng gọi nơi hoang dã.

Sư đệ tôi đặt tên cho chú còn lại này là Aloka - nghĩa là "Vô biên giới". Số và Aloka khi mới gặp nhau cũng hằm hè nhau đôi chút, nhưng với cái uy của kẻ từng chinh chiến và vượt qua hơn 15.600km, Số vẫn là đại ca; Aloka ngoan ngoãn ve vẩy đuôi mỗi khi gặp Số. Hình ảnh Số nổi tiếng lắm, vì từ chuyến đi Theo dấu chân Phật lần thứ hai tới nay, năm nào cũng có hình chú dẫn đoàn nên mọi người biết đến chú rất nhiều.

Xin được kể tiếp. Đoàn chúng tôi đi vào, trên tay là dải lụa vàng được ghi phương danh các thí chủ đã phát tâm hỷ cúng cho hành trình Theo dấu chân Phật năm nay, cùng tâm nguyện của họ. Tôi cũng dành hàng giờ ghi tên các thí chủ người Việt lên đó, cùng lời nguyện cầu cho cha mẹ, thầy tổ, chư vị ân nhân luôn được sự an vui; và tôi cũng không quên ghi lên đó lời nguyện cầu cho sự hòa bình của thế giới. Chúng tôi nhiễu quanh Bảo tháp chín vòng vừa đi vừa tụng ân đức Tam Bảo, sau đó đoàn vào tháp đảnh lễ tôn tượng Đức Thế Tôn, dưới chân tôn tượng chúng tôi phát nguyện hành trình Theo dấu chân Phật 2022 và ra sau Bảo tháp đảnh lễ cội Bồ-đề.

Sau khi rời cội Bồ-đề, tôi tách đoàn đi ra xa, lựa một chỗ ngồi cao hơn, nơi có thể thấy cội Bồ-đề trong tầm mắt. Nhắm mắt lại, cội Bồ-đề hiện lên trong tâm tôi một lúc rồi mất. Mở mắt nhìn cội Bồ-đề một lượt nữa và thu nó vào tâm; cứ như thế hết lần này tới lần khác... cho đến lúc hình ảnh cội Bồ-đề rõ nét dần trong tâm tôi. Nhắm mắt lại, trên nền trời xanh, cội Bồ-đề hiện lên xanh tươi cành lá đung đưa theo gió... Tôi đưa tay lên ôm ngực mình mang theo hình ảnh cội Bồ-đề trong tim tiếp tục hành trình Theo dấu chân Phật!

**Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) và tháp Mahābodhi (Đại Giác)**

Trụ đá vua Asoka (A Dục) dựng để đánh dấu nơi Bồ-tát Siddhattha (Tất Đạt Đa) thành đạo tại khuôn viên Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) ngày nay

Hồ trong khuôn viên Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng)

# Kỳ XI

# CHÀNG ĐẠO SĨ MẮT ĐEN

*Ngày 15 tháng 1 năm 2023*

**"Ôi! Hi hữu thay là nhân duyên!**
**Ôi! Hi hữu thay là nghiệp lực! Ôi! Hi hữu thay**
**là giáo Pháp được khéo thuyết bởi đấng Thiện Thệ"**

Rời Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng), chúng tôi hướng về phía Bārāṇasī (Ba La Nại) thẳng tiến, cứ dọc theo quốc lộ thì quãng đường xa tầm 255km; nhưng chúng tôi chọn lối men theo làng mạc, theo chân núi nên có thể dài hơn chút đỉnh. Không sao! Chúng tôi đi để gieo duyên cho người dân Ấn thấy lại hình ảnh Đức Phật và Tăng đoàn thánh hạnh thuở xưa, nên không chọn đường ngắn nhất. Họ - dân tộc Ấn - đã quên "Đức Phật của mình" cả ngàn năm rồi, kể từ thế kỷ XII khi đội quân xâm lược Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ tàn bạo đã xóa sổ tất cả...

Càng về gần Bārāṇasī (Ba La Nại) thời tiết càng lạnh hơn, đang giữa trưa mà chỉ hơn 9°C; mặt trời xuyên qua làn sương dày lạnh căm thả xuống thứ ánh sáng mờ đục, giá buốt! Đoàn khởi hành từ lúc còn đêm đen, gió thổi vù vù, đi một lúc cơ thể ấm dần lên nhưng hai bàn tay tê cóng; nhiều vị đưa tay lên vừa che gió vừa để hà hơi cho ấm, nhìn thấy mà thương! Vài ngày rồi sẽ quen dần cái lạnh này thôi, không vấn đề gì cả.

Thời tiết lạnh là thế nhưng hôm nay đi mà trong lòng tôi thấy ấm áp, sự ấm áp đến từ quê nhà. Chuyện là có một bạn





vô tình lướt Facebook thấy trang Ngọa Tùng Am thì vào đọc và xem ảnh Theo dấu chân Phật kỳ VII; con gái của bạn ấy đang học lớp 1 cũng xem cùng. Thấy ảnh chúng tôi, bạn nhỏ nói chuyện với mẹ:

- Mấy người trong ảnh đẹp quá, con thích vẽ mấy người ấy.

- Đấy là các vị Sư, con phải gọi là Sư, con nhớ chưa?

Bạn ấy "dạ" rồi chạy biến đi mất, một lúc sau bạn ấy quay lại, trên tay cầm tờ giấy đã vẽ đưa cho mẹ xem, miệng cười toe toét nói:

- Mẹ ơi, mẹ xem phải Sư đúng không? Mẹ chụp ảnh gửi cho Sư đi, con vẽ tặng Sư ấy, các Sư ấy đẹp quá!

Nhận được hình vẽ cùng tấm lòng hồn nhiên của con trẻ, tôi cảm thấy thật hạnh phúc và ấm lòng. Em bé này ở vùng cao chưa bao giờ thấy các nhà Sư, nhưng khi thấy ảnh các Sư thì bạn nhỏ thích, tự phát tâm đi vẽ, một nhân duyên kỳ lạ! Bé chọn màu, phối màu nhẹ, hồn nhiên, thanh thoát như một họa sĩ chuyên nghiệp, không đơn giản đâu! Là thiên tài tí hon đó!

Khoảng đoạn giữa Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) và Bārāṇasī (Ba La Nại), chúng tôi đi qua một ngọn núi đá; ở đây đá gan gà là chính, hết lớp này chồng lên lớp nọ thành núi; nhiều đoạn đá chồng nhau thành vách thẳng; bên rìa núi mấy cây đa nhỏ mọc buông vài chùm rễ thật duyên, thiên nhiên luôn là bậc thầy của nghệ thuật vậy đó. Núi đá lèo tèo cây xanh, trảng cỏ đã úa vàng. Dưới chân núi mọc nhiều cây đa, cây me rất to xen lẫn vài ngôi đền Hindu. Trên đỉnh cũng là một ngôi đền Hindu

màu trắng, những bậc thang đá gan gà dẫn lối lên đền. Vùng đất này, ngoài những ngôi đền, có khu nghĩa trang của những người theo đạo Hồi và là "nhà vệ sinh công cộng" của mấy ngôi làng lân cận.

Cách chân núi không xa, lăng mộ của hai vị tướng thuộc quân đội Hồi giáo. Một ngôi mộ xây trên nền đất bằng có tường bao và các cổng rất đẹp. Gần đó, ngôi mộ thứ hai được xây dựng quy mô hơn, to đẹp hơn đặt giữa hồ nước có cây cầu đi qua. Cả hai ngôi mộ này đều được xây dựng bằng đá sa thạch hồng, ngày nay trở thành di tích lịch sử cấp quốc gia nên luôn có người trông coi và bảo vệ.

Chúng tôi ghé núi này, để thăm nơi Đức Phật từng gặp đạo sĩ Upaka. Upaka là ai nào? Lần theo sử Phật, "anh chàng này" là "đạo sĩ mắt đen", một du sĩ đẹp trai, có đời sống giới hạnh thu thúc, trì bình khất thực rất trang nghiêm, mọi người kỉnh mộ gọi chàng là bậc A-la-hán. Chàng yêu thích đời sống núi rừng và "yêu cái đẹp". Hôm kia khi vân du trở về núi, chàng gặp một Con Người. Ôi! Sao mà đẹp quá! Người ấy thu hút ánh nhìn, làm cho tâm chàng cảm thấy thư thái; chàng đến gần chào hỏi phải lẽ và tán thán:

- Chào bạn thân ái! Bạn đẹp quá, đẹp lạ lùng! Chàng mỉm cười sung sướng tán thưởng rồi nói tiếp: Lục căn của bạn an ổn, thanh tịnh làm sao? Ồ, không phải! Nói vậy cũng chưa đúng! Nó làm cho sự an ổn, thanh tịnh cũng bị nhiếp phục! Hào quang sáu màu từ nơi bạn làm cho một vị Đại Phạm Thiên cũng phải ganh tị. Nước da của bạn chói ngời như mẹ vàng ròng. Chắc sức khỏe





của bạn dồi dào lắm? Chẳng hay bạn tên chi? Bạn ở đâu? Xuất gia với ai? Đấng Đạo Sư của bạn là vị nào? Bạn tin tưởng vào giáo pháp nào?

Đạo sĩ Upaka hỏi huyên thuyên, không kịp thở.

Cái Con Người, vị Sa-môn trẻ tuổi ấy chính là Đức Phật. Sau khi thành Đạo dưới cội Bồ-đề, đang trên đường về Migadāya (Vườn Nai) để chuyển Pháp Luân, gặp Upaka, một du sĩ ngoại đạo; ngài biết có duyên sau này, nên đợi cho y nói xong, Đức Đạo Sư mới bảo:

- Này Upakājivika! Đức Phật gọi đích danh chàng - Như Lai đã vô nhiễm giữa trần cảnh, đã đoạn tận ác pháp, đã tịch tịnh, vô dục, đã bước ra khỏi mọi chấp trước ở bản thân và thế gian điên đảo kiến. Như Lai đã chiến thắng Tam giới, chứng đạo quả Vô Thượng Bồ-đề thì còn ai là Thầy của Như Lai? Giữa chúng Chư thiên, Phạm thiên, Như Lai đứng một mình, là Thầy của họ. Nay Như Lai đi về Migadāya (Lộc Giả-Vườn Nai) ở Bārāṇasī (Ba La Nại) để quay bánh xe Pháp, gióng tiếng trống Bất Tử cho chúng sanh tỉnh giấc mộng trường.

Upaka nói:

- Mong rằng sự việc sẽ đúng như bạn nói. Bạn thật xứng đáng được gọi là bậc Chiến Thắng Bất Diệt!

Nói xong, Upaka quay lưng bỏ đi, chàng về thất của mình vui với núi rừng cùng gió hú. Hôm kia đi bát, chàng gặp một người con gái đào tơ, sen ngó. Nàng là pho tượng, là tác phẩm tuyệt mỹ của thợ trời, thợ nghiệp. Nàng có đôi mắt đen ướt và

trong xanh lóng lánh. Nàng là sự đa tình của chúa uyên ương, của chúa bồ câu. Nàng có dáng đi đài các và uyển chuyển của chúa thiên nga. Cái chân, cái tay, cái cổ, đôi má như trứng gà nõn và mũm mĩm như cây lựu nẩy mầm. Có nụ cười ướt sương và trinh bạch như nụ hoa hàm tiếu trên đầu núi. Nàng đẹp đến nỗi cha nàng ít dám cho nàng đi đâu, sợ thanh niên trai tráng rớt tròng mắt ra ngoài hoặc mọc đứng, mọc ngồi thành "cây si, bụi si" hết thì cũng tội. Nàng tên là Cāpā.

Sau khi gặp nàng, trong mắt, trong tâm của Upaka chỉ có mỗi nàng! Upaka nghĩ nếu không có được nàng làm vợ chàng sẽ chết, nên quên ăn quên ngủ, chỉ mơ về nàng! Một tuần hơn người ta không thấy đạo sĩ đi bát nữa nên tìm tới thất chàng để xem.

Chàng đang nằm thoi thóp bên bát cơm đã mốc meo tự bao giờ. Dân làng hỏi, Upaka tình thật trả lời:

- Quý vị ơi, tôi không phải là bậc A-la-hán; nay tâm trí, đôi mắt và ánh sáng trong tôi không còn nữa; tất cả chỉ có Cāpā ngự trị thôi, nếu không có được nàng tôi sẽ chết!

Mọi người cố khuyên lơn vẫn không được, qua ngày thứ 15 thì họ bất lực, rồi chàng sẽ chết thôi. Thương Upaka "đạo sĩ mắt đen" hình dong khô gầy tiều tụy, họ đành khuyên cha Cāpā gả con gái cho chàng. Thế là chàng du sĩ đã bỏ áo đi theo "cái đẹp" của tim mình. Thời gian thấm thoát trôi qua, chàng có một người con. Cái ăn, cái mặc và cái sự thật đời sống nghiệt ngã, khổ đau khiến chàng nhớ đời sống ẩn sĩ xưa; nhớ da diết, nhớ người bạn là bậc Chiến Thắng Bất Diệt thuở nào, chàng quyết tâm đi tìm "bạn mình!"





Hôm kia, gửi vợ và con cho ông ngoại, chàng đi về phía Bārāṇasī (Ba La Nại) rồi lần Theo dấu chân Phật, tìm đến Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá). Vừa đến cổng, chàng đã hét oang oang: "Bậc Chiến Thắng Bất Diệt, bạn của ta, giờ ở đâu?" Thế rồi, ở đây, chàng được xuất gia trong giáo pháp của Đức Phật, chàng chứng quả Bất Lai; khi mệnh chung sinh vào cõi Avīha thanh tịnh (Vô phiền thiên), chứng quả A-la-hán ở đấy; vậy là mọi phận sự chàng đã làm xong. Không lâu sau nàng Cāpā gửi con cho ông ngoại tìm đến xuất gia với Ni trưởng Gotami, cũng chứng quả A-la-hán luôn trong kiếp sống ấy.

Ôi! Hi hữu thay là nhân duyên! Ôi! Hi hữu thay là nghiệp lực! Ôi! Hi hữu thay là giáo Pháp được khéo thuyết bởi đấng Thiện Thệ! Vì nghiệp lực dẫn lối, đạo sĩ và nàng Cāpā yêu thương nhau trở thành vợ chồng, rồi cũng vì nghiệp lực mà chia ly! Vì nhân duyên gặp gỡ mà Upaka tìm đến xuất gia trong giáo pháp của Đức Phật. Kỳ diệu thay, giáo pháp đã chữa lành mọi tổn thương và tịnh hóa tâm hồn con người đang lầm lạc! Chàng đạo sĩ lại gặp nàng Cāpā trong giáo pháp này, hai người nở nụ tiếu sanh tâm chắp tay chào nhau và tưởng nhớ đến ân Đức Phật!

Trời thấp tè, mù mịt không một tẹo mây! Mặt trời thả xuống thế gian thứ ánh sáng mờ đục và nguội ngắt! Bên đồi đá chơ vơ, tôi ngồi nghe gió núi kể về nơi này, núi Vankahara nơi Đức Phật đã từng ghé đến. Tôi rùng mình chắp tay nhìn lên thinh không nghĩ về nhân duyên diệu kỳ. Dưới ánh mặt trời, bóng tôi như hòa tan vào đất...

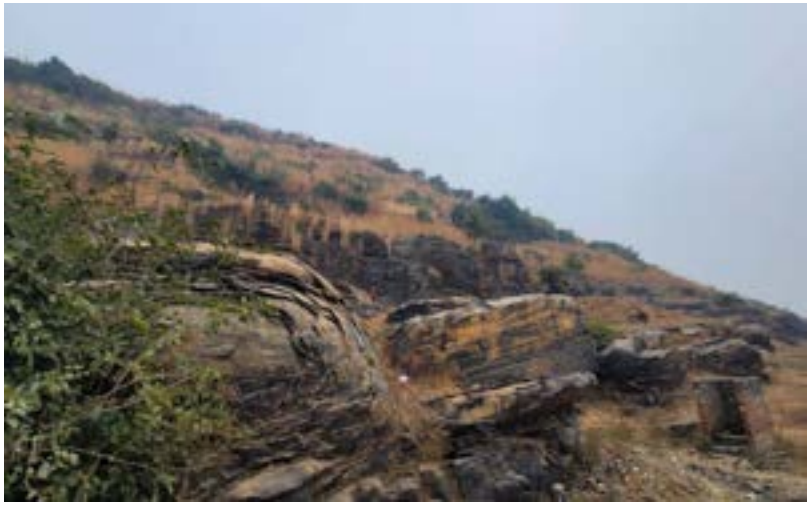

# Kỳ XII

# LINH THIÊNG SÔNG HẰNG

*Ngày 18 tháng 1 năm 2023*

**“Khi vầng dương xuất hiện thì bóng tối biến mất tựa như giáo pháp của chư Phật vậy! Có trí tuệ thì vô minh biến mất!”**

Lại như những cánh chim trời sải cánh tung bay, hôm nay chúng tôi đến Bārāṇasī (Ba La Nại) tên thành phố hoa lệ thời Đức Phật và đi dọc con sông Hằng linh thiêng lúc trời hừng sáng. Bình minh trên sông Hằng đầy những thanh âm và màu sắc thật ấn tượng.

Ngồi trên một chỗ cao, bạn có thể nhìn thấy những chú bé gầy nhom, đen điu tay xách giỏ đựng trà sữa, tay xách giỏ ly giấy đi lui đi tới mời khách. Tiếng rao của chú lanh lảnh "gram chai, ai gram chai!" Thời tiết lạnh run, mùi than cộng mùi trà mới tuyệt làm sao, giá mỗi ly trà rất "hạt dẻ" chỉ một ngàn rưỡi đồng cho một ly (5 rupee tiền Ấn). Thật nên thưởng thức vài ly trà nơi đây; ôm ly trà trong lòng bàn tay, hơi ấm phần nào xua tan đi làn sương giá. Xa hơn chút, lối đi dọc bờ sông thôi thì tây, ta áo váy lụa là xanh đỏ tím vàng tới lui hoa cả mắt, tiếng Anh, Ấn, Tàu, Nhật, Hàn, Thái, Việt trộn lẫn vào nhau í ới. Thi thoảng sẽ thấy các thầy Bà-la-môn ăn bận rất đẹp tay cầm pháp khí rất chịu khó tạo dáng cho khách chụp ảnh và chụp cùng khách. Nhưng điều đó không bất ngờ; bất ngờ là sau khi chụp ảnh xong, khách phải trả tiền cho người mẫu ảnh; họ sống bằng cách làm mẫu cho khách chụp và xin tiền khách khi đã chụp xong; ai nỡ từ chối trả tiền cơ chứ!





Phía trên những bục cao, từng tốp mấy chục người vận đồ trắng tập Yoga, trông nhẹ nhàng dẻo dai khỏe khoắn lắm. Họ vừa tập vừa mở nhạc nghe rất nhẹ nhàng, có đoạn động tác nhanh nên nhạc hòa điệu cũng sôi động tương ứng. Tới sát mép nước, từng đoàn người đang lui cui thả trôi những ngọn hoa đăng có rải hoa bên trong xuống dòng sông để cầu nguyện; âm thanh cầu nguyện của họ quyện với làn hơi nước bốc lên trời cao, những ngọn hoa đăng trôi dần xa nhấp nhô theo sóng.

Trong nước sông lạnh căm, những người đàn ông, đàn bà và cả trẻ nhỏ đang trầm mình để cầu nguyện và rửa tội. Họ tin nước sông Hằng linh thiêng sẽ gột sạch tội lỗi do thân này đã tạo, nên họ đứng trong nước càng lâu, càng tốt. Từ họ phát ra âm thanh của tiếng sóng nước vỗ vào thân lẫn tiếng hàm răng đang run lập cập. Trên sông, lô xô những người chèo thuyền nhao nhao mời khách ngắm bình minh. Nếu khách đã lên thuyền họ liền nhanh nhanh chèo ra xa kẻo khách đổi ý; khi thuyền rời bến, cuộc ngã giá bắt đầu, bởi khúc sông này có nhiều khách du lịch nên giá rất "quốc tế". Họ sẽ hô giá cao, bạn lại trả giá thật thấp, họ sẽ cười và xin Tăng giá chút đỉnh thế là xong. Khi giá cả đã xong họ sẽ mời bạn mua những hạt bỏng ngô, bỏng ngô để rải xuống sông cho chim ăn chứ không phải cho bạn nhé! Nhưng nếu lỡ nhón vài miếng ăn cũng không sao cả!

Xa hơn nữa là những chuyến thuyền, họ từ nơi khác tới khúc sông này với nhiều lý do khác nhau, có người tới để du lịch, có người đến để buôn bán, có người đến để nhặt xương thân nhân mình vừa thiêu chiều qua ở đây... Mọi thứ hỗn tạp là thế nhưng khi mặt trời vừa ra khỏi màn đêm, vươn lên trên mặt

sông, không gian cảnh vật như ngừng lại, mọi ánh mắt đổ dồn về một hướng. Mặt trời trên sông đỏ au, to tròn mới đẹp làm sao! Những chiếc thuyền đang trôi kia chấn vỡ những bóng mặt trời trên sóng nước. Những cánh chim bay ngang như đám mây vắt ngang mặt trời một đường nhỏ. Thu vào tầm mắt tôi, một quả cầu lửa đi ra từ bóng tối, khoảnh khắc này không có ngôn từ để diễn tả, nó diễm tuyệt và duy nhất! Tôi thích xem mặt trời mọc, khi vầng dương xuất hiện thì bóng tối biến mất tựa như giáo pháp của chư Phật vậy! Có trí tuệ thì vô minh biến mất! Chỉ đơn giản vậy thôi! Khi không có trí tuệ thì vô minh ngự trị! Điều kỳ diệu là "ánh sáng không diệt bóng tối", mà khi "ánh sáng có mặt thì bóng tối tự tan!" Cũng vậy, trí tuệ không diệt vô minh, nhưng khi có trí tuệ thì vô minh không còn! Bạn có thấy nó đơn giản và tuyệt vời không?

Khi mặt trời lên cao, cái nhộn nhịp lại tiếp tục; mặt trời soi sáng những tòa lâu đài nguy nga lộng lẫy cạnh bờ sông; thỉnh thoảng có những bao lơn mềm mại xinh đẹp chìa ra phía bờ sông để chủ nhân ngắm mặt trời mọc thật duyên dáng. Có những lâu đài đá cổ xô nghiêng hẳn xuống lòng sông, nhìn rất nghệ thuật nhưng chỉ để ngắm thôi chứ không ở được. Ở đây còn có những lâu đài đặc biệt, ngày nay gọi là khách sạn, "khách sạn" phục vụ những vị khách đặc biệt, nhiều tiền nhưng đang chờ đến lúc tử thần mang đi.

Những người thuộc Ấn Độ giáo, dù ở xa cách mấy, họ cũng phải một lần trong đời đến tắm trên dòng sông Hằng để gột rửa tội lỗi; những người có tiền còn mong ước trước lúc lâm chung được tắm nước sông, sau khi chết thì hỏa táng và





tro cốt lại được thả về sông. Ăn theo các khách sạn là dịch vụ cúng lễ và hỏa táng, thường chiều họ sẽ thiêu người đã mất đến sáng hôm sau lửa tàn xương trắng lộ ra, họ sẽ xúc cả tro lẫn xương cho xuống sông như ý nguyện của người đã mất. Khi tôi đi ngang qua đây, những lò thiêu lộ thiên vẫn còn nghi ngút khói, vài nơi thân nhân và người lo dịch vụ hỏa táng đang đổ tro xương và tro củi xuống sông. Bên này, người đổ kệ người đổ, bên kia, mọi người tắm vẫn vui vẻ tắm! Người Ấn Độ tự hào rằng hơn 4.000 năm qua, bên bờ sông Hằng ngọn lửa thiêu người chưa bao giờ tắt.

Ở đây không có khái niệm dơ bẩn, sợ ma hay sợ nhìn thấy xương người chết. Tôi định bụng đến chiều xuống sông tắm, vì giờ này nước vẫn còn lạnh lắm. Xuống tắm không phải để rửa đi những lỗi lầm, mấy hôm rồi tôi chưa được tắm. Nhìn thấy nước mà thèm. Tôi đi dọc bờ sông một đoạn rồi rẽ vào đường phố để đến khu Migadāya (Vườn Nai). Những bậc thềm từ bờ sông đi lên cũng là đá cổ, con đường được lát từ những phiến đá to phẳng, những khấc nối ăn khớp vào nhau rất chắc chắn và thẩm mỹ.

Những bàn chân không ngừng qua lại với thanh âm hỗn loạn, chợt mọi hành động như chậm lại; những huyên náo kia cũng giảm đi nhiều bởi sự xuất hiện của đoàn chúng tôi. Chúng tôi chậm rãi thẳng hàng đi về phía trước, thu hút mọi ánh nhìn, họ cũng chậm lại để nhìn đoàn người kỳ lạ ăn mặc giống nhau, im lặng di chuyển cũng giống nhau. Nếu trên đường đời tấp nập, lỡ gặp một đoàn người như chúng tôi bạn có ngoái lại nhìn không? Chắc là có rồi!

Đã đến lúc chúng tôi về nơi trú ngụ để đi bát độ thực. Kể từ ngày có hai chú chó đi theo đoàn vui hơn hẳn, lúc nào hai chú cũng lon ton chạy trước mở đường. Vào các khu phố như thế này các chú gặp chó giang hồ cả toán, nhưng Số và Aloka vẫn tỏ ra không sợ; lúc nào hai chú cũng hợp tác bảo vệ nhau; khi gặp "quân số giang hồ" đông quá, các chú chỉ cần đi chậm lại là an tâm, an toàn, vì sau lưng các chú một đoàn chư Tăng "hộ mệnh" cơ mà! Có hai chú đi cùng, lũ chó bên đường đồng thanh hòa ca sủa nhặng xị, làm cho hành trình càng thêm âm thanh và màu sắc. Ở đây, đoàn sẽ nghỉ lại hai hôm để vào lễ bái Thánh tích và thăm viếng Viện bảo tàng. Đêm chúng tôi xin ngủ lại ở khuôn viên ngôi chùa Trung Quốc, chiều tôi sẽ trở lại nơi này!

Bên bờ sông Hằng

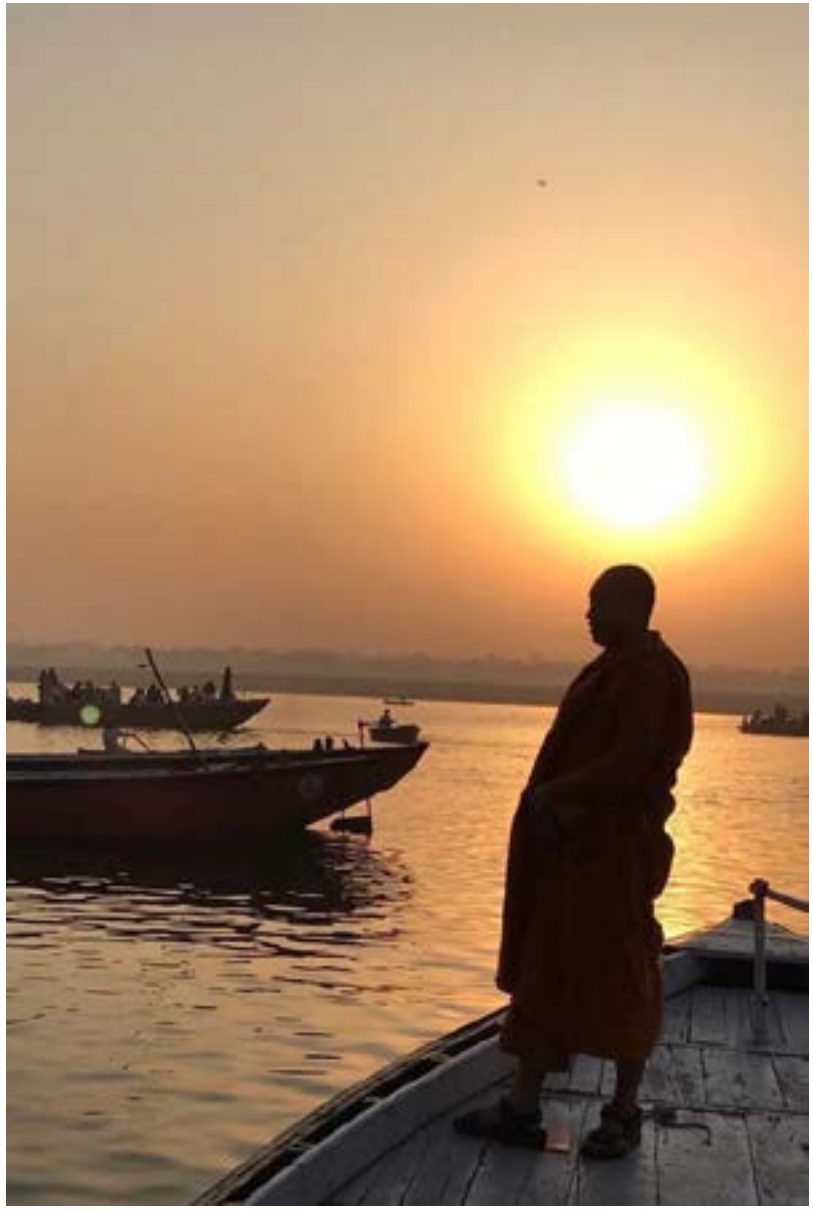

# Kỳ XIII

# Thiện Sự Đầu Năm

*Ngày 22 tháng 1 năm 2023*

**“Ngài ngồi đó bất toàn (mũi và các ngón tay Ngài bị vỡ) nhưng hoàn hảo, hoàn hảo trong dung mạo từ bi và trí tuệ siêu việt. Ngài ngồi đó an nhiên mà toàn thể nhân loại cúi đầu kính ngưỡng, Ngài ngồi đó không mỉm cười nhưng ai nhìn cũng cảm thấy hỷ hoan”**

Đêm nay tôi không ngủ, nơi quê nhà đang chuẩn bị đón giao thừa, năm mới đang sang. Ngoài trời sương mù dày đặc sao mà giống tiết trời Tết Việt Nam quá, nhiệt độ hạ còn tầm 5-7$^{o}$C; tôi thức để chuẩn bị vật thực hôm sau cúng dường chư Tăng ngày đầu năm. Làm thiện sự đầu năm thì còn mong gì hơn nữa, rồi công việc cũng xong khi đồng hồ điểm 4h. Hôm nay, chư Tăng đắp y mang bát vào khuôn viên Migadāya (Vườn Nai) tụng kinh Chuyển Pháp Luân và lễ bái Thánh tích ở đây.

Trong sương mù buổi sáng, dưới ánh đèn pin le lói, tầm nhìn xa độ 5m, tiếng kinh Pāḷi như hải triều âm, vang vang lan xa trong gió đẩy cái lạnh đi xa… Tôi rùng mình như nghe lời Phật từ xưa vọng về, trầm hùng mà rúng động; chưa bao giờ tôi nghe kinh vang vọng thấy hay như hôm nay. Sau thời kinh dài, mọi người ngồi thiền đến lúc bình minh rạng; tôi xin đặt bát buổi sáng đến chư Tăng mỗi vị một quả cam, một miếng cốm gạo và ít mứt gừng được mang từ Việt Nam sang. Tiết trời thế này vài lát mứt gừng làm ấm người ngay! Xíu nữa khi về đến khuôn viên chùa Trung Quốc, tôi mới đặt đồ ăn dâng các vị thọ





thực; thực đơn hôm nay có thêm mứt bí đao, mứt vỏ thanh trà, mấy chậu hoa thược dược. Tôi muốn dâng hương vị Tết Việt Nam lên chư Tăng.

Trong lớp sương mù, những cội cây to thật đẹp, nó ma mị, ẩn mật, huyền hoặc rất khó tả. Hiện dần ra trong lớp sương mù là Bảo tháp Dhammeka đang được trùng tu, Bảo tháp này được xây dựng lần đầu dưới triều đại Gupta để thờ Xá-lợi Phật; nó được xây theo cấu trúc hình khối trụ, bên ngoài là đá, bên trong là gạch nung xây đặc nên bền vững với thời gian. Tuy các hoa văn và họa tiết đã bị thiên nhiên, con người tàn phá đi nhiều nhưng vẫn nhận ra được nét sắc sảo và đẹp đẽ. Không xa nơi này, nền móng tịnh thất Mulagandha Kuti được vua Asoka (A Dục) dựng lên để tưởng nhớ nơi Phật nhập hạ đầu tiên. Ngày nay, tịnh thất chỉ còn ngổn ngang một đống đá vỡ và một ít tường gạch được chính phủ Ấn Độ xây lên sau này. Bên cạnh đó, trụ đá vua Asoka (A Dục) đánh dấu nơi Đức Phật Chuyển Pháp Luân. Trụ đá nguyên mẫu cao 15,25m, trên đỉnh là bốn con sư tử quay về bốn hướng. Giờ đây đỉnh trụ đá có hư hại đôi chút nhưng chúng ta vẫn còn thấy được trình độ điêu khắc đá của Đế chế Mauryā (Khổng Tước) đạt đến đỉnh cao như thế nào. Đỉnh trụ đá này đang được trưng bày trong bảo tàng địa phương, phía trước Migadāya (Vườn Nai), và đã trở thành quốc huy của Ấn Độ.

Nơi đây, Phật thuyết bài pháp đầu tiên, nơi Ngài thành lập Giáo hội Tăng-già với sự xuất gia của năm anh em Kiều Trần Như; nơi Tăng bảo xuất hiện, ba ngôi Tam Bảo có mặt đem lại

vô lượng phúc lành cho thế gian mãi cho tới hôm nay; và cũng là nơi Ngài nhập hạ thứ nhất.

Nơi này luôn được các triều đại đi sau để tâm hộ độ, chư Tăng cũng ở đây đông đúc suốt hơn 1.500 năm. Vào thế kỷ thứ XII, với sự xuất hiện của đạo quân Hồi giáo đã tàn phá hầu hết các giáo phái và công trình tôn giáo khác trên toàn đất Ấn; Thánh tích này cũng bị xâm chiếm và phá hoại. Trụ đá vua Asoka (A Dục) dựng bị gãy làm ba, đỉnh trụ đá rơi xuống chìm sâu vào lòng đất; tịnh thất Mulagandha Kuti nát vụn, bảo tháp Dhammeka cũng bị tàn phá, tất cả thất liêu và chư Tăng cùng biến mất! Ngày nay, nền móng của cốc liêu còn nhiều nhưng chư Tăng ở đây thì không còn nữa. Trong cái lạnh của sương giá, đứng nhìn sự thật thê lương trước mắt, tôi lạnh buốt trong tim. Đi giữa mù sương, nhìn nơi này nơi nọ lòng nặng trĩu; biết cái gì rồi cũng vô thường đổi khác, nhưng là một con người thường phàm có nhiều thứ tôi mong nó thường tồn, không phải ai đứng trước sự thật cũng dễ dàng chấp nhận.

Phía sau nơi này, người ta nuôi một bầy nai để cho có vẻ hợp với cái tên Vườn Nai thời Đức Phật. Cả bầy bị nuôi nhốt trong các bức tường bê tông và lưới sắt, nhìn đến tội. Nếu là tôi, tôi sẽ thả chúng được sống tự do. Sự tưởng nhớ này thật trớ trêu và nghịch lý - Tưởng nhớ một địa danh đặc biệt, một sự kiện trọng đại mà lại lấy đi sự tự do của bầy Nai. Còn đâu là yêu thương?

Rời chân khỏi nơi này, tôi ghé thăm bảo tàng địa phương phía trước Migadāya (Vườn Nai), vé vào cửa ngày nay chỉ 10





rupee bằng 3.000 Việt Nam đồng, nhưng mấy năm ảnh hưởng đại dịch, họ bán vé online. Người soát vé kiểm tra hình ảnh chụp mã vé trên điện thoại bạn và yêu cầu gửi lại điện thoại, túi xách, máy ảnh này nọ, thủ tục cũng nhanh thôi, không phiền phức gì cả.

Đây là lần thứ tư tôi trở lại nơi này. Tôi thuộc nằm lòng tất cả những hiện vật được khai quật đặt trong bảo tàng, đẹp và quý. Quý nhất là đầu trụ đá bốn con sư tử (biểu tượng quốc huy Ấn Độ ngày nay). Chúng được đặt ngay vị trí trung tâm, lối cửa vào. Nói thật chưa có tác phẩm mô phỏng nào về đỉnh trụ đá này có thể đẹp hơn nguyên bản, dù nó sứt mẻ và bị thời gian tàn phá hơn hai mươi ba thế kỷ. Đứng trước trụ đá, tôi cảm nhận được sự uy nghiêm đầy sức mạnh của con sư tử; lông nó đẹp mướt một cách kỳ lạ, chân và các móng chân sao có thể tuyệt mỹ đến thế; nơi cẳng chân sư tử một đường gân nổi lên thể hiện nét tinh tế đầy sức mạnh. Đây là đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc, người thợ đã để hết tâm huyết và thời gian nhằm tạo lên một tác phẩm như vậy; khi tác phẩm hình thành được thời gian tôi luyện nữa. Đứng trước nó tôi thật sự chỉ biết chấp tay im lặng cúi đầu thán phục, không có thêm ngôn từ để diễn tả.

Dời chân đi vào sâu phía bên trái, đi tới tận cuối đường sẽ bắt gặp thứ tôi muốn tìm kiếm ở viện bảo tàng này, bức tượng Đức Phật Chuyển Pháp Luân được tạc bằng đá sa thạch từ thế kỷ thứ V-VI. Ngài ngồi đó uy nghiêm, vô ngôn nhưng vạn ngôn

cũng không thể nói hết về Ngài. Ngài ngồi đó, sống động như muốn bước ra khỏi đá để chỉ cho nhân loại con đường mà Ngài đã đi. Ngài ngồi đó bất toàn (mũi và các ngón tay Ngài bị vỡ) nhưng hoàn hảo, hoàn hảo trong dung mạo từ bi và trí tuệ siêu việt. Ngài ngồi đó an nhiên mà toàn thể nhân loại cúi đầu kính ngưỡng, Ngài ngồi đó không mỉm cười nhưng ai nhìn cũng cảm thấy hỷ hoan. Ôi đứng trước Ngài sao tôi thấy nghèo ngôn từ đến thế, chưa bao giờ tôi thấy ngôn từ bất lực như bây giờ; các bạn phải đến đây thôi, hãy đến để thấy ngữ ngôn cũng bất lực trước Ngài. Phải đến đây mới cảm nhận được, cảm nhận bằng con mắt và cả trái tim; tất cả hình ảnh ở trên mạng về pho tượng này không diễn tả được một phần nghìn cái thực của pho tượng, nó chỉ mường tượng thôi. Tôi im lặng đứng ngắm Ngài thật lâu, rồi rời chân đi nơi này nơi nọ trong bảo tàng. Ở đây, đa số tác phẩm trưng bày được tạc bằng đá, những tác phẩm đã tồn tại qua sự "bạo tàn của lịch sử", chúng đẹp bất chấp cả thời gian. Những pho tượng đứng giúp ta thấy nghệ nhân điêu khắc tay Ngài rất dài, ngón tay dài ngang gối như lời kinh mô tả, nhưng nhìn thật cân đối và đẹp chân thực.

Rồi đến lúc phải trở về để đặt bát cho chư Tăng, hôm nay ngày đầu năm mới, phước sự này tôi nguyện hồi hướng đến cha mẹ, thầy tổ, chư vị thí chủ ân nhân đã phát tâm hỷ cúng cho hành trình Theo dấu chân Phật này.

Nhân dịp ngày đầu năm, xin có vài vần thơ mộc mạc gửi tặng đến tất cả mọi người thay cho lời chúc và lời cảm ơn!





*"Chúc Xuân*
*Xuân này tôi ở phương xa,*
*Học hạnh đầu-đà hành cước du phương;*
*Chúc chư Sư, Đạo cát tường,*
*Chúc thiện tín, đời sắc hương mỹ toàn;*
*Chúc thân hữu, chúc bạn vàng,*
*Gia môn đầm ấm, cao sang phước mầu;*
*Ví như Mây Trắng trên đầu,*
*Thong dong, tự tại qua cầu nhân sinh!"*

Bảo tháp Dhammeka đang được trùng tu

Trụ đá vua Asoka (A Dục) dựng tại Migadāya (Vườn Nai)

Hương thất xưa của đức Thế Tôn
giờ chỉ còn là những đống đá ngổn ngang - Gandhakuti

**Bảo tháp Dhammeka xưa**[1]

**Hình ảnh khai quật vườn Lộc Uyển xưa**[2]

[1] [2] Nguồn: *In the foot- steps of the Buddha (Eight Buddhist Shrines In India) - Theo dấu chân Phật - Tám Thánh tích Phật giáo tại Ấn Độ* (Trang 113). Tác giả Shanti Swaroop Bauddh, dịch giả Tỳ-khưu Đức Hiền, NXB Tôn Giáo, 2008.

# Kỳ XIV

# KOSAMBĪ
# VÙNG ĐẤT CỔ XƯA

*Ngày 25 tháng 1 năm 2023*

**“Luận tranh chẳng có ích gì!**
**Tranh cường, hiếu thắng lắm khi phiền hà;**
**Ai người suy ngẫm sâu xa,**
**Nói năng tự chế, bất hòa lặng yên”**

Bỏ lại sau lưng hơn 1.000km, con đường ngày càng nhỏ dần, dân cư thưa thớt, nhà lác đác từng cụm. Những ngôi nhà tường bằng đất của người thợ làm gốm, thợ gạch; những căn nhà tường tre vách nứa, hay đơn sơ hơn là mấy tấm ni lông phủ quanh tạm bợ của người thợ thủ công đan lát; những ngôi nhà gạch ven đường của người buôn kẻ bán trông có vẻ khá giả hơn chút... Dọc đường miên man nào là xoài, những cây xoài to lớn trên cả trăm năm tuổi, giờ để cho mát chứ trái ít và cao tít, khi nào quả chín rụng người ta mới lượm ăn.

Từng đoạn, từng đoạn bên đường, chúng tôi bắt gặp vài nhóm đàn ông cầm xẻng, cầm cuốc, họ đứng đó để ai có việc cần thì thuê. Thấy chúng tôi đi qua, họ hờ hững nhìn bằng đôi mắt buồn buồn. Nhìn ánh mắt ấy, mũi tôi cay nghẹn bởi nó như ánh nhìn của cha. Cha tôi, mỗi khi đi làm thường cười chào thật tươi mang theo bao niềm hy vọng của cả nhà, nhưng lúc cha quay lưng đi, ánh mắt khi nào cũng buồn đượm những nỗi niềm xa vắng. Tôi muốn tới ôm chầm lấy những người đàn ông này, họ cũng như cha tôi, là hy vọng ấm no cho cả gia đình. Ở đây, nền nông nghiệp còn lạc hậu như Việt Nam mình năm 80-90, những





chiếc xe chở cát sạn to đùng thế mà họ xúc lên bằng tay, rồi cào xuống cũng bằng tay, không như ở mình, xe đến "ben" nhẹ một cái là xong. Lúa gặt về được đập bằng tay, có nơi họ đóng một cái cọc cột cặp bò hoặc trâu đi quanh để đạp lúa. Khi mới gặt về, nhiều khi họ chất lúa thành đống như đống rơm ở mình vậy, ăn đến đâu họ đập đến đấy, hết gạo họ lại ra đập tiếp! Nhìn cảnh này thấy họ lạc hậu quá đi mất, nhưng bù lại chim chóc tha hồ có cái ăn, cả đàn sà xuống nhặt thóc họ cũng cười trừ, không cả buồn đuổi. Giờ cánh đồng cải đương trổ bông, ruộng lúa mới chỉ lên nửa gang tay, giữa đồng thi thoảng cả đàn nai, hươu nhởn nhơ đủng đỉnh nhai hoa cải rồi qua gặm lúa, họ cũng cười mà thôi. Dân nơi này tuy nghèo vật chất nhưng họ hiền và giàu tình thương thiên nhiên động vật.

Rồi một buổi chiều hôm, chúng tôi đến bên dòng sông trong xanh, sông Yamuna xứ Kosambī (Câu Thâm). Đã hơn 2.600 năm, tên của xứ này vẫn là Kausambi, đọc thì giống nhau nhưng viết thì có khác chút. Kosambī (Câu Thâm) xưa là một trong 16 thành thị to lớn có kinh tế phát triển dọc sông Yamuna, ngày nay nó nghèo, đất lẫn gạch ngói như minh chứng vùng đất này từng một thuở giàu sang. Giờ nó không nằm trên trục đường phát triển du lịch nên khách ghé thăm ít lắm, thỉnh thoảng vài đoàn lạc bước qua đây.

Năm nay, chúng tôi đến sớm hơn hai tháng, những hàng cây gạo còn đương nụ. Cũng như Việt Nam mình, "Bao giờ cho đến tháng ba, hoa gạo rụng xuống bà già cất chăn" (cất chăn đắp vì đã hết lạnh). Mấy năm trước, khi nào tôi đến đây

cây gạo cũng trụi lá, chỉ có bông là bông. Mọi người hay dặn nhau "hoa gì rơi vào người cũng được trừ hoa gạo"; hoa gạo ở đây to lắm, nó mà rơi vào đầu, vào mặt thì cũng điếng người chứ chả chơi. Loại hoa này, ngoài tên phổ thông hoa gạo, còn có tên "mộc miên" rất đẹp. Mấy năm trước, chúng tôi đến vùng này khi hoa gạo đương bông, thời tiết nóng, năm nay đến sớm, trời vẫn còn lạnh, sương mù vẫn giăng khắp lối; không biết do lạnh hay do sương mà đọt ổi bầm tím và đỏ hết cả, trái cũng ửng màu chứ chưa chín, chín nó màu vàng và thơm phức cơ.

Vùng này đất lẫn gạch đá, không trồng được cải hay lúa, người dân trồng cây đậu săng là chính. Ở đây không có chùa các nước nhiều, chỉ có một ngôi chùa Myanmar (Miến Điện) và một ngôi chùa Sri-laṇkā (Tích Lan), chúng tôi dừng chân xin tá túc ở khuôn viên chùa Sri-laṇkā (Tích Lan). Sáng ngày, khi con đường còn mờ sương, cỏ ven đường ướt sũng, đẫm sương trắng xóa; chúng tôi mang y bát đi trì bình khất thực gieo duyên ở vùng này, cái chúng tôi nhận được là những ánh nhìn và nụ cười thân thiện. Sau khi đi một vòng thì đến tu viện Ghositārāma, chúng tôi tụng kinh Tam Bảo, kinh Paritta (Kinh hộ trì) và ngồi thiền ở đây. Tu viện này là nơi Đức Phật cư ngụ trong hạ thứ chín. Khi Ngài ở đây, chư Tăng vùng này xảy ra sự bất đồng dẫn đến chia phe rẽ nhóm, không nhóm nào chịu nhường nhịu nhóm nào, Ngài đã tận tình khuyến giáo mà họ cũng không nghe. Biết chưa phải thời, Ngài không nói với ai lặng lẽ rời chân đi đến khu rừng Parileyyaka nhập hạ thứ mười. Ở đây, Ngài được





chú voi và chú khỉ nhiệt tâm hộ độ; hai chú cũng đã quá chán ngán bầy đàn nên vào đây ở một mình rồi trở thành thí chủ hộ độ cho Ngài. Ngài ra đi không báo ai biết, người này hỏi, người kia hỏi mà cũng không ai hay, họ nghi vấn đề tại các tỳ-khưu bất hòa chia rẽ nên Ngài mới đi. Ngài đi, phước báu được nghe pháp, được đặt bát tới Ngài không còn, Phật tử phật ý, họ bàn nhau không dâng cúng thức ăn, không hộ độ cho tới lúc nào chư Tăng hòa hợp và có sự chứng minh của Đức Phật. Thế là hạ ấy chư Tăng ở Kosambī (Câu Thâm) thiếu thốn mọi thứ, họ xanh xao vọt vàng mờ cả mắt; khi ấy họ mới nhận ra mình thật là sai, quá sai, rồi họ tìm tới nhau, sám hối lẫn nhau, mong chờ hạ này qua để đi tìm Đức Phật sám hối.

Rồi cũng đến lúc ra hạ, các bậc thắng trí nói cho họ biết Đức Phật đang ở rừng Parileyyaka, họ tất tả tìm đến bên chân Ngài xin sám hối và xin thỉnh Ngài về lại Kosambī (Câu Thâm) chứng minh cho sự hối lỗi của họ. Nhìn những người mới đến này bằng ánh mắt lườm lườm là chú voi và chú khỉ; hai chú linh tính những người này sẽ mang con người hiền thiện đi mất, Đức Phật rải tâm từ vỗ về hai chú. Đọc trong một bản kinh nào đó, tôi nhớ rằng khi Đức Phật rời Parileyyaka, không còn nhìn thấy Ngài nữa, chú voi đã rống to thương kính vỡ tim và chết, tức khắc hóa sanh lên cảnh giới chư thiên. Chú khỉ mải mê nhìn theo Ngài, tay liên tục chuyền từ cành này sang cành nọ, không để ý vịn tay vào cành mục thế là từ trên cao rơi xuống, chú chết tức thì. Trước khi mất trong tâm chú hiện lên hình ảnh con người thánh thiện, chú cũng hóa sanh cảnh giới chư thiên ngay lập tức.

Đó là phước báu lớn lao của hai con vật. Về lại Kosambī (Câu Thâm), Đức Phật đã chứng minh cho sự sám hối của chư Tăng vùng này rồi thuyết pháp sách tấn họ trên con đường tu tập, sau buổi thuyết pháp, Ngài nói lên bài kệ:

*"Pare ca na vijānanti*
*mayamettha yamāmase,*
*ye ca tattha vijānanti*
*tato sammanti medhagā."*

*"Luận tranh chẳng có ích gì!*
*Tranh cường, hiếu thắng lắm khi phiền hà;*
*Ai người suy ngẫm sâu xa,*
*Nói năng tự chế, bất hòa lặng yên."*

Đấy là cố sự nổi tiếng của vùng Kosambī (Câu Thâm), mai tôi sẽ kể tiếp về vùng này cho quý vị hay, còn nhiều chuyện thú vị lắm.

**Tu viện Ghositārāma**

# Kỳ XV

# BÊN SÔNG YAMUNA

*Ngày 29 tháng 1 năm 2023*

**“Tôi lang thang dọc con sông, cố tìm lại dấu chân xưa.**
**Dấu xưa nay còn đâu!”**

Hôm nay, hãy lang thang cùng tôi dọc dòng sông Yamuna trong xanh này. Cách Kosambī (Câu Thâm) tầm hơn 50km về phía hạ du, sông Yamuna hòa dòng vào sông Hằng linh thiêng tạo nên thành phố Allahabad sầm uất với hơn năm triệu dân cư. Dọc hai bên, bờ cát trải dài bất tận, đang diễn ra lễ hội Kumbh Mela, được xem là lễ hội lớn nhất hành tinh, có trên 100 triệu người cùng thực hành nghi lễ. Có những ngày ước tính đến 30 triệu người cùng tắm trên dòng sông. Bạn thử nghĩ, cả nước Việt Nam cùng thực hành một nghi lễ và một phần ba dân cư nước mình cùng tắm trên một dòng sông, cảnh tượng ấy hùng vĩ và đồ sộ đến mức nào? Đến những cảnh tượng trên phim ảnh cũng không thể dựng lại số lượng người "đông hơn quân Nguyên" như vậy, chỉ sông Hằng mới có sức chứa khổng lồ thế này.

Giờ đây, dọc bờ sông từ Bārāṇasī (Ba La Nại) đến Allahabad này, cơ hồ lều trại cờ xí và người là người. Đứng trên cây cầu bắc qua sông Hằng nhìn xuống, lều trại cờ xí trải dài mải miết không hết tầm mắt, tôi cứ ngỡ là đại chiến Xích Bích trong Tam quốc chí.

Đấy là hạ du giàu sang trù phú, ngược lên vùng Kosambī (Câu Thâm), dân cư thưa thớt vài làng chài ven sông nhà tranh vách





đất, hiếm lắm mới thấy được ngôi nhà gạch; vùng này điện lưới vẫn chưa được kéo đến, cả làng xài chung cái máy phát điện, chỉ đêm họ mới phát, ngày có ánh sáng trời cho. Nét đặc trưng của vùng Kosambī (Câu Thâm) là đất lẫn gạch ngói vụn và đồi đất thấp, những đồi đất trơ trọi lơ thơ vài cây xanh to. Do vùng đất khô cằn ít cây xanh và địa hình đồi đất thấp nên mưa xuống nước chảy thành dòng tạo rất nhiều khe rãnh; mặt đất bị xé toạc từ làng ra tới tận bờ sông, đất trôi hết chỉ còn trơ gạch vụn.

Chúng tôi đi dọc bờ sông, từ khu di tích Kukkutārāma đến Ghositārāma rồi đến khu lâm viên Pavarikarubavana; bóng chiếc y vàng thấp thoáng bên sông sao mà đẹp và yên bình quá đỗi; từ cao nhìn xuống đoàn chư Tăng y vàng như con rồng uống lượn. Ven sông người ta neo vài chiếc thuyền nan cô đơn, lạc lõng! Gặp vài ngư phủ đang bán cá dọc sông, tôi ngã giá rồi mua hết, xin trả lại cho dòng sông nơi nó sinh ra.

Lại một đoạn khác, chúng tôi gặp đống củi đang còn hơi ấm, tro người, tro củi hiện ra; nhìn vẫn nhận ra mớ xương, hàm răng người vừa mới hỏa táng chiều hôm trước; hôm nay thân nhân sẽ đến đưa họ về sông. Ở đây "người ăn cá, rồi cá lại ăn người", một vòng luẩn quẩn đến rợn người!

Giờ hãy cùng tôi ngược dòng thời gian về lại quá khứ. Sau hạ thứ tám, tại rừng Bhesakalā núi Sumsumāra xứ Bhagga, Đức Phật bộ hành về Kosambī (Câu Thâm) và ở lại nơi này. Hôm kia, Đức Thế Tôn ngược dòng Yamuna đi về phía thượng nguồn đến Kuru; biết có hai người hữu duyên, Ngài để lại một dấu chân có bánh xe ngàn căm bên đường.

Hai vợ chồng Bà-la-môn Magandhi nhìn thấy, ngồi xuống săm soi quan sát rồi bàn luận:

- Ôi trên đời sao lại có thể có dấu chân lạ lùng thế ông mày ơi, chắc không phải của con người đâu ông mày nhỉ?

- Bà nói lạ không phải dấu chân người, vậy dấu chân quỷ à?

- Ông nói bậy gì đấy!

- À, không phải quỷ, vậy thì là dấu chân của một vị thiên chăng?

- Hôm nay đầu óc ông bị cái quái gì nó che ám à? Hãy nhìn kỹ dấu chân này đi! Hãy nhìn kỹ đi! Dấu chân này toát ra một uy lực như nhiếp phục cả "tam thiên đại thiên thế giới"; nó lạ kỳ như được vẽ ra từ cổ thư, mà cổ thư đi nữa thì cũng không có ông họa sĩ, ông thợ trời nào có thể vẽ được trên đất thế này, kể có vẽ trên giấy hay trên chất liệu gì thì cũng chịu. Vậy mà người này để lại dấu chân ở đây, trên đất, chỉ có thể là bậc Đại Oai Lực, bậc đã đoạn tận tất cả khổ đau ở trên đời này ông ạ!

Ông nghe bà nói có lý, nhìn kỹ dấu chân thật lâu rồi gật đầu nói:

- Bà nói phải, không thể khác hơn, đây đích thị dấu chân của bậc Đại Oai Lực, bậc đã đoạn tận tất cả khát dục ham muốn ở đời! Ôi, tôi muốn gặp bậc ấy quá bà ạ!

- Tôi cũng vậy!

Ngay lúc ấy, bên tai hai người thoảng một giọng Phạm âm với những âm sắc tuyệt hảo:





- Phải rồi, này đôi vợ chồng hiền thiện! Dưới gốc cây Bồ-đề, Như Lai đã đoạn tận tất cả khổ đau, đoạn tận tất cả ái dục khát vọng ở đời và đã trở thành một vị Phật (Buddha).

Kỳ diệu thay, khi Đức Thế Tôn nói lên lời chân thật, sau Phạm âm Buddha, hai vợ chồng hữu duyên kia liền chứng ngộ quả vị Anāgāmi (A-na-hàm). Từ đó câu chuyện bàn chân Phật có dấu bánh xe ngàn căm được lưu truyền từ người này sang người nọ; từ xứ này sang xứ khác, từ quốc độ này sang vương quốc nọ; cứ lan mãi, lan mãi cho tới tận ngày nay. Biết bao công sức cố gắng thể hiện bằng đá, bằng xi măng, bằng tranh vẽ nhưng tất cả đều không tài nào thể hiện lại được dấu chân có bánh xe ngàn căm ấy!

Tôi lang thang dọc con sông, cố tìm lại dấu chân xưa. Dấu xưa nay còn đâu! Leo lên đồi đất cao, đưa mắt nhìn xa, tôi muốn tìm khu rừng Parileyyaka thuở xưa, nhưng "nỏ" biết nó ở phương "mô"? Ở đây chẳng có khu rừng nào cả, chỉ có vài cội cây lẻ loi đơn độc đứng bên đồi cùng sương sớm và nắng chiều...

Một chú chim chao nghiêng cánh chở hoàng hôn đi mất, đêm lại về trên sông!

Ven sông Yamuna

Lễ hội Kummela trên sông Hằng

# Kỳ XVI

# VIẾNG SANKASSA

*Ngày 1 tháng 2 năm 2023*

**"Vào hạ thứ bảy, theo truyền thống chư Chánh Đẳng Giác,**
**Đức Phật đã ngự đến cõi trời Tāvatiṃsa (Đao Lợi)**
**để thuyết pháp báo đền ơn Phật mẫu sinh dưỡng"**

Con đường từ Kosambī (Câu Thâm) đến Sankassa (Tăng Già Thi) dài chừng 390km, chúng tôi dự định đi trong 9 ngày, dành một ngày dừng nghỉ cạo đầu giặt giũ và tụng giới bổn Patimokkha. Mấy ngày nay, sương mù đã bớt đi nhiều, nhưng trời lạnh hơn, đôi khi chỉ còn 4°C. Hồi sáng sớm lúc cả đoàn đang đi, mọi người bất chợt đều nhìn về một phía và ồ lên một tiếng! Mặt trời kìa! Lâu rồi chúng tôi mới thấy lại. Chân trời ửng hồng phớt lên vạn vật một làn khí ấm! Những làn sương giá bay là là mặt đất, ôm tán cây, ruộng cải, tạo nên những ốc đảo mờ nhạt trên nền xanh của lúa. Vài cây to bên đường người ta chặt trụi lủi chỉ còn lơ thơ cành lá, đẹp như tranh thủy mặc của người họa sĩ đại tài nào đó. Bên đường những bụi lau lác đác bông, mấy chú chim sâu bé tẹo, thân tròn như cục bông, vui vẻ nhích nhích cái đuôi đung đưa. Chỉ vài nét chấm phá giản đơn nhưng đẹp nao lòng, khung cảnh mới yên bình làm sao! Một bức tranh bình minh diễm tuyệt!

Hôm nay hứa hẹn ngày nắng ấm. Mùa này, giữa trưa, mọi người vẫn nằm ngoài nắng để sưởi, chỉ cần vào bóng râm là cảm thấy lạnh ngay! Đi qua nhiều ngày đường dài lạnh giá, ai cũng mong có ngày thế này.





Càng đi xa Kosambī (Câu Thâm), đất đai càng màu mỡ, cánh đồng lúa mì xanh um xen lẫn hoa cải vàng và những thửa khoai tây sắp đến kỳ thu hoạch. Khoai tây ở đây có hai loại, vỏ củ màu vàng và vỏ củ màu hồng. Khoai tây mới dỡ còn tươi, luộc hoặc nấu chè đều rất ngon.

Thỉnh thoảng, lạc giữa ruộng lúa là cả đàn khỉ đang ngồi măng mo sưởi nắng; thấy chúng, Số và Aloka hè nhau đuổi, lũ khỉ giận dỗi chí chóe trèo lên cây trêu ngươi hai đứa phá đám; Số và Aloka tức lắm mà chịu, không làm gì được. Hôm kia, thấy bầy hươu đứng giữa đồng sưởi ấm, hai chú cũng ra oai sủa inh ỏi chạy đến đuổi; một chị hươu không hài lòng với thái độ này, chị đưa chân dài như cây sào tung cho hai chú mấy cước, hai chú hết hồn bỏ chạy về phía chúng tôi; chị hươu vẫn chưa buông tha, chạy theo "dí" một đoạn nữa; thấy chúng tôi đứng cười, chị mới thủng thẳng quay lưng ung dung rời đi.

Dọc con đường này, nhà dân vẫn thưa thớt, ruộng đồng là chính.

Vào hạ thứ bảy, theo truyền thống chư Chánh Đẳng Giác, Đức Phật đã ngự đến cõi trời Tāvatiṃsa (Đao Lợi) để thuyết pháp báo đền ơn Phật mẫu sinh dưỡng. Trong khi thuyết pháp, Đức Phật còn hóa hiện một thân khác, giảng tóm tắt lại cho ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) nghe, ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) có trách nhiệm triển khai và dạy lại cho đại chúng. Sau này các vị kết tập Sư đã phân chia những lời dạy này thành tạng Abhidhamma (Vi Diệu Pháp). Thuở ấy, khi mùa hạ an cư mà không biết Đức Thế Tôn ở đâu, người này hỏi người kia và rồi người ta hỏi các vị thượng thủ A-la-hán có thắng trí, các ngài trấn an dân chúng và bảo:

- Theo truyền thống chư Phật, Đức Như Lai của chúng ta đang ở cõi trời để thuyết pháp báo đền ơn huyết sữa cho Phật mẫu.

- Bạch trưởng lão! Vậy rồi Đức Thế Tôn có trở lại nhân gian không và khi nào Ngài trở lại ạ?

- Dĩ nhiên rồi! Quý vị yên tâm sau mùa hạ Đức Thế Tôn sẽ trở về.

- Bạch trưởng lão! Đức Thế Tôn sẽ về ở địa điểm nào ạ?

- Ngài sẽ về ở cổng thành Sankassa (Tăng Già Thi).

Thế là Phật tử, dân chúng họ ùn ùn kéo nhau đến cổng thành Sankassa (Tăng Già Thi) dựng lều lán để chờ ngày Đức Thế Tôn trở lại. Các vị trưởng lão bàn nhau, khuyến khích trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) phụ giúp dân chúng về cái ăn cái ở, các vị thay nhau thuyết pháp để độ dân chúng và chờ ngày Đức Thế Tôn trở về.

Thế là đúng ngày Pavāraṇā (ngày tự tứ) bầu trời trong xanh không một gợn mây, bỗng nhiên ửng mây lành năm sắc; giữa hư không hiện ra một cầu thang bằng ngọc, Đức Thế Tôn với 32 phước tướng uy nghi đang bước xuống; bên phải Ngài, vua trời Sakka (Đế Thích) bước đi trên cầu thang bằng vàng, tay cầm cây lọng trắng che cho Ngài; bên trái có Đại phạm thiên Sahampati ôm bát theo hầu đi trên cầu thang bằng bạc, theo sau là vô vàn thiên chúng. Dân chúng "si ngốc" ngước lên nhìn với con mắt chữ A mồm chữ O, họ chưa bao giờ thấy một khung cảnh nào huy hoàng và tráng lệ hơn thế. Chư thiên xinh đẹp, nhạc trời như rót mật vào tai, hương trời như xuyên qua từng tế bào thấm vào





tận chân tơ kẽ tóc thơm lựng cả không gian. Khi Đức Phật xuất hiện, ai nấy đều sững sờ. Ngài đặt bàn chân phải xuống mặt đất phía trong cổng thành Sankassa (Tăng Già Thi); mặt đất bỗng trồi lên một đoá sen nhẹ nâng bàn chân Ngài. Biết dân chúng và những người đợi chờ ở đây có duyên với giáo pháp, Đức Phật đã nói một thời pháp đến tất cả mọi người; sau thời pháp, rất nhiều vị cát bụi còn ít trong mắt đã làm xong việc cần làm ở đời, có vị thì vào dòng, nếm được hương vị Pháp bảo. Nơi bàn chân Đức Phật đặt xuống, người ta đã xây dựng một Bảo tháp tưởng niệm. Sau này, khi cùng gia đình thân quyến viếng thăm nơi này, vua Asoka (A Dục) đã cho xây dựng lại quy mô hơn và dựng một trụ đá để đánh dấu và tưởng nhớ, trên đỉnh trụ là hình con vương tượng uy dũng ngước nhìn trời cao.

Chúng tôi đến Sankassa (Tăng Già Thi) vào một chiều mưa, nơi này đồng ruộng là chính, nhà cửa thưa thớt. Bảo tháp xưa, nay chỉ là một đồi gạch vụn, vẫn còn nhận ra một vài vách tường còn lại. Ngày nay, nơi này được xếp vào di tích cấp Quốc gia cần được bảo vệ, được xây dựng tường bao xung quanh. Gần chân đồi gạch, cội đa to lớn nghìn năm tuổi, xa hơn chút, nhà tứ giác trưng bày đầu trụ đá do vua Asoka (A Dục) dựng khi xưa. Chú vương tượng giờ hư hại nhiều ở phần đầu và đuôi nhưng những hoa văn xung quanh đầu trụ đá, hoa lá cành vẫn còn rõ nét lắm. Bên cạnh, một tháp nhỏ màu trắng bên trong thờ bức tượng Phật đang đi trên cầu thang bạch ngọc, bên trái vua trời Sakka (Đế Thích) cầm lọng che, bên phải Phạm thiên Sahampati ôm bát theo hầu. Xa hơn nữa trong khuôn viên này là vườn cây.

Tối đến, chúng tôi xin ngủ ở vườn chùa Tây Tạng trong vùng. Sáng ngày, khi có thể thấy rõ con đường, chúng tôi đắp y, mang bát đi khất thực gieo duyên đến dân chúng vùng này.

Quá lâu rồi, họ đã quên nơi này từng một thời chư Tăng đông đúc. Rồi vẫn như mọi nơi trên đất Ấn, chúng tôi nhận được những nụ cười và những ánh mắt tò mò từ người dân. Bình bát trống không trở về, chúng tôi vào khuôn viên Bảo tháp đảnh lễ Thánh tích. Sau thời kinh Tam Bảo, chư Tăng tụng tóm tắt 7 bộ trong Abhidhamma (Vi Diệu Pháp): Bộ Dhammasaṅgaṇī (bộ Pháp Tụ), bộ Vibhaṅga (bộ Phân Tích), bộ Dhatukathā (bộ Chất Ngữ), bộ Puggalapaññatti (bộ Nhân Chế Định), bộ Kathāvatthu (bộ Ngữ Tông), bộ Yamaka (bộ Song Đối) và bộ Paṭṭhāna (bộ Vị Trí).

Âm ba tiếng Pāḷi vang vang cao vút, sóng âm lan xa, cây lá như cộng hưởng cũng đung đưa xào xạc…

Ngước mắt nhìn trời cao, khung cảnh huy hoàng diễm lệ xưa đã tan nhòa vào hư vô, chẳng còn thấy gì; tôi chỉ thấy một bầu trời thấp màu xám lạnh, xa xa vọng lại tiếng ì ầm, hứa hẹn được một chiều mưa!

**Nơi tưởng niệm Đức Phật đặt chân xuống quả đất sau hạ thứ bảy tại cổng thành Sankassa (Tăng Già Thi)**

Trụ đá vua Asoka (A Dục) dựng kỷ niệm khi đến viếng nơi này

**Nơi tưởng niệm Đức Phật đặt chân xuống quả đất sau hạ thứ bảy tại cổng thành Sankassa (Tăng Già Thi)**

# Kỳ XVII

# VỀ SĀVATTHĪ

*Ngày 5 tháng 2 năm 2023*

**“Mưa là thế, nhưng xem đó là khổ cực hay xem đó là sự trải nghiệm để học ra bài học cho mình là quyền lựa chọn của mỗi người”**

Rời Sankassa (Tăng Già Thi), điểm đến tiếp theo của đoàn chúng tôi là Sāvatthī (Xá Vệ). Hôm qua, trời ì ầm nay đổ mưa, giữa đêm ông làm cho trận nữa, rất nhiều người bị ướt đồ. Rồi đang đi trời lại mưa, mọi người cũng ướt rượt; những giọt mưa thật lạnh, nó ngấm dần vào người, ngày qua ngày, quá nửa số người trong đoàn bị cảm và ho.

Mưa có lớn không ư? Mưa cũng vừa thôi, vừa đủ cho một chú ba ba đi lạc mẹ leo lên đường chơi. Thấy chú bò lổm nhổm, Số và Aloka chạy tới trêu, sợ hai chú cắn nó, một vị Sư đã ôm lên thả lại xuống ruộng, trông mà ai cũng cười.

Con đường đất xuyên qua làng và đồng ruộng sau mưa thật trơn. Nước đọng từng rãnh theo vết bánh xe, nước loang loáng mặt đường dưới ánh đèn pin, nước lộp bộp dưới mỗi bước chân. Đi con đường này lúc trời còn tối bước phải thật chắc, thà dơ chân chứ không thể trượt té. Thế nhưng, có những vị đi dép tông Lào đến mòn vẹt cả một bên đế, bước chân dính nước lại trơn nhẫy, té đến oạch cái xuống sình, bình bát đập xuống đất kêu cái choang. Thấy thì rõ thương nhưng quả thật tôi không nhịn nổi cười, ha ha… tôi xin phép cười xíu đã!





Giữa đường, theo vết bánh xe nước cả vũng, đất nhão nhoẹt, chúng tôi nép hai bên để đi; đang đi bên đường thò ra cành táo dại nhiều gai, cào vào y vị đi trước; bước qua một bước y rách xoẹt một đường hơn gang tay, tối về y lại có thêm đường vá mới.

Mưa là thế, nhưng xem đó là khổ cực hay xem đó là sự trải nghiệm để học ra bài học cho mình là quyền lựa chọn của mỗi người.

Chúng tôi chọn xem đây là một sự trải nghiệm, nó chỉ là một bài học không hơn không kém! Chúng tôi không dính mắc hạnh phúc hay những điều thuận lợi êm ái; và chúng tôi cũng không khó chịu khi hoàn cảnh bất lợi khổ đau. Thật ra đau khổ và hạnh phúc là hai mặt của thực tại, đôi khi chúng xen kẽ hoặc bao hàm trong nhau. Chúng ta không thể chọn cái này mà bỏ cái kia được! Đôi khi, chúng ta ảo tưởng có hạnh phúc hoặc than vãn khổ đau. Dính mắc hạnh phúc hay than vãn khi đau khổ cũng như nhau; đó không phải là lối suy nghĩ của chúng tôi! Chúng tôi chỉ việc nhìn, còn chúng như thế nào là việc của chúng; đây là con đường Trung Đạo.

Mưa thì kệ mưa, con đường này vẫn nhiều điều thú vị. Dọc đường đi, chúng tôi gặp rất nhiều chim chóc. Những bầy vẹt đôi khi đậu xanh lè cả cây, kêu vẹt vẹt, trông mới vui vẻ làm sao. Thấy đẹp ai cũng ngước nhìn mà! Rồi những đàn sáo trâu tới cả ngàn con, bay vù một cái như đám mây đen lướt qua; rồi những cây lủng lẳng trên cành cơ man là dơi, những con dơi to như con quạ; rồi cả những cây treo đến vài chục tổ chim rồn rột đung đưa theo gió.

Nhưng đặc biệt, con đường này rất nhiều chim công và chim kền kền. Công được nuôi như gà thả vườn ở quê, đi đâu cũng thấy, đôi khi giữa đám ruộng non hoặc đám khoai tây vừa dỡ, cả đàn công vài chục con. Những con công trống với chiếc đuôi dài đẹp, cái cổ đầy duyên dáng, mướt rượt và mỹ lệ. Chim công có lẽ là tác phẩm kỳ công của nghệ nhân nhà trời, khi di chuyển, thân mình nó uyển chuyển mềm mại, thanh tao, trên đầu cái mào lông nhỏ rung rinh. Sao trên đời lại có loài chim đẹp đến thế hả trời! Công là loài chim nên cũng biết bay, nhưng nó chỉ bay cỡ như gà thôi, bộ đuôi quá dài và nặng. Thi thoảng, chúng tôi cũng bắt gặp hình ảnh những chú công đang bay lên, đẹp, rất đẹp.

Đối lập với vẻ đẹp của công là chim kền kền, chắc đây là tác phẩm của anh thợ trời sáng tác lúc tâm trạng đang quạu quọ. Anh tạo ra chú chim màu xám đục, có chú sắc lông xám đen, với thân mình thô kệch, dáng đi khệnh khạng, cái đầu và cổ trụi lủi lông. Có chú kền kền đậu trên một cành khô, thấy đoàn chúng tôi đi ngang, chú nhìn với cái cổ rụt lại và ánh mắt tò mò. Thức ăn của chúng là những xác thối của động vật. Nếu bình chọn tôi sẽ chọn chim kền kền xấu nhất trong họ nhà chim.

Rồi con đường cũng ở sau lưng, Sāvatthī (Xá Vệ) ở ngay trong tầm mắt. Ở Sāvatthī (Xá Vệ) này, xưa nổi tiếng nhất có đại triệu phú Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), sở dĩ mang tên như vậy vì ông luôn lo cho người nghèo, những người cô độc không nơi nương tựa. Hôm kia, có công việc tới Vương Xá thành, vị triệu phú được gặp và nghe pháp từ Đức Phật, phát sanh lòng tịnh tín, ông thỉnh Phật và Tăng chúng về quê hương ông, kinh thành Sāvatthī (Xá Vệ) nước Kosala (Kiều Tát La) này. Ở đây, ông tìm nơi thích hợp





xây dựng tu viện cúng dường Đức Phật và Tăng chúng, nhưng tìm mãi mà không có nơi nào vừa ý. Chỉ có một nơi thích hợp, đó là khu lâm viên của hoàng thân Jeta (Kỳ Đà); nhưng khổ nỗi ông hoàng thiếu gì tiền, nhưng vì đức tin, ông cũng đánh liều đến gặp hoàng thân, sau khi chào hỏi xã giao, ông thưa:

- Thưa ngài! Tôi muốn tìm một khu vực không xa xóm làng, lại yên tĩnh u nhã, thích hợp cho việc đi lại và tu tập để thiết lập một tu viện cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng, nhưng tìm mãi mà không có nơi nào vừa ý; chỉ có khu lâm viên của hoàng thân đáp ứng được tất cả những yêu cầu ấy. Vậy hoàng thân có thể sang nhượng lại khu vườn ấy cho tôi chăng?

Tò mò trước câu hỏi của người triệu phú, tại sao lại dám nghĩ mua khu lâm viên của mình; lại mua để cúng cho một vị Phật và Tăng chúng chứ không phải để cho mình sử dụng? Hoàng thân nói, như để thách đố ông triệu phú:

- Này người triệu phú lương thiện! Khu vườn ấy là đẹp đẽ, yên tĩnh u nhã, ưa nhìn, là nơi yêu thích của ta; vậy nếu ông muốn mua thì ông cứ chở vàng đến, vàng lót được đến đâu ta nhượng cho ông đến đó.

Ngỏ lời cảm ơn xong, ông tức tốc quay về, hoàng thân thì nghĩ thầm: *"Ông triệu phú này sợ rồi!"* Hôm sau, thì cả phố xôn xao, người ta thấy từng đoàn voi ngựa nườm nượp kéo theo rương hòm, chum vại tiến về khu vườn. Vì tò mò người ta đi theo, thấy ông triệu phú đang cho người trải vàng ra đất. Họ nghĩ chắc ông đem vàng ra để phơi, nhưng không, ông đem vàng ra để đổi đất. Rồi chuyện cũng đến tai hoàng thân Jeta (Kỳ Đà), ông liền cùng

gia nhân đến khu vườn; thấy vàng đã trải ra gần hết cả khu vườn, ông triệu phú thì đang đứng ngẩn người đăm chiêu. Hoàng thân lại nghĩ: *"Chắc ông triệu phú sắp hết vàng rồi đây, mua nổi không... ha ha..."*; bèn lại gần ông triệu phú lay lay cánh tay và bảo:

- Này người triệu phú hiền thiện! Có gì phải nhăn mày thế, vàng không đủ sao?

- À, Ngài đấy à! Tôi đang suy nghĩ phải cho người đo đạc cẩn thận các gốc cây để tính ra chu vi đất chỗ ấy, rồi chuyển vàng từ kho nào ra cho tiện thôi. Chứ không, sợ thiệt cho Ngài.

Nghe câu trả lời, ông hoàng rúng động, ối trời ơi, trên đời lại có người đem vàng ra đổi đất thật, lại còn lo cho chủ đất bị thiệt, thật lạ lùng; chắc hẳn vị Phật mà ông ta nói đến rất uy lực, rất thiêng liêng nên ông mới làm như vậy, nghĩ vậy xong ông nói:

- Này người triệu phú hiền thiện! Vàng trải trên đất được rồi, bạn cúng đất còn cây cho ta góp phần công đức nhé.

Tu viện sau khi xây xong có tên là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên; nghĩa là "Cây của hoàng thân Kỳ Đà, vườn của trưởng giả Cấp Cô Độc", gọi tắt là Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá). Thế là với sự thỉnh mời của triệu phú Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) và sự cúng dường tịnh xá ở quê hương ông, Đức Phật và Tăng chúng đã đến, Ngài đã ở vùng này an cư nhập hạ suốt 24[1] mùa mưa; mang đến vô lượng phúc lạc cho chư thiên, phi nhân, thọ thần và người dân xứ này; biết bao nhiêu chuyện đã xảy ra ở đây rất là sinh động, mời quý bạn đọc đón xem kỳ sau.

[1] Tư liệu khác: Đức Phật ở Sāvatthī (Xá Vệ) 25 mùa an cư, tại Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên) 19 hạ, tại Pubbārāma (Đông Phương Lộc Mẫu) do đại thí chủ Visākhā dâng cúng 6 hạ.

**Những con đường lầy lội sau mưa**

# Kỳ XVIII

# ĐÔNG PHƯƠNG TỰ

*Ngày 8 tháng 2 năm 2023*

**“Chiều tàn, chôn chân trên phế tích, đưa tay kéo tà y giữ chút hơi ấm, tôi lại rời đi, sau lưng một thuở vàng son giờ hoang tàn, gió thổi từng cơn buốt lạnh”**

Đoàn dừng nghỉ ở Sāvatthī (Xá Vệ) vài hôm, mời mọi người lang thang cùng tôi nơi miền đất này, xem thử sau hơn 2600 năm còn lại những gì, khi xưa nơi đây từng là kinh đô nước Māgadha (Ma Kiệt Đà) được trị vì bởi đức vua Pāsenadi (Ba Tư Nặc) tài giỏi; có Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá), nơi Đức Phật an cư 24 hạ.

Ngày nay, Sāvatthī (Xá Vệ) không còn giàu sang như trong kinh điển mô tả, chỉ là một thị trấn bình thường với mật độ dân cư rất ít. Ấn Độ là nước có cư dân đứng thứ hai thế giới, sau Trung Quốc, vậy mà ở đây dân cư vẫn thưa thớt lắm nên tôi gọi là ít.

Lần đầu tiên, sau khi đến đây, trong đầu tôi có một dấu hỏi to đùng không biết ngỏ cùng ai! Nay mượn bài viết này để nhờ các nhà nghiên cứu, các bậc thức giả, ai biết xin giải mối nghi này, tôi xin tri ân!

Điểm qua các thánh tích, Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) nơi Bồ-tát thành đạo; Bārāṇasī (Ba La Nại) nơi Phật Chuyển Pháp Luân; Vesāli (Tỳ Xá Ly) nơi Ngài nhập hạ thứ năm và cho phép thành lập Ni đoàn với sự xuất gia của di mẫu Gotami; Sankassa (Tăng Già Thi) nơi Ngài từ cõi trời về lại địa cầu sau hạ thứ bảy;





Kosambī (Câu Thâm) nơi Ngài nhập hạ thứ chín; Lumbinī (Lâm Tỳ Ni) nơi Bồ-tát đản sinh; tôi thấy tất cả những nơi ấy khi cùng gia quyến viếng thăm, đại đế Asoka (A Dục) đều cho dựng trụ đá để ghi dấu kỷ niệm. Ngoài ra, tôi còn thấy có trụ đá ở bảo tháp Sanchi thuộc Nam Ấn Độ quê vợ của đại đế Asoka, trụ đá gần bảo tháp Lauria Nandangarh, trụ đá Rampurva. Nhưng ở Jetārāma (Kỳ Viên tịnh xá) này thì lại không có trụ đá nào cả, có lẽ nào một nơi Đức Phật an cư suốt 24 mùa hạ lại không quan trọng! Từ đó, có ba giả thuyết được đặt ra:

- Thứ nhất, đại đế Asoka (A Dục) cùng gia quyến chưa từng viếng thăm nơi này, nên không dựng trụ đá để kỷ niệm, điều này nghe ra không hợp lý lắm.

- Thứ hai, đại đế Asoka (A Dục) đã đến Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá) này, đã cho dựng trụ đá để kỷ niệm và trụ đá đã thất lạc chưa được tìm thấy hoặc khuôn viên Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá) xưa rất rộng lớn, trụ đá được dựng nằm nơi nào đó trong khu vực này, nhưng chưa được các nhà khảo cổ tìm được và công bố.

- Thứ ba, giả thuyết này có vẻ điên, nhưng nó vẫn hình thành dấu hỏi trong tôi, đó là Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá) ngày nay không phải là Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá) xưa kia.

Tôi đặt ra luận điểm này bởi, các công trình kiến trúc xưa ở Ấn thường nằm thấp hơn mặt đất, vậy mà ở đây tất cả công trình nằm trên đất ngon lành, có vẻ vô lý!

Lang thang giữa những hoài nghi, ở nơi được gọi là Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá) ngày nay, lòng tôi nặng trĩu.

Viếng thăm thánh tích giờ chỉ còn là phế tích, man mác một nỗi buồn hoang hoải, bước chân đi quanh những nền móng gạch mới xây mà tôi không thể hiểu nổi? Nhiều năm về trước đến đây vẫn còn hoang sơ lắm, mặt đất cỏ xanh rì, nhiều hố khai quật lộ ra những bức tường gạch thấp; chỉ chừng đó thôi nhưng thật sự đánh động tâm tôi, dù là vô thường hay dấu vết thời gian thì tôi cũng chấp nhận, sự thật luôn là vậy, dẫu chúng ta chấp nhận hay không.

Nhưng hôm nay, những nền gạch mới này như những miếng băng gạc được vất hờ những bên cạnh vết thương đang rỉ máu, ôi đớn đau! Tôi nghe tim mình quặn đau rên xiết! Đây cũng là sự thật, phải chấp nhận, giữ nguyên hoang sơ là sự thật, mà xây dựng lên rồi ghi là nơi này, nơi kia cũng là sự thật, một sự thật đầy phũ phàng!

Mấy hôm nay, thời tiết có ấm lên đôi chút nhưng sương mù dày hơn, sáng nào ra cái lều cũng ướt nhẹp, đi trên đường những cơn gió thổi qua nghe không còn buốt nhưng lạnh, trưa thì nắng nóng. Nhiệt độ thay đổi khá nhanh, đến 80% các vị trong đoàn bị cảm ho và sổ mũi, tôi cũng nào có hơn gì. Đi đây đó mà đầu lâng lâng, hai chân cảm giác bay bay nhưng kinh nghiệm điều này cũng thú vị. Nhiều khi đang đi, cảm nghe người nhẹ bẫng liêu xiêu, tai thông với mũi, âm thanh nói ra nghe ồm ồm trong tai, thở hắt ra hơi nóng chạy ra chạy vào, nghe cái tai nhúc nhích, ồ thú vị phết!

Lại kể tiếp nơi đây, xưa không chỉ có một đại triệu phú mà có tới hai đại triệu phú. Người thứ hai cũng vô cùng nổi tiếng đó là





tín nữ Visākhā, cô không chỉ nổi tiếng giàu có mà còn nức tiếng xinh đẹp. Kinh điển và chú giải nói rằng, cô Visākhā có sức mạnh thể chất như một nam nhi lực sĩ cùng vẻ đẹp mỹ miều, duyên dáng thế gian không ai sánh được. Cô hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân là tóc, da, thịt, xương vóc và tuổi trẻ. Tóc cô đen mướt như nhung, trông tựa đuôi công, khi xõa xuống dài tận gót chân rồi uốn lượn lên, được gọi là Kesākaḷyāna (Tóc mỹ lệ). Da cô tuy không phấn sáp vẫn thắm nhuận, mịn màng và tươi tắn như cánh sen màu trắng hồng, được gọi Chavikakaḷyāna (Da mỹ lệ). Môi cô đỏ hồng một cách tự nhiên như trái "bimba", lại còn tươi nhuận, mềm mại và gợi cảm, được gọi là Maṃsakaḷyāna (Thịt mỹ lệ). Răng trắng như ngà, khít khao, đều đặn và sáng ngời như chuỗi kim cương khéo kết, khi cười long lanh như xà cừ, đó là Aṭṭhikaḷyāna (Xương mỹ lệ). Và thứ năm, vẻ đẹp tươi trẻ, vóc dáng mảnh mai, thanh xuân ấy còn giữ nguyên vẹn cho đến tuổi già. Người đâu vừa giàu đẹp lại có tấm lòng bao dung với người ăn kẻ ở. Sau khi quy y với Đức Phật, mỗi ngày cô thỉnh 500 vị tỳ-khưu về nhà để đặt bát và cô xin với Đức Phật tám đặc ân:

- Được phép dâng y đến chư Tăng an cư tại Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá) cho đến trọn đời;

- Được phép đặt bát cho chư tỳ-khưu từ phương xa đến Sāvatthī (Xá Vệ);

- Được phép đặt bát cho chư tỳ-khưu rời Sāvatthī (Xá Vệ);

- Được phép dâng vật thực đến những vị Sư đau ốm không đi khất thực được;

- Được phép dâng vật thực đến những vị Sư chăm sóc các vị Sư đau ốm;

- Được phép dâng thuốc men cho chư tỳ-khưu bị bệnh;

- Được phép dâng lúa mạch đến cho tỳ-khưu Tăng, Ni;

- Được phép dâng y tắm mưa đến cho chư tỳ-khưu Ni;

Quả thật tám đặc ân này, cô và gia đình đã thực hiện trọn đời với tâm luôn hoan hỷ. Đây là sự tinh tế của người nữ, những điều tưởng như nhỏ nhặt vậy nhưng rất cần thiết (điều thứ tám).

Hôm kia, đến chùa nghe pháp, Visākhā giao cho tỳ nữ chiếc áo choàng Mahālatāpasādhana nổi tiếng, chiếc áo được 500 thợ thầy làm trong bốn tháng mới xong. Khi ra về, đi nửa đoạn đường, cô tỳ nữ hốt hoảng thưa:

- Thưa cô chủ! Em đã quên không cầm chiếc áo choàng Mahālatāpasādhana về rồi.

- Không sao đâu em, nó chỉ là vật ngoài thân, em hãy trở lại nếu chưa có ai đụng vào em hãy cầm về, nếu đã có bất cứ vị Sư nào đụng vào em trở về đây nhé, không có vấn đề gì cả.

Đi một hồi rồi trở lại, người tỳ nữ nói:

- Thưa cô chủ, chiếc áo choàng đã được ngài Ānanda (A Nan) cất vào kho rồi, ngài ấy bảo áo choàng của ai người ấy sẽ lại lấy.

- Không sao cả đâu em, chúng ta về thôi!

Hôm sau, với hoa và hương, cô lại đến tịnh xá để nghe pháp, sau thời pháp cô nán lại xin gặp Đức Phật và thưa:





- Bạch Đức Thế Tôn, hôm qua đệ tử đi nghe pháp, tỳ nữ của đệ tử có để quên chiếc áo choàng Mahālatāpasādhana ở giảng đường, đệ tử nghĩ nếu có vị Sư nào đụng vào áo coi như Tăng đã thọ nhận vật ấy. Và quả đúng như vậy, ngài Ānanda (A Nan) đã cất vào kho với lời nói của ai người ấy sẽ đến lấy. Nay đệ tử xin tác bạch bằng thân khẩu, cúng dường vật ấy đến Tam Bảo, xin Đức Thế Tôn chứng minh cho đệ tử.

Vậy là, vật ấy trở thành của Tăng. Câu chuyện sau đó, cô đã mang chiếc áo ấy đi bán quanh kinh thành Sāvatthī (Xá Vệ) mà không tiệm kim hoàn nào mua nổi, vài ba tiệm hùn tiền mua cũng không nổi. Sau cùng cô nhờ các vị có kinh nghiệm trong lĩnh vực kim hoàn định giá giúp và chính mình mua lại chiếc áo choàng ấy. Số tiền có được, cô dành mua đất xây cất lên tịnh xá Pubbārāma (Đông Phương Lộc Mẫu). Vậy là ở Sāvatthī (Xá Vệ) lại có thêm một ngôi tịnh xá nổi danh, Đức Phật thường lui tới nhập hạ ở hai tịnh xá này trong suốt 24 mùa hạ.

Ngày nay, Pubbārāma (Đông Phương Lộc Mẫu) cũng chỉ còn là một đồi gạch vụn lẫn đất, vài cây mọc chơ vơ oằn èo, vươn những cành nhánh khúc khửu níu lại chút thời gian một thời huy hoàng. Chiều tàn, chôn chân trên phế tích, đưa tay kéo tà y giữ chút hơi ấm, tôi lại rời đi, sau lưng một thuở vàng son giờ hoang tàn, gió thổi từng cơn buốt lạnh.

**Pubbārāma (Đông Phương Lộc Mẫu)**

Khuôn viên Jetārāma-vihāra (Kỳ Viên tịnh xá)

Cội Bồ Đề Ānanda (A Nan)

# Kỳ XIX

# HÃY DỪNG LẠI

*Ngày 12 tháng 2 năm 2023*

**“Ai dùng các hạnh lành,**
**Xóa mờ bao nghiệp ác;**
**Chiếu sáng cõi đời này,**
**Như trăng thoát khỏi mây”**

Đôi chân phiêu du đưa tôi đến bên một nền móng gạch cũ, được ghi là nơi tưởng nhớ ngài Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người). Ngài sinh ra trong gia đình Bà-la-môn hữu danh ở Sāvatthī (Xá Vệ) này, cha ngài là vị quan chuyên giải những điềm mộng triệu cho đức vua Pāsenadi (Ba Tư Nặc). Đêm ngài được sinh ra, tất cả vũ khí trong kinh thành bỗng bật ra khỏi vỏ và sáng ngời, tỏ rõ khí hung sát đến kinh người, làm cho đức vua giật mình tỉnh giấc.

Sáng ngày, đức vua cho gọi vị Bà-la-môn đến kể lại hiện tượng vũ khí hồi đêm. Vị Bà-la-môn biết một vì sao hung sát đã sinh ra ở quốc độ này, không ai khác là con trai mình vừa sinh ra đêm rồi. Ông liền tình thật kể lại và tiên đoán đứa trẻ lớn lên sẽ trở thành tên cướp sát nhân, trước sau gì cũng phải giết nó đi để trừ hậu họa. Sau khi được biết kẻ cướp hung sát kia sẽ không phương hại gì đến ngai vàng, đức vua khuyên vị Bà-la-môn, đứa trẻ vừa sinh ra đỏ hỏn tội tình gì, nên cho nó được sống; và đặt tên cho trẻ là Ahimsaka (Vô Hại).

Ahimsaka (Vô Hại) có tư chất thông minh dĩnh ngộ và có sức khỏe phi thường. Ông Bà-la-môn nuôi dạy trẻ rất cẩn thận, chu đáo; cho học mọi thứ về thương yêu, tránh xa các loại vũ khí, vật sắc nhọn có tính giết chóc...





Lớn lên Ahimsaka (Vô Hại) được gửi đến thành phố Takkasīla để thụ giáo với một vị Bà-la-môn tài giỏi; y đã tỏ rõ tư chất hiền đức, thông minh, lễ phép, biết vâng lời, luôn nhã nhặn với bạn bè. Trên vầng trán cao rộng kia như chứa cả kinh thư ngàn đời, chàng học một biết mười, chẳng mấy mà học hết sở học của thầy và tinh thông sử dụng tất cả các loại vũ khí. Chàng có một trái tim nhân hậu, dịu dàng, luôn đối xử với thầy cùng vợ thầy như cha mẹ mình.

Vốn mẫn tuệ, đẹp trai lại được vợ chồng thầy thương yêu, bạn đồng trang lứa ghét chàng lắm. Họ lên kế hoạch đặt điều chàng có mờ ám chuyện tình cảm với vợ thầy. Chuyện đánh tiếng đến vị thầy, ông bỏ ngoài tai, nhưng ngày qua ngày, hết người này nói lại có người khác mách, ông sinh nghi nên để ý. Ừ mà sao lạ, sao vợ mình thương yêu nó quá thế nhỉ, các học trò khác bà có như vậy đâu, chắc hẳn có chuyện tằng tịu mờ ám ở đây. Nghĩ thế, lòng ông bỗng xuất hiện sát tâm, ông muốn giết Ahimsaka (Vô Hại), nhưng như vậy sẽ làm uy tín của ông suy giảm. Ông nghĩ ra cách khác hay hơn, chàng sẽ chết mà không ảnh hưởng gì đến ông.

Hôm kia, ông bảo Ahimsaka (Vô Hại) rằng:

- Con đã học hết sở học cả đời của ta, chỉ còn mỗi "mật pháp" cuối cùng thôi, mật pháp này truyền đời, mỗi đời chỉ truyền cho người giỏi nhất, con muốn học chứ?

Vì tâm cầu học, chàng gật đầu chắc nụi, ông lại bảo:

- Để học được mật pháp này cần hiến một ngàn mạng người thì mới học được, con chắc muốn học chứ?

Vì tâm cầu học chàng cũng lại gật đầu, với vũ khí được trang bị, chàng trở thành sát thủ chuyên giết người để đổi lấy mật pháp. Nhưng giết bao nhiêu người rồi chàng quên, để chứng minh cho thầy đã giết đủ 1.000 người, chàng cắt ngón tay trỏ của nạn nhân xâu lại đeo lên cổ.

Chẳng bao lâu, kinh thành Sāvatthī (Xá Vệ) xao động, họ đồn nhau có một toán sát thủ rất ghê gớm xuất hiện. Họ chỉ chuyên giết người chứ không cướp của, chưa có nạn nhân nào trốn thoát dưới lưỡi gươm của kẻ thủ ác nên không có nhân chứng kể lại. Rồi các chuyến buôn ra khỏi kinh thành, người ta kết thành đội lớn, thuê thêm người bảo tiêu, nhưng không ai dám nhận. Vì hung thủ xuất hiện như quỷ thần lúc này lúc khác, tại nơi này nơi kia, ai cũng ở trong thành cho yên tâm. Đứng trước cái chết tiền bạc cũng vô nghĩa, buôn bán giao thương đình trệ. Chuyện đến tai đức vua, ngài lệnh cho một vị tướng quân và 100 tên lính đi bắt kẻ thủ ác về, nhưng lạ thay 101 người đi mà không có một người về, cả triều đình rúng động.

Đức vua Pāsenadi (Ba Tư Nặc) quyết định dẫn quân đi tiễu trừ kẻ ác, sáng mai sẽ xuất phát. Đêm ấy, ông Bà-la-môn kể cho vợ mình nghe. Bằng linh tính của một người mẹ bà mường tượng đoán rằng kẻ sát nhân kia chính là con mình. Khi đêm còn chưa sáng, bà im lặng rời nhà đi tìm con mình, khuyên con trốn đi vì đức vua và quân đội đang đến. Cũng hôm đó với lòng từ bi, Đức Phật biết rằng kẻ hung bạo kia tiềm tàng duyên lành, có căn trí sẽ lãnh ngộ được giáo pháp nên Ngài đã xuất hiện tại khu rừng.





Sáng ngày, khi bình minh còn chưa ló rạng, Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người) đếm các ngón tay thì được 999 ngón chỉ còn thiếu một ngón nữa thôi, y sẽ được kế thừa mật pháp. Y cầm gươm đi tìm con mồi cuối cùng, trên con đường vào rừng mờ sương dáng một người đàn bà hiện ra. Tròng mắt kẻ hung bạo sáng lên, con mồi cuối cùng đây rồi; đến gần, y chợt nhận ra người ấy là mẹ mình… Và chợt đâu một vị Sa-môn xuất hiện khoảng giữa người mẹ và Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người) nên Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người) cầm gươm rượt theo Đức Phật cả 3 do-tuần (48km), y đã vận hết sức lực, bước chạy của y nhanh như gió, đầu ngón chân như lướt trên đầu ngọn cỏ vậy mà vẫn không đuổi kịp ông Sa-môn có vẻ ung dung nhàn nhã đi phía trước… Mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đầu váng mắt hoa, hơi thở dồn dập, tim đập như trống trận, Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người) đã đuối sức, dừng chân lại, cất tiếng gọi lớn rằng:

- Này ông Sa-môn kia, dừng lại! Hãy dừng lại!

Đức Phật biết cơ duyên điểm hóa đã đến, nên chân Ngài vẫn khoan thai bước đi, cất giọng phạm âm, nói vọng lại:

- Này Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người)! Như Lai đã dừng lại lâu rồi! Chính con! Chính con mới là người chưa chịu dừng lại!

Nghe vậy, Aṅgulimāla rất ngạc nhiên, bèn nói:

- Này ông Sa-môn! Tại sao rõ ràng ông đang đi mà ông lại nói "Như Lai đã dừng lại rồi"; còn tôi thì đang dừng lại, nhưng ông lại nói "chưa chịu dừng"?

Đức Phật hiện ra thân sắc rực rỡ quang minh, hào quang sáu màu chập chờn di động, rải từ bi tâm bao phủ trọn vẹn con người của Aṅgulimāla, cất giọng nói với tám tuyệt hảo:

- Này Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người)! Quả vậy, Như Lai là người đã dừng lại lâu rồi. Như Lai đã dừng lại đao, dừng lại trượng, dừng lại và từ bỏ tất cả mọi sự giết hại đối với chúng sanh; dừng lại con đường tội ác! Còn con, chính con mới là người chưa chịu dừng đao, trượng, chưa chịu dừng lại sự sát hại chúng sanh, chưa chịu dừng lại con đường tội ác!

Lời nói dịu ngọt với âm điệu trong vắt như giọt sương mai trên đầu núi; và ý nghĩa của lời nói ấy của Đức Thế Tôn như xoáy sâu vào tâm trí Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người), làm lay động, thức tỉnh giấc ngủ mê man của vô minh và vọng nghiệp, trả lại cho Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người) khoảng trời bình minh tươi sáng đầu đời. Chàng chợt mở lớn đôi mắt ra, đứng sững lại, bàng hoàng...

- Kính lạy Đức Thế Tôn! Con biết tội rồi! Từ đây, con xin nguyện từ bỏ vĩnh viễn đao, trượng; từ bỏ vĩnh viễn bàn tay vấy máu tàn hại chúng sanh! Mong Ngài minh chứng cho sự sám hối thành khẩn và thiết tha này!

Bạch thế xong, Aṅgulimāla (Vòng Ngón Tay Người) đứng dậy, bẻ cung tên, giáo, ném đao, kiếm xuống vực sâu, quăng vòng hoa ngón tay người qua bên kia sườn núi, thành kính đảnh lễ dưới bàn chân bụi của Đức Phật rồi xin xuất gia.

Một kẻ giết người hung bạo đã xuất gia như vậy đó.

Xế trưa, vua Pāsenadi (Ba Tư Nặc) với năm loại quân bị đang rùng rùng nhắm hướng khu rừng đi đến, thấy Đức Phật đang ngồi bên vệ đường, đức vua ghé vào chào hỏi phải phép rồi nói:





- Xin Đức Thế Tôn hãy rời đi, khu rừng này có kẻ sát nhân rất nguy hiểm, sợ rằng y sẽ hại đến Ngài.

Đức Thế Tôn trấn an đức vua rồi nói:

- Hóa ra ngài dẫn quân đi bắt kẻ ác sao?

- Vâng, phải rồi chỉ bắt kẻ ác.

- Nếu kẻ ác bây giờ đã trở thành kẻ thiện lương và xin xuất gia thì đại vương đối xử thế nào?

- Nếu người ấy đã xuất gia con xin cúng dường y bát và hộ độ tứ sự cho vị ấy, con sẽ đảnh lễ vị ấy; nhưng mà kẻ ác này đã giết người trong thời gian dài, y giết người vì thú vui chứ không vì tiền bạc hay mục đích gì khác nên sẽ không có chuyện người ấy đi tu đâu.

Đức Phật chỉ vị tỳ-khưu bên cạnh và nói:

- Đây là con trai của Như Lai, người đã bỏ đao trượng rời xa con đường tội ác. Nay đại vương hãy đảnh lễ vị ấy và đem quân trở về, từ nay khu rừng này an toàn, không còn kẻ giết hại nữa.

Nghe vậy, đức vua tóc lông dựng đứng, giật mình đứng dậy, nhìn vị tân tỳ-khưu này; từ y toát ra vẻ trầm ổn như ngọn núi đá ngàn năm, không có gì là hung ác như lời đồn. Đức vua quỳ năm vóc đảnh lễ vị tỳ-khưu và nói:

- Khi nào cần tứ sự xin ngài hãy cho con biết, con xin cúng dường tứ sự đến ngài trọn đời con.

Vậy là kẻ giết người xưa giờ đã được đức vua và pháp Phật bảo vệ vị ấy đi bát trong kinh thành. Những gia đình có người bị vị ấy giết, họ thù hằn nên lén ném đá, ném gạch hoặc quăng chất

bẩn vào vị ấy. Khi nào đi bát về, y cũng rách, bình bát bị vỡ lấm lem máu bụi, vị ấy vẫn hoan hỷ nở một nụ cười. Cười cho quá khứ của mình, cười cho nhân quả. Hôm kia, đang đi bát thấy nhà bên đường có người đang trở dạ, khí hung sát còn dư sót khiến "đứa bé sợ quá" nên người mẹ đau đớn mà không sinh em bé được. Đi bát về Ngài tìm gặp Đức Phật thưa rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, con muốn giúp người phụ nữ ấy nhưng không biết phải làm sao?

Phật dạy rằng:

- Này con trai, con hãy đến đấy và nói lời chân thật thôi, thế là được.

Vậy là Ngài đi đến ngôi nhà có sản phụ đang chịu đau đớn kia, khởi từ tâm và nói lên lời chân thật như sau:

- Này chị! Từ ngày tôi được sinh vào dòng thánh, tôi chưa từng có ý sát hại mạng sống của sinh linh nào. Mong nhờ sự thật này, cầu cho chị được an lành và đứa bé sắp sanh của chị cũng được an lành.

Lạ lùng thay, sau lời nói chân thật của Ngài, cháu bé sinh ra khỏe mạnh và người mẹ cũng không hề đau đớn. Ngày nay, lời chân thật của Ngài cũng còn linh nghiệm lắm. Mỗi khi có người sắp lâm bồn, chư Tăng thường hay tụng đọc lại lời này và lúc nào cũng mẹ tròn con vuông cả.

Ngày nào cũng bị quăng đá, bị ném gậy, vết thương mới lại chồng lên vết thương cũ, sức khỏe dần suy kiệt, không bao lâu sau vị ấy an yên thị tịch trong vòng tay của huynh đệ mình.





Có người bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Với nghiệp sát như vậy vị ấy sẽ về đâu?

Đức Thế Tôn nói:

- Con trai của Như Lai đã Vô dư Niết-bàn rồi.

Rồi Ngài nói lên bài kệ:

*"Ai dùng các hạnh lành,*
*Xóa mờ bao nghiệp ác;*
*Chiếu sáng cõi đời này,*
*Như trăng thoát khỏi mây."*

Để tưởng nhớ Ngài, người đã bỏ đao, bỏ trượng lập tức giác ngộ nên người ta đã xây lên ngôi tháp này. Ngày nay, tháp này chỉ còn lại nền gạch cũ, nhìn vẫn thấy người ta dùng đất sét thay vữa nối giữa các viên gạch.

Một người với sát nghiệp khủng khiếp như vậy, Ngài tu được, còn các bạn, với các hạnh lành, với các thiện duyên đang có sao các bạn không tu đi nhỉ?

Đừng chừng chờ nữa, hãy dừng lại đi, hãy dừng lại!

Bên thềm gạch cũ, một vạt nắng rơi nghiêng nghiêng. Chiếc lá khô cong queo nằm lẻ loi chờ gió đem về cội.

अंगुलिमाल स्तूप
ANGULIMAL STUPA
कच्ची कुटी महेत
KACHCHI KUTI MAHET

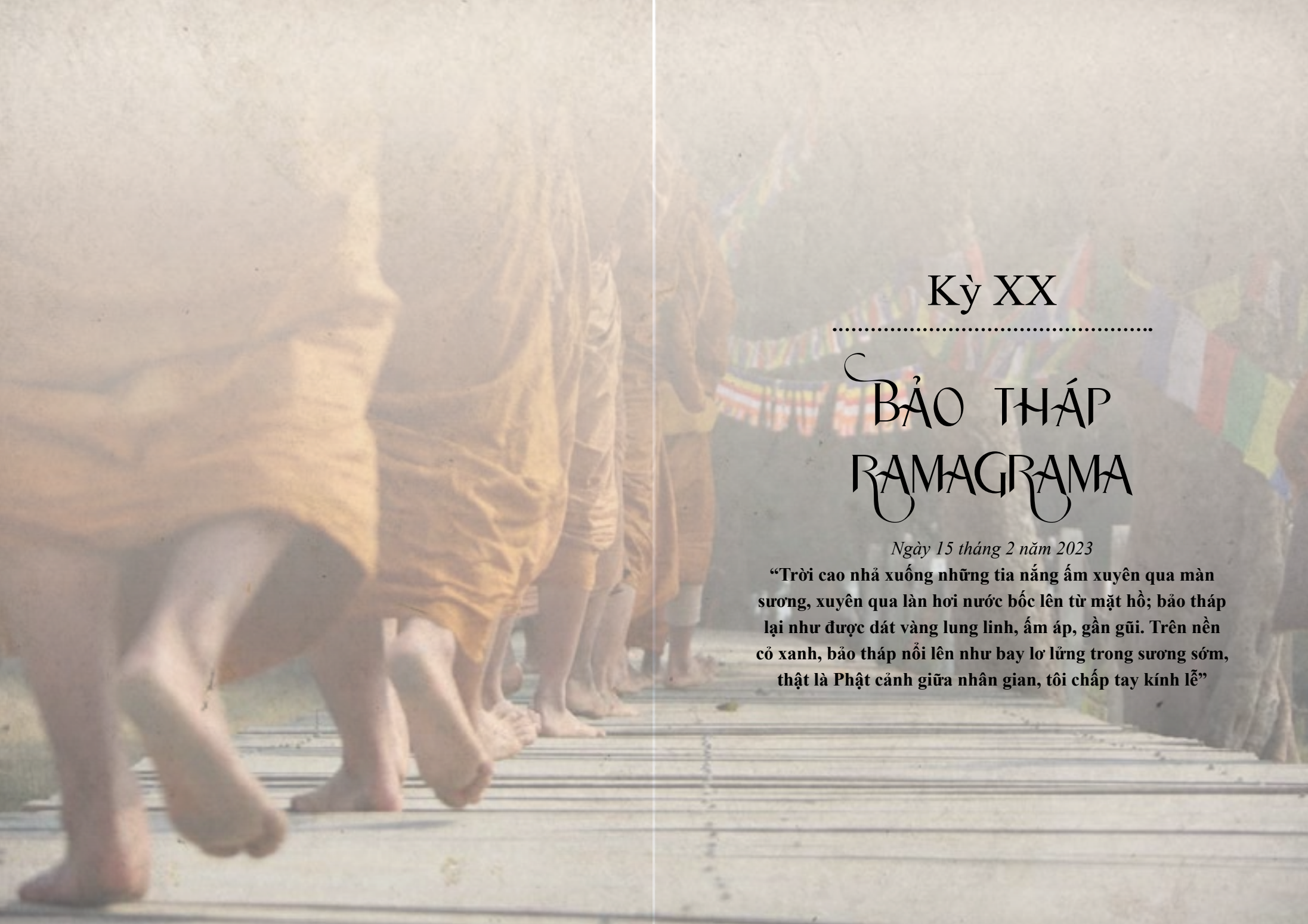

# Kỳ XX

# BẢO THÁP RAMAGRAMA

*Ngày 15 tháng 2 năm 2023*

**"Trời cao nhả xuống những tia nắng ấm xuyên qua màn sương, xuyên qua làn hơi nước bốc lên từ mặt hồ; bảo tháp lại như được dát vàng lung linh, ấm áp, gần gũi. Trên nền cỏ xanh, bảo tháp nổi lên như bay lơ lửng trong sương sớm, thật là Phật cảnh giữa nhân gian, tôi chấp tay kính lễ"**

Những đêm sương lại tiếp ngày nắng, rời Sāvatthī (Xá Vệ) điểm đến tiếp theo của đoàn chúng tôi là đi đến biên giới Ấn để sang Nepal. Tới đây, đoàn đã đi được nửa thời gian của cuộc hành trình Theo dấu chân Phật 2022, đã hơn 1.800km, từ Nepal quay trở lại chúng tôi tính là vòng về.

Hôm kia, bên đường tôi thấy hai người đàn ông đang gò lưng đẩy xe, trông họ lọt thỏm giữa những hàng hóa chất đầy xe. Không cần phải suy nghĩ, tôi chạy sang ghé vai phụ họ đẩy lên con dốc, rồi trong đoàn cũng có người sang phụ cùng. Khi xe đã lên đỉnh dốc, chúng tôi cười xòa trở về đoàn tiếp tục cuộc hành trình.

Ngày còn bé, lúc tôi tầm 12-13 tuổi gì đấy, tôi đi chợ nấu ăn cho cả chùa, thường lúc về đến chân núi, tôi phải cởi áo, xắn quần đẩy xe lên dốc. Thuở ấy, chùa còn sơ khai, những con đường dốc đất đá lởm chởm và cao, không như bây giờ. Vừa đẩy xe tôi vừa mong, ước gì có người giúp mình vượt qua những con dốc này nhỉ? Nhưng ước mơ cũng chỉ là mơ ước, lúc ấy núi rừng vắng tanh chỉ có gió núi và mây ngàn chứ nào có ai! Nhờ những ngày bé vất vả khổ lao đã hun đúc nên tôi khỏe mạnh bây giờ, nhìn thấy những hoàn cảnh cần giúp là tôi giúp ngay. Mọi người





đừng xem nhẹ những việc làm nhỏ như vậy nhé: Bố thí của cải vật chất dẫu có nhiều cũng chỉ là bố thí bậc hạ, nhưng bố thí sức lực thuộc bố thí bậc trung đấy!

Dọc con đường này, chúng tôi gặp rất nhiều chim hạc đầu đỏ, chúng thường đi theo từng đôi. Mùa này có những đôi dẫn theo con của mình đứng giữa đồng tìm kiếm thức ăn, thấy chúng tự do, lớn phổng phao, xinh đẹp kiêu sa quý phái, lòng tôi cảm thấy vui theo, mong cho chúng được bình yên.

Đoàn chúng tôi xin nghỉ lại chùa Wat Thai 960 (Thái Lan) ở vùng biên giới Ấn Độ một hôm để làm visa sang Nepal. Ai có Visa Ấn xin visa Nepal dễ thôi. Nhưng có một điểm cần lưu ý khi xin visa Ấn Độ, phải đăng ký loại vào Ấn được nhiều lần. Có nhiều người xin visa Ấn loại một lần, qua Nepal không quay về Ấn Độ được.

Mà cũng lạ thay! Ấn Độ và Nepal, hai quốc gia chung đường biên giới, cách nhau có mấy bước chân thôi, nhưng bên Ấn thì còn lạnh lắm, mà bước chân sang Nepal thì nắng tóe lửa. Ghé vội bên đường, chúng tôi cởi bớt vài lớp áo mới tiếp tục đi được, chứ y áo mấy lớp đi nóng quá. Thò tay kéo áo, thấy da tay giờ đã đen điu nhăn nheo, ngày đi màu y nhuộm lên da, giờ màu da nhuộm lên y!

Điểm đến đầu tiên của chúng tôi trên đất Nepal là Bảo tháp Ramagrama Relic Stupa. Đây là bảo tháp còn nguyên vẹn nhất theo tôi được biết, Bảo tháp được xây dựng bằng gạch. Và đây là một trong mười tháp thờ Xá-lợi Phật sớm nhất được xây dựng. Ngay sau khi nhục thân đức Thế Tôn trà tỳ, Xá-lợi được

chia cho tám nước. Thêm một nước đến muộn, họ xin phần tro tàn khi thiêu để về làm tháp thờ. Bà-la-môn Dona, người đứng ra chia Xá-lợi xin các vị vua cho ông giữ lại cái cân (có nơi còn gọi là cái gáo) dùng để chia Xá-lợi đem về quê hương ông làm tháp thờ. Tháp Ramagrama Relic Stupa này là một trong mười Bảo tháp đầu tiên được xây dựng ngay sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn.

Tới thời vua Asoka (A Dục), ngài chấn hưng Phật giáo và cung thỉnh Xá-lợi từ tất cả tám tháp lớn để tôn thờ tại các nơi trên toàn đất nước của ngài lúc ấy. Tháp có cái cân là duy nhất không khai mở. Và Bảo tháp Ramagrama Relic Stupa này, khi phái đoàn của vua Asoka (A Dục) đến để cung thỉnh Xá-lợi thì gặp phải sự cản trở của loài rồng. Loài rồng xin bảo vệ Xá-lợi ở tháp này và xin đức vua hoan hỷ vì điều đó. Loài rồng nói rằng, mặc dù họ có thần lực nhưng vẫn là thân súc sinh, không có nhiều việc phước thiện để làm; họ rất hoan hỷ thờ phụng cúng dường và bảo vệ Xá-lợi nơi đây. Thấy họ nói chí tình chí lý nên đức vua chấp thuận. Thật ra, loài rồng không ngại đức vua, họ kính nể những vị A-la-hán đi cung nghinh Xá-lợi, nên xin phép rất phải lẽ, thế là bảo tháp Xá-lợi còn nguyên.

Thế kỷ III, đoàn chư Tăng người Thái hành hương viếng các Thánh tích, có ghé nơi này và ghi chép lại vài chi tiết thú vị:

- Trải qua hơn bảy thế kỷ mưa nắng, Bảo tháp Ramagrama Relic Stupa vẫn không có cây nào mọc bên trên tháp; cách Bảo tháp tầm 200m về phía bắc là dòng Anoma, con sông trong xanh dài hơn 10 do-tuần (160km) chảy về phía nam (Kusinārā





(Câu Thi Ca) ngày nay); cách Bảo tháp 5 do tuần (75km) về phía tây là kinh thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ).

Bấy lâu nay tôi cứ đi tìm con sông Anoma này mà không biết ở đâu, nay biết tôi hoan hỷ quá; con sông này Bồ-tát đã cưỡi ngựa Kaṇṭhaka (Kiền Trắc) vượt qua để xuất gia tầm đạo.

Đến thế kỷ V, nhà hành hương người Trung Quốc Faxian (Pháp Hiển) khi viếng các Thánh tích cũng ghé nơi này.

Thế kỷ thứ VII, nhà hành hương nổi tiếng Đường Huyền Trang khi sang Tây vực thỉnh kinh cũng từng ghé lại nơi đây và có ghi chép lại một vài chi tiết tháp Ramagrama Relic Stupa: cao 10m và rộng 23m, nằm trơ trọi cạnh những hồ nước thiêng, người dân gọi nơi đây là vùng đất kỳ lạ, vì cây cỏ không mọc được ở đấy.

Thời gian trôi nhanh, thương hải tang điền, bảo tháp gạch xưa giờ chỉ còn là một đồi gạch mủn ra thành đất; bên rìa đồi có một cội cây to, sum xuê xanh tốt. Xung quanh là một rừng cây và vô số ao hồ. Sau này, Sukra Sagra Shrestha thuộc hiệp hội DOA (Department of Archaeogoly - Khoa Khảo cổ học) có dẫn phái đoàn đến để khai quật nơi đây; lại gặp hai người vận bạch y nói rằng nơi đây được loài rồng bảo vệ nên không được đụng đến. Là một người chuyên về khảo cổ học, ông không sợ gì chuyện tâm linh rồng hay quỷ; nhưng mới đào ngày đầu tiên mà mấy người trong đoàn không bệnh tự nhiên lăn đùng ra chết; thế là những người đào bới, những người phụ việc cho cuộc khảo cổ ấy, người ta nhất quyết không đụng vào đất của khu vực bảo tháp nữa; và bảo tháp, một lần nữa lại nguyên vẹn cho tới nay.

Ngày nay, nơi đây được chính phủ Nepal xếp hạng di tích và bảo vệ. Nhưng các phái đoàn du lịch thường bỏ qua, đến đây chỉ để nhìn một đồi đất có lẽ không có gì thú vị. Còn với chúng tôi thì khác, Bảo tháp Ramagrama Relic Stupa là điểm đến đầu tiên trên đất Nepal. Đến đây, ngoài tụng kinh cầu nguyện, đêm nay tất cả chúng tôi nguyện ở giữa trời đêm không mái che để cúng dường Tam Bảo.

Ở đây, tụng kinh mà người tôi cứ mọc ốc nổi da gà, ngồi thiền thì niềm hỷ lạc mạnh quá, người cứ muốn bốc lên khỏi mặt đất. Thật là hoan hỷ khi ở nơi đây, dù ở giữa trời không mái che thì có sao đâu, tôi thật sự hoan hỷ quá. Đêm ánh trăng treo trên cao nghiêng nghiêng, tỏa ánh sáng lành lạnh, mờ mờ qua màn sương.

Mới ngồi xíu mà phương Đông mặt trời đã mọc, đêm nay thời gian dường như trôi nhanh hơn thì phải. Tôi đảnh lễ Bảo tháp và nhiễu quanh ba vòng, đến lúc phải rời đi, tôi đi ra xa một đoạn đứng nhìn Bảo tháp. Trời cao nhả xuống những tia nắng ấm xuyên qua màn sương, xuyên qua làn hơi nước bốc lên từ mặt hồ; Bảo tháp lại như được dát vàng lung linh, ấm áp, gần gũi. Trên nền cỏ xanh, Bảo tháp nổi lên như bay lơ lửng trong sương sớm, thật là Phật cảnh giữa nhân gian, tôi chấp tay kính lễ.

Bảo tháp Ramagrama Relic Stapa

# Kỳ XXI

# VIẾNG THĂM QUÊ HƯƠNG PHẬT MẪU

*Ngày 19 tháng 2 năm 2023*

**"Thật vinh hạnh thay, mảnh đất này!**
**Thật hi hữu thay, thánh địa linh thiêng này!**
**Nơi linh khí trời đất hội tụ kết tinh nên những con người**
**to lớn hơn cả sự vĩ đại, trí tuệ siêu việt vượt mọi không thời gian"**

Điểm đến tiếp theo của đoàn là quê hương hoàng hậu Mahāmāya, là mẫu thân của Bồ-tát, người có công đức lớn đã hoài thai và sinh hạ cho nhân loại một con người kiệt xuất, người sau này đã trở thành Phật, mang đến vô lượng phúc lạc cho muôn loài sinh linh.

Vùng này sương mù lúc 5h đến 7h dày lắm, độ 8h nắng lên khi ấy sương tan, qua 12h thôi thì như đổ lửa. Đi một đoạn đường mà mồ hôi mẹ, mồ hôi con theo nhau từng dòng chảy xuống. Đi như chúng tôi thật sự lúc lạnh sẽ dễ chịu hơn, chứ nóng đổ mồ hôi người rít rát khó chịu, mồ hôi ra nhiều, mất nhiều muối người cũng chóng lả hơn.

Các vị trong đoàn lại nói vui với nhau:

- Đi mùa lạnh đốt mỡ để sưởi, đi mùa nóng mỡ cũng bốc hơi hết; lạnh hay nóng mỡ cũng không còn tẹo nào, lấy gì ra mỡ máu với tiểu đường, hóa ra lạnh cũng hay phết và nắng cũng tuyệt vời đó chứ.

Các vị còn nói với nhau:

- Đi vậy mấy khi bong rộp chân đâu, chỉ bong rộp một lần mùa lạnh và một lần mùa nóng, mỗi mùa chỉ đau chừng hai chục ngày là quen, sẽ hết đau thôi.





Nghe vậy, chân tự nhiên giật giật, hình như nó cũng biết sợ. Mà thật, nắng nóng lên mặt đường giữa trưa bốc hơi loang loáng, nhiều vị đi chân trần không phồng rộp mới là chuyện lạ; kể cả các vị đi giày dép cũng không hơn gì, ai rồi cũng bong rộp đến quen thì thôi.

Con đường về quê mẹ Ngài thật đẹp, những đồng lúa mỳ xanh mướt đang độ trổ đòng đòng. Đoàn chúng tôi băng qua cánh đồng khi bình minh lên, giữa nền xanh của lúa, bóng y vàng thấp thoáng trong sương, nhìn mê tít. Trải dài theo những dải bờ ruộng cong cong, cả đoàn chư Tăng cũng uốn lượn, họa một nét thật mềm. Tôi luôn thích hình ảnh cây lúa, dù là mạ non, đang thì con gái, lên đòng hay chín ruộm. Đặc biệt, hình ảnh cây lúa khi chín mang những bông lúa nặng trĩu cúi đầu trông thật khiêm tốn. Đây thật là bài học từ thiên nhiên cỏ cây, lúa càng chín, càng cúi đầu.

Đang đi chúng tôi gặp mấy chú hạc đầu đỏ kiêu sa vui vẻ kiếm ăn. Cả đoàn đi trong im lặng và quan sát, không muốn làm các chú chim giật mình. Nhưng khi chúng tôi dồn hết ánh nhìn vào bầy hạc, Số và Aloka như cảm nhận được bởi thường chúng rất được quan tâm; hai chú tức mình chạy đến rượt, khiến lũ chim giật mình bay lên, thả rơi vài tiếng kêu rồi lượn vòng trên không. À thì ra là hai con bốn chân phá bĩnh, chúng kêu lên như mắng mỏ:

- Đồ lũ cờ-hó.

Số và Aloka là chó thật nhưng khi bị kêu cờ-hó nó vẫn lồng lộn, sủa nhặng xị:

- Á cái lũ chân dài biết bay, có ngon thì xuống đây, ông cho biết mùi răng.

Trông lũ chó và chim cãi vã mà ai cũng cười.

Hết ruộng đồng tới những rừng cây sāla to già cỗi thẳng tắp, sāla này nở hoa trắng trên đầu cành, là loại ghi trong kinh điển. Bồ-tát được hạ sinh dưới tán cây sāla và Đức Phật cũng nhập Niết-bàn dưới tán hai cây sāla này. Sāla là cây mộc có thân lớn thẳng, gỗ rất chắc như cây gỗ dầu của Việt Nam, lá nó tương tự nhau, khác nhau chút là vỏ cây gỗ dầu láng hơn chút mà thôi.

Trong rừng sāla rất nhiều khỉ, người ta thường hay đem cà chua và chuối để dọc đường cho chúng ăn. Thấy đoàn chúng tôi đi ngang, những chú khỉ trên cây gọi nhau chí chóe. Số và Aloka đang còn giận lũ chim nay được dịp xả cơn, sải chân rượt khỉ. Chỉ là thư giãn thôi, chứ chả bắt được con khỉ nào. Những chú khỉ tinh ranh leo lên cành cây, rung rung nhe răng dọa lại hai chú.

Đi miết rồi cũng hết rừng sāla, cuối rừng cây là quê hương Phật mẫu. Quê mẹ Ngài giờ cũng như mọi làng quê trên đất Nepal này, yên bình mộc mạc, ruộng đồng và rừng cây bao quanh. Xưa trông như thế nào tôi không biết, nhưng giờ làng mạc cũng không còn gì ngoài trụ đá đã gãy do vua Asoka (A Dục) dựng, bên cạnh là ngôi đền thờ hoàng hậu Mahāmāya, có bức tượng đá tạc Phật mẫu đang hạ sinh thái tử.

Hôm nay, chúng tôi dựng lều ở quanh ngôi đền, người dân hiếu kỳ kéo nhau ra xem những ông Sư nước ngoài, họ bàn tán với nhau xí số, tôi cũng không hiểu họ nói gì, chỉ cười cho qua





chuyện. Khi lều trại đã xong đâu đó, chúng tôi tụng thời kinh dài và ngồi thiền để hồi hướng phần phước thanh cao này đến Phật mẫu và chư thiên, thọ thần nơi đây. Tiếng kinh Pāḷi vang vang trong đêm, ngoài kia gió thổi những bụi cây rì rào như cùng hoan hỷ.

Sáng ngày, sau thời kinh ngắn tri ân chư thiên, phi nhân, thọ thần tại chỗ trú ngụ, chúng tôi đi đến nơi có trụ đá gãy làm đôi; trên trụ đá còn ít ký tự tượng hình và những dòng chữ ngoằn ngoèo, đánh dấu nơi đản sinh một vị Bồ-tát khác và đã trở thành Phật với hiệu là Koṇāgamana (Câu Na Hàm Mâu Ni). Khi cùng gia quyến viếng mảnh đất Nepal ngày nay, đại đế Asoka (A Dục) không chỉ viếng thăm đảnh lễ những nơi kỷ niệm thuộc về Phật tổ Gotama (Thích Ca Mâu Ni); mà còn được các vị có thắng trí chỉ những nơi có di chỉ của các vị cổ Phật, như nơi này. Điều này đúng với kinh điển, khi Bồ-tát thả mâm vàng trôi ngược dòng sông, mâm lặn xuống lại đụng vào bát một vị cổ Phật tạo ra tiếng vang, làm cho một con rồng thức giấc.

Thật vinh hạnh thay, mảnh đất này! Thật hi hữu thay, thánh địa linh thiêng này! Nơi linh khí trời đất hội tụ kết tinh nên những con người to lớn hơn cả sự vĩ đại, trí tuệ siêu việt vượt mọi không thời gian! Tôi chấp tay đảnh lễ không gian, đảnh lễ mảnh đất này! Trời cao không một gợn mây, một cơn gió nhẹ thoảng qua; hương hoa cải từ cánh đồng đưa tới thơm ngọt như cúng dường cả không gian; vài cánh hoa theo gió vương vương trên tà y! Tuyệt vời làm sao!

**Trụ đá đánh dấu nơi một vị Bồ-tát đản sinh sau này trở thành Phật có hiệu là Koṇāgamana (Câu Na Hàm Mâu Ni)**

**Tượng đá trong đền thờ Phật mẫu**

# Kỳ XXII

# KAPILAVATTHU

*Ngày 22 tháng 2 năm 2023*

**“Tôi đứng lại bổi hổi, bồi hồi nhìn kinh thành hoa lệ, cung vàng, điện ngọc thuở nào, nay chỉ còn rừng cây và tường xiêu, gạch đổ”**

Băng qua những dải cánh đồng lúa mì, lội qua vài nhánh sông nhỏ, trong tầm mắt chúng tôi là một khoảng rừng xanh um tốt tươi; đến gần mới biết đây chính là kinh thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) thuở xưa.

Phía sau kinh thành, hai nền tháp gạch được ghi là mộ của song thân Đức Phật; chúng tôi đứng thành vòng tròn và tụng kinh hồi hướng đến hai vị. Tụng kinh hồi hướng đến hai vị, chứ chúng tôi biết đấy không phải là lăng mộ của hai vị ấy. Bởi người Ấn sau khi mất được hỏa táng rồi thả tro cốt về sông hoặc người ta thủy táng luôn, không có xây lăng mộ. Trong kinh điển còn ghi lại nhiều trường hợp, sau khi người thân mất làm lễ tiễn đưa, người ta đưa ra nghĩa trang đặt nằm giữa trời, gọi là thiên táng. Các vị tỳ-khưu hay đi nhặt vải bó tử thi về để may y gọi là Paṃsukūlacivara (y phấn tảo). Mãi đến thế kỷ thứ XII, khi đội quân Hồi giáo xâm chiếm Ấn Độ, họ mới chôn người chết. Và thêm một luận điểm để chắc chắn đây không phải lăng mộ của hai vị song thân phụ mẫu Ngài, khi Đức Phật trở về thăm lại quê hương, kinh điển không nhắc tới việc đi thăm ngôi mộ này.

Chúng tôi tụng kinh để nhắc nhở mình sự vô thường luôn hiện hữu, hơi thở ra mà không vào thôi là xong; sự vô thường còn nhỏ





nhiệm trong mỗi sát-na tâm, nó sinh diệt trùng trùng; một niệm khởi lên là kết thành nhân quả, phải luôn thận trọng, chú tâm và quan sát. Sau thời kinh, chúng tôi đi về thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) từ cửa phía Đông. Cổng thành năm xưa Bồ-tát cùng người hầu và ngựa Kaṇṭhaka (Kiền Trắc) ra đi tìm đạo giải thoát. Tôi đứng lại bồi hồi, bồi hồi nhìn kinh thành hoa lệ, cung vàng, điện ngọc thuở nào, nay chỉ còn rừng cây và tường xiêu, gạch đổ. Ngọn gió mang hơi nóng thổi qua những ngọn lá khô xào xạc cuốn theo bụi; có hạt bụi nào rơi vào mắt nên nhìn đất xưa, cảnh nay mà dòng lệ tự nhiên lăn dài trên má. Tôi nào đâu có khóc, chỉ là bụi rơi vào mắt thôi!

Chúng tôi ngồi nghỉ chân đây đó trong khuôn viên kinh thành, những cây mộc miên (hoa gạo) đại thụ đang trổ hoa đỏ chót, thi thoảng rụng vài bông to bự… Tôi lang thang đến xem những người đang tỉ mẩn khai quật nơi đây. Họ làm với niềm say mê thích thú và cẩn thận, họ xới từng chút một chút một; đất xới ra sẽ được thu lại, có người sẽ sàng lọc một lần nữa để kiểm tra. Tôi lẳng lặng xem họ làm rồi lại đến bên một hố đất trên tường thành quan sát. Người trông coi ở đây chỉ cho tôi biết rằng, qua mỗi thời đại gia cố, tường thành sẽ xuất hiện một lớp đất sét màu khác nhau; nhìn những vết thời gian tầng tầng lớp lớp chồng lên nhau ấy, chứng tỏ tường thành đã trải qua rất nhiều lần gia cố và trải qua rất nhiều thế kỷ.

Đêm đến, chúng tôi ngủ lại ở khuôn viên chùa Thái gần nơi đây. Sáng ngày ra, khi đã thấy rõ con đường, chúng tôi đi bát gieo duyên quanh các xóm làng lân cận. Dân chúng ở đây nghèo lắm,

nhưng tấm lòng họ thì không. Thấy đoàn đi thành hàng dài chậm rãi trước nhà, người dân hiếu kỳ tụm năm tụm ba đứng xem. Có người hỏi chúng tôi đi đâu. Vị trưởng đoàn ra dấu đi xin đồ ăn, có gì ăn được bỏ vào đây cho chúng tôi. Vị ấy lại ra dấu bỏ vào bình bát, thế là dân làng hiểu. Đa số người dân cho chúng tôi vài ba nắm gạo, họ cho với sự vui vẻ. Họ nghèo, chúng tôi còn nghèo hơn nên họ hân hoan sẻ chia. Có nhà cho cơm, nhà cho khoai, ớt, đu đủ, hành hẹ... thôi thì đủ cả; có gì ăn được dân làng vui vẻ đem cho. Sở dĩ đoàn đi tới đâu người dân đều biết để mang đồ ra cho là nhờ lũ trẻ. Chúng chạy trước và báo cho dân làng biết đoàn chư Tăng xin đồ gì ăn được; có vậy chúng tôi mới được nhiều người dân đặt bát. Cảm ơn người dân, cảm ơn lũ trẻ!

Ở nơi làng quê Ấn Độ chúng tôi đi qua, đoàn chỉ nhận được những "bình bát đầy sự trống không và những ánh mắt đầy hiếu kỳ". Nhưng nơi này, tôi nhận được rất nhiều đồ ăn và sự quan tâm sẻ chia, thật xúc động, thật ấm áp tình người! Tôi thật mến thích con người và đất nước Nepal.

Đi tới cuối làng chúng tôi quay về. Ngang qua trước thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), chúng tôi gặp nhóm khách hành hương người Thái và người Việt. Mọi người hoan hỷ đặt bát những món bánh trái mang theo ăn vặt. Chúng tôi thọ nhận và tụng kinh chúc phúc đến mọi người. Khi biết tôi là người Việt Nam đi chung với đoàn Sư Thái Lan, Phật tử Việt Nam hoan hỷ lắm. Có một chị Phật tử hỏi tôi một câu hỏi, tôi thấy hay nên xin phép kể cho mọi người nghe:

- Thưa Sư, con là một người nữ, là một người vợ, là một người mẹ, con từng mang nặng đẻ đau. Những lúc khó khăn, đau





đớn như sinh nở, con cần sự quan tâm của của gia đình và chồng con hơn bao giờ hết; vậy mà Bồ-tát vào đêm Rāhula (La Hầu La) chào đời, Ngài không quan tâm hỏi han vợ mình lấy một câu, không nhìn mặt con trai lấy một lần, lặng lẽ ra đi xuất gia.

Con thấy đau xót cho thân phận người nữ quá, con thấy Bồ-tát trong chi tiết này thật không có tình nghĩa, chỉ nghĩ cho bản thân mình. Xin Sư bỏ quá cho con sự nhiều lời này; nhưng phải nên hiểu chi tiết xuất gia của Bồ-tát vào đêm ấy như thế nào cho đúng thưa Sư?

- À, đây là câu hỏi hay, thưa chị! Dưới góc độ của người nữ, chị nói quả thật không sai, chị bức xúc cũng đúng, vì chị đặt mình vào hoàn cảnh ấy nên chị thấy mình bị bỏ rơi, lẻ loi khi phải đối diện với khó khăn. Nhưng chị có bao giờ xem một bức tranh tường được ghép bằng gốm chưa? Những bức tranh lớn được ghép từ hàng nghìn mảnh gốm ấy?

- Con có, thưa Sư!

- Một bức tranh hoàn thiện rõ nét diễn tả trọn vẹn cái đẹp toàn cảnh và cái đẹp của sự tinh tế, tỉ mẩn, kỳ công. Nhưng giả sử, Sư lấy ra một mảnh màu đen trong ấy đưa cho chị xem chị có thấy nó đẹp không? Hay chị sẽ nói nó chỉ là mảnh gốm lạnh đen thui, không mang ý nghĩa gì? Đứng trước một bức tranh như thế mình phải đứng xa ra một tí, nhìn toàn vẹn bức tranh mới thấy góc nào cũng đẹp, cũng hoàn thiện. Thấy cục đá sần sùi rêu phong bên đường thôi sao mà duyên đến thế, chiếc lá khô đang bay trong gió cũng tự nhiên đến lạ!

Trong bức tranh "toàn cảnh" ấy, cuộc đời Bồ-tát trải dài bốn A-Tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, Bồ-tát đã cùng chung sống,

cùng sinh tử với Yasodharā (Da Du Đà La). Dưới chân Đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng) họ đã nguyện kết duyên vợ chồng với nhau, người vợ sẽ không bao giờ làm trái ý nguyện của chồng, mà sẽ hỗ trợ chồng thực hành ba-la-mật cho đến ngày giác ngộ giải thoát. Vì đại nguyện xưa, chưa bao giờ Yasodharā (Da Du Đà La) làm trái ý nguyện của Bồ-tát trên con đường giải thoát mà ngược lại, nàng luôn một lòng, một dạ hỗ trợ, giúp đỡ Ngài.

Vào kiếp gần đây thôi, khi Bồ-tát tái sinh làm thái tử Vessantara (Tu Đại Noa) thì Yasodharā (Da Du Đà La) cũng làm vợ Ngài. Vì đại nguyện bố thí bất nghịch ý nên khi người ta đến xin vợ và con Ngài cũng cho, người vợ ấy cũng chấp thuận và mong cho chồng tròn đủ ba-la-mật. Nên nay, Ngài ra đi xuất gia tầm đạo là đúng với nguyện xưa, không có gì sai cả; sai ở đây là chúng ta chỉ nhìn một chi tiết rồi kết luận nó thế này, thế khác mà thôi! Hãy nhìn toàn diện trọn vẹn bức tranh chị à! Sư cũng không có nhiều thời gian để nói rõ hơn giúp chị, chúc chị luôn được sự an vui nhé!

Tôi lại cùng đoàn đi tiếp, khi đi gần về đến chùa Thái, chúng tôi gặp mấy người chăn dê. Người ta hỏi gì đấy mà chúng tôi không hiểu. Trưởng đoàn lại ra dấu có gì ăn được không, cho chúng tôi, bỏ vào đây này! Mấy người chăn dê nhìn vào bình bát rồi nói gì với nhau... Xong, họ cầm bát của trưởng đoàn đổ vào trong túi bên hông họ. Nhìn mà tôi muốn cười quá! Họ nghĩ là chúng tôi có đồ ăn muốn cho họ, nên họ cũng vui vẻ nhận. Ừ thì hiểu vậy cũng đúng mà!

Hay thay! Đi là để nhận mà đi cũng là cho! Thật đúng quá! Bên đường cụm hoa dại đọng sương rung rinh theo gió, dưới nắng xuân bóng chúng tôi đổ dài…

Cổng phía đông kinh thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ)

# Kỳ XXIII

# ĐẠI TỰ NIGRODHĀRĀMA

*Ngày 26 tháng 2 năm 2023*

**“Máu họ đã chảy thành hồ này, thây họ đã chất thành những gò đất như hiện tại!**
**Ôi! kinh khiếp thay là nghiệp!**
**Ôi! Công bằng thay cũng là nghiệp!”**

Rời Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), chúng tôi bộ hành băng qua cánh đồng lúa, nối tiếp nhau bước trên bờ ruộng nhỏ giữa trời đêm, những bước chân trở nên chậm rãi hơn. Khi bình minh ló dạng, chúng tôi đến bên hồ nước dài chừng 400m nhưng khá nông, chỗ sâu nhất cũng chỉ tầm 80cm. Hồ nước được bao quanh bởi những gò đất nhỏ, là nơi trú ngụ và kiếm ăn của rất nhiều loài chim nước. Kế tiếp đó hồ nước lớn hơn, nơi bảo tồn các loài chim, được quan tâm và bảo vệ nhiều nhất là giống chim hạc đầu đỏ.

Đây là nơi dòng tộc Sākya (Thích Ca) bị sát hại, gần như bị diệt tộc. Chúng tôi đứng quanh bờ hồ tụng kinh hồi hướng phước báu mà chúng tôi đã làm được trong đời này đến những người đã khuất. Dòng tộc Sākya (Thích Ca) nhận quả cho cộng nghiệp đã gây ra cùng nhau trong quá khứ! Khi quân thù đến, do đã thọ trì quy giới với Đức Phật nên họ chỉ đánh trả bằng những mũi tên không tẩm độc và đã bẻ đi đầu nhọn. Sau nhiều ngày chiến đấu, quân địch nhận ra mình không chết bất cứ người nào, mà chỉ bị thương ngoài da; họ biết những người dòng tộc Sākya (Thích Ca) giữ ngũ giới lại càng mạnh mẽ tấn công. Thế rồi, kinh thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) bị công phá, đức vua bị bắt,





những người thua trận bị dồn đến nơi này và bị giết. Máu họ đã chảy thành hồ này, thây họ đã chất thành những gò đất như hiện tại! Ôi! Kinh khiếp thay là nghiệp! Ôi! Công bằng thay cũng là nghiệp! Với cây cung thiện chiến bách phát bách trúng, những chiến sĩ Sākya (Thích Ca) có thể dễ dàng giết quân địch vậy mà họ "thà để mình bị giết chứ nhất quyết không giết hại ai"; rồi tất cả họ đều hiên ngang hy sinh mạng sống, hiên ngang đón nhận quả của ác nghiệp[1].

Vào thế kỷ VII, Đường Huyền Trang ghé thăm nơi này và đã ghi xung quanh hồ có nhiều đền thờ dành cho những người đã trận vong. Ngày nay, các nhà khảo cổ đã khai quật được tất cả 17 nền móng dấu tích đền thờ lớn nhỏ trong khu vực này; nhưng không đủ kinh phí để xây dựng lại, cũng như không đủ ngân khoản trong việc bảo tồn nên họ hoàn thổ, giữ lại nguyên trạng những gò đất. Hiện nay, nơi này đã được quy hoạch, làm hàng rào xung quanh bảo vệ, tránh bị xâm hại.

Giữa đất trời hoang lương, lời kinh Pāḷi không còn cao vút như mọi khi mà trầm trầm, như nỗi lòng chúng tôi lúc này. Chuyện đã qua quá lâu nhưng mỗi khi đến nơi này, tôi vẫn cứ thương cảm, thật khó nói tâm trạng tôi lúc này; nếu là tôi, tôi không làm được như vậy, tôi hổ thẹn cho chính mình, trong tôi sân hận vẫn còn nhiều lắm. Mong cho những người đã bị sát hại

[1] Dòng họ Sākya (Thích Ca) anh hùng không hoàn toàn tuyệt chủng, vẫn còn một số người sống sót, sau đó họ chạy trốn ở ẩn nơi vùng núi có nhiều chim công và lấy tên là Mauryā (Khổng Tước). Dòng dõi Mauryā (Khổng Tước) này càng ngày càng lớn mạnh và vẫn duy trì dòng máu anh hùng trong huyết thống.

nơi đây được tái sinh về nơi nhàn cảnh, bằng như đang ở nơi an vui thì sự an vui càng tăng tiến thêm.

Điểm đến tiếp theo của đoàn là một trụ đá cổ đã bị hư hoại nhiều. Chiều dài trụ đá hiện chỉ còn 3,2m, ghi lại dấu tích nơi một vị Bồ-tát đã ra đời và trở thành một vị Phật, có hiệu là Krakuchanda Buddha (Đức Phật Câu Lưu Tôn). Khi viếng thăm đất Nepal ngày nay, đại đế Asoka (A Dục) đã cho xây dựng tháp thờ để kỷ niệm nơi đây. Vào năm 1898, thiếu tá người Anh Waddel đã cho khai quật một phần nơi này, đến năm 1990 nhà khảo cổ học người Ý Giovanni Verardi tiếp tục khai quật, đã xác định tháp ban đầu được xây dựng bằng gạch dưới thời đế chế Mauryā (Khổng Tước) (321-185 TCN). Đường kính tháp gạch khi ấy là 19,5m, những viên gạch hình chữ nhật có hoa văn và hình nêm được xây thành những vòng tròn đồng tâm.

Đến thế kỷ thứ I TCN, trong thời kỳ Kushan, bảo tháp được tu sửa bằng những viên gạch hình chữ nhật xây trùm lên tháp cũ, có đường kính 21,5m. Ngày nay đất bao phủ, trên nền tháp có một cội cây mọc trên gò đất ấy. Bên cạnh đó, trụ đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt để chỉ cho nhân loại hay, nơi mảnh đất nhìn như phế tích này đã một thời huy hoàng, là thánh địa của biết bao con người.

Đứng trước những nơi như thế này, lòng tôi rung động liên hồi, tôi thấy những vô thường nhỏ nhiệm từ trong hơi thở, tôi lặng im nhìn vào bên trong cho đến lúc rời đi cùng đoàn.

Chiều chúng tôi ghé vào di tích Nigrodhārāma (Ni Câu Luật), chùa này do vua cha Suddhōdana (Tịnh Phạn) xây dựng





để thỉnh Phật về thăm quê hương có chỗ trú ngụ. Những phái đoàn được đức vua cử đi thỉnh Phật đều không hoàn thành nhiệm vụ, khi gặp Phật họ quên ngay mục đích của chuyến đi và xin xuất gia, trở thành tu sĩ. Cả chín phái đoàn đều như thế. Hết năm này đến năm khác chùa xây xong đã lâu, đức vua Suddhōdana (Tịnh Phạn) và dân chúng ngóng trông bóng hình Đức Phật nhưng hoài mà chẳng thấy. Vào hạ thứ hai của Đức Phật, đức vua cử một vị lương thần: Một trong bảy nhân vật đồng sanh cùng thái tử và cũng là bạn thân của thái tử thuở ấu thơ, Kāḷudāyi (Ca Lu Đà Di) dẫn đầu phái đoàn đi thỉnh Phật với lời tâm huyết:

- Ta biết khanh rồi cũng xuất gia như những vị lương thần khác, nhưng khanh có thể hứa với ta, trước khi xuất gia khanh hãy chuyển lời thỉnh mời của ta đến Đức Như Lai, xin Ngài hãy trở lại thăm quê hương, đức vua và dân chúng nơi này ngóng trông Ngài đã lâu, xin Đức Như Lai hãy từ bi trở lại.

Vị trọng thần Kāḷudāyi (Ca Lu Đà Di) lần này, đã không quên lời hứa, ông đã thỉnh Phật về lại quê hương trước khi xuất gia, đức vua Suddhōdana (Tịnh Phạn) đã dâng cúng ngôi đại tự này đến Tam Bảo. Sau khi đức vua Suddhōdana (Tịnh Phạn) băng hà, thân vương Mahānāma nối ngôi đã cho sửa sang lại ngôi đại tự này. Vào hạ thứ 15, Đức Phật và Tăng chúng đã nhập hạ tại đây, đây là mùa hạ duy nhất trên quê hương.

Ngày nay, Nigrodhārāma (Ni Câu Luật) chỉ còn lại nền móng và những cội cây to. Vết tích của hơn 26 thế kỷ còn lại trên nền điện chính là những viên gạch mang họa tiết đẹp đẽ.

Chúng tôi đi 9 vòng quanh điện chính Nigrodhārāma (Ni Câu Luật) tụng ân đức Tam Bảo và xếp vòng ngồi thiền. Đã vào mùa nắng, muỗi cứ như ong vỡ tổ bay ào ào cả đàn, nhiều con bay o o chui cả vào tai tôi; tôi im lặng không mở miệng chứ không chừng nó cũng bay cả vào miệng. Ngồi xuống trùm y kín mình, tôi nguyện bố thí, muỗi có xin tí máu tôi cũng xin bố thí, tôi chú tâm vào đề mục, âm thanh và muỗi mòng biến mất chỉ còn đề mục hiện ra giữa trời sáng trong.

Sau thời thiền, tôi lặng lẽ ra ngoài cùng khuôn viên đại tự Nigrodhārāma (Ni Câu Luật), nơi ấy có ngôi tháp nhỏ hình bát giác lẻ loi đứng trên gò đất, đây là nơi tưởng nhớ ngài Rāhula (La Hầu La), con trai Đức Phật theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Ngài theo Phật xuất gia sa-di khi còn tấm bé nhưng công hạnh của Ngài đã làm sáng chói cả khu rừng giáo pháp. Tôi đứng trước tháp Ngài tần ngần tần ngần…

Ngoài kia màn đêm dần buông, mấy con hạc bay tìm nơi trú đêm, thả rơi vài tiếng giữa trời trong veo!

**Trụ đá dấu tích nơi một vị Bồ-tát đã ra đời và trở thành một vị Phật, có hiệu là Krakuchanda Buddha - Đức Phật Câu Lưu Tôn**

Nơi dòng họ Sākya (Thích Ca) bị sát hại

Đại Tự Nigrodhārāma (Ni Câu Luật)

# Kỳ XXIV

# VIẾNG LUMBINĪ

*Ngày 8 tháng 3 năm 2023*

**“Phiến đá dưới bức tường có dấu chân lờ mờ như của trẻ con là nơi Bồ-tát đản sinh”**

Sáng nay, đoàn chúng tôi lên đường về Lumbinī (Lâm Tỳ Ni) và xin phép chùa Thái ở đây để trú ngụ. Trên cung đường đi nếu chặng dừng chân cuối ngày gặp chùa Thái, chúng tôi sẽ xin vào khuôn viên chùa để dựng lều trại cá nhân, chứ không ở nơi phòng ốc của chùa.

Chúng tôi đến đây vừa kịp giờ độ ngọ, sau bữa ăn, ai nấy dựng lều trại và giặt y áo cho kịp khô trước giờ ghé thăm nơi Bồ-tát đản sinh. Vận y vai trái, Tăng đoàn đi dọc ven bờ hồ chính trong khuôn viên Lumbinī (Lâm Tỳ Ni). Chính phủ Nepal quy hoạch Lumbinī (Lâm Tỳ Ni) thật đẹp, rộng cả mấy nghìn héc-ta hình chữ nhật, có tường rào xung quanh. Hồ nước được tạo dựng chạy dọc đường hướng tâm cho đến điểm chính là nơi Bồ-tát đản sinh. Người dân và du khách khi vào tham quan phải mua vé; học sinh, sinh viên và trẻ con thì giá vé mang tính tượng trưng 2.500 đồng; người dân Nepal mức giá tầm 5.000 đồng; người Ấn thì gấp ba; người Miến Điện tầm 75.000 đồng và người các nước khác thì 150.000 đồng cho một vé vào cửa. Mức giá khác nhau tùy thuộc vào mối quan hệ giữa chính phủ các nước với nhau, riêng với chư Tăng thì không kể nước nào, tất cả đều miễn phí.

Đi hết hồ nước đến cổng chính, sau cổng là lối đi rộng lát gạch nung thẳng tắp cho đến pho tượng Bồ-tát lúc mới đản sinh





bằng đồng mạ vàng rất đẹp. Chúng tôi đi vòng quanh tượng ba vòng hướng vai phải vào trong, vừa đi vừa tụng ân đức Tam Bảo, rồi đi thẳng vào nơi Bồ-tát đản sinh. Nơi đây được cảnh sát võ trang bảo vệ và máy quét an ninh giám sát. Giày dép được yêu cầu để ở ngoài, túi xách mang theo được yêu cầu dò qua máy quét và được phép mang điện thoại vào bên trong điện thờ nhưng không được quay phim chụp hình. Vậy mà tôi vẫn thấy nhiều người quay chụp lén, khi người bảo vệ nhắc nhở thì họ nhanh tay xóa đi, lúc ra ngoài họ khôi phục lại. Những hành động như thế ở những nơi này thật không thích hợp.

Đi tiếp vào bên trong, vừa đi chúng tôi vừa tụng kinh vòng quanh điện thờ xưa chín vòng, đây là khu vực không được chụp ảnh nên không có hình ảnh nào cho quý vị xem. Điện thờ khi xưa được đại đế Asoka (A Dục) xây dựng vào thế kỷ thứ III TCN, nay chỉ còn lại nền gạch, được bảo vệ trong nhà có mái che mưa nắng. Trung tâm ngôi đền là một bức tường gạch cao nhất, thời gian đè nặng như uốn cong đến mòn vẹt những viên gạch. Phiến đá dưới bức tường có dấu chân lờ mờ như của trẻ con là nơi Bồ-tát đản sinh.

Tiếp đó, trưởng đoàn dẫn lối chư Tăng vòng ra nơi đặt trụ đá để tụng khóa kinh chính. Hôm nay, chúng tôi sẽ tụng thời kinh dài để hồi hướng cho những người đã mất trong vụ động đất kinh hoàng ở Thổ Nhĩ Kỳ và Syria. Đây là thảm họa không chỉ riêng của hai quốc gia mà nó rúng động toàn nhân loại. Mong phước báu này của chúng tôi góp phần làm cho thế giới hòa bình và quả đất này càng xinh đẹp hơn.

Sau đó, chúng tôi tự do thăm viếng nơi này. Tôi vẫn dừng lại nơi trụ đá, một minh chứng lịch sử của Thánh tích. Trụ đá hiện nay còn vẹn nguyên, dòng chữ khắc nơi thân trụ vẫn rõ như in,

ghi lại rằng: *"Vào năm thứ 20 trị vì, đại đế Asoka (A Dục) đã cùng gia quyến viếng thăm nơi Bồ-tát đản sinh, ngài xây dựng tháp thờ và cho dựng trụ đá để kỷ niệm, dân chúng quanh vùng này được miễn thuế 8 năm"*.

Trụ đá còn nguyên nhưng phần đỉnh trụ đã bị thời gian bào mòn, hư hại, rớt xuống chìm vào lòng đất. Sau này, trong các cuộc khảo cổ, người ta mới tìm được và trưng bày cạnh trụ đá, đỉnh trụ không còn rõ là hình con vật gì. Vào thế kỷ VII, khi viếng thăm nơi này, Đường Huyền Trang có ghi lại: *"Trên đỉnh trụ đá tạc chú ngựa hùng dũng như một chiến binh, sẵn sàng xông pha trận mạc cứu độ chúng sanh"*.

Rời trụ đá, tôi đi ra hồ nước nơi long vương đã phun nước tắm rửa cho Bồ-tát và mẹ Ngài sau khi đản sinh. Kế bên hồ là cội Bồ-đề to lớn ngàn năm tuổi soi bóng. Tôi cứ thế đi từ hồ nước sang dọc bờ hồ chính đến tận cuối đường để chiêm quan bảo tháp màu trắng xinh đẹp, được kỹ sư người Nhật xây dựng, cho tới khi trời tối, tôi trở về ngôi chùa Thái nghỉ đêm.

Hôm sau, sáng chúng tôi tụng kinh và đi bát ngay trong khuôn viên chùa Thái, chiều chúng tôi tự do, đa số chư Tăng đi chiêm quan chùa tháp các nước trong khuôn viên Lumbinī (Lâm Tỳ Ni) này. Ngoài nơi Bồ-tát Đản sinh, nếu đến nơi này các bạn nên dành thêm chút thời gian để tha thẩn trong các ngôi chùa. Chùa của mỗi quốc gia khác nhau, mang lối kiến trúc khác nhau với biết bao tâm huyết xây dựng in đậm bản sắc văn hóa dân tộc mình. Đi từ chùa này sang chùa khác, bạn sẽ có sự so sánh lẫn nhau, từ đó có cái nhìn tốt hơn về kiến trúc, nét văn hóa của từng ngôi chùa. Thêm nữa, mỗi nước có cách bài trí gian thờ và





tượng Phật cũng khác nhau. Tượng Thái thường tạc Đức Phật có nhục kế rất cao, ngực lớn eo nhỏ, hai chân tréo nhau chứ không ngồi kiểu kiết già; tượng Lào giống Thái; tượng Campuchia thì tóc Ngài khác hơn chút, môi cũng dày hơn. Tựu lại điểm chung là pho tượng của nước nào tạo tác thì mang nét hao hao giống người nước đó, điểm này cũng rất thú vị. Và mỗi ngôi chùa cũng sẽ trồng những giống cây, loài hoa khác nhau, rất đa dạng và phong phú. Có nhiều loài hoa đẹp đến ngỡ ngàng, đi đây không có nhiều thời gian, chứ không tôi cũng thu lượm giống mang về Việt Nam.

Ở đây, tôi ấn tượng ngôi chùa Việt Nam Phật Quốc Tự, hòa thượng chủ trì đã dành riêng một khoảng lớn cạnh lối đi vào cấy lúa nước, một hình ảnh rất Việt Nam. Bên kia là cây cầu cong cong, mấy bụi tre kẽo kẹt tỏa bóng, ô kìa mấy con hạc đầu đỏ dạn dĩ đi lui đi tới trong khuôn viên chùa, khung cảnh mới yên bình làm sao. Sau các chùa, nếu còn chút thời gian, các bạn nên ghé thăm chợ của người Tây Tạng, có nhiều món đồ cũng đẹp và hay ho phết. Và bạn cần phải trả giá khi mua, lắm khi chỉ trả bằng 1/10 là vừa; họ chưa đồng ý bán thì Tăng giá chút nữa, nếu bạn trả bằng nửa giá là bị hớ ngay đấy, tôi đã ở đây nhiều nên tôi biết.

Loanh quanh rồi cũng hết buổi chiều, tôi trở về nghỉ ngơi. Sáng mai, chúng tôi sẽ khởi hành lúc 2h khuya để kịp ra lại biên giới làm thủ tục về Ấn Độ. Giã từ người dân và đất nước Nepal, thành kính đảnh lễ những Thánh tích trên đất nước này.

Đêm hạ huyền, mảnh trăng khuyết treo nghiêng bên kia khung trời, đoàn chúng tôi bộ hành lặng lẽ…

Chư Tăng tụng kinh cầu nguyện ở trụ đá do vua Asoka (A Dục) dựng kỷ niệm trong khuôn viên Lumbinī (Lâm Tỳ Ni)

# Kỳ XXV

## KUSINĀRĀ

*Ngày 12 tháng 3 năm 2023*

**“Dưới vạt nắng, những chiếc lá vàng như thêm nhuận sắc, những nụ hoa đón nắng lao xao cựa mình như muốn nhanh trổ bông... Dưới gốc cây, hai chú chó ngủ khoèo và gã du Tăng ngồi như hóa đất...”**

Từ biên giới Nepal - Ấn Độ, chúng tôi đi đến Kusinārā (Câu Thi Ca) hết 3 ngày, chặng đường dài tầm 105km. Bởi rơi vào ngày cuối tháng, chúng tôi dành một buổi chiều để cạo tóc và tụng giới.

Đã quá nửa hành trình, những đôi bàn chân đã quen bộ hành, không còn những vết bong rộp, cơ thể cũng đã quen dần với nắng nóng, chúng tôi không cảm thấy mất sức nhiều. Đoạn đường này đi qua khu rừng lớn đương mùa trụi lá; trong đêm đen, những cành nhánh khô gầy xương xẩu vươn ra từ sương mù đầy ma mị. Khi bình minh ló rạng, tôi thấy đầu những ngọn cành khô đâm ra vô số chồi non xanh, tưởng như đang đi trong khu rừng mùa xuân. Tôi ồ lên thích thú! Ánh sáng mới lên, vạn vật còn chưa tỏ, cả khu rừng quấn quýt trong làn sương giăng mờ, đầy vẻ liêu trai. Nào ngờ chốn bồng lai tiên cảnh.

Nối tiếp là cánh rừng sa-la xen lẫn cây giá tỵ (gỗ tếch) to lớn thẳng tắp. Nắng lên cao hơn chút, ánh sáng tràn chiếu trên mặt lá rồi vương hết cả ra, hoa nắng như đang nhảy múa trên đất. Đôi chân chúng tôi không ngừng đi, tạo nên chuyển động nhịp nhàng, hoa nắng vỡ òa cả trên vai, trên y, thật đẹp! Rừng ban sớm còn đọng hơi sương, nắng lên xua sương mù tản ra, bay là là,





khu rừng trông càng ma mị; mấy con khỉ ngủ trên cây nghe tiếng bước chân xào xạc đạp lá, giật mình gọi nhau chí chóe.

Cũng vừa hay, tới lúc đoàn dừng lại nghỉ chân chặng sáng giữa rừng, tôi trải tấm bạt nhỏ, đặt lưng nằm xuống, gối đầu lên ba lô, miệng ngậm nhánh cỏ khô, ngửa mặt nhìn lên tán rừng cao. Rừng có những điểm tương đồng với chúng tôi, nên cứ vào rừng là tôi như được trở về nhà, không lạ lẫm, không sợ hãi. Rừng thâm u, yên tĩnh nhưng xào xạc ngày đêm; rừng nuôi lớn các loại gỗ quý như trầm hương, thủy tùng, nhai bách[1]; rừng là nơi sinh sống cộng cư của rất nhiều loài động vật, đa tầng thảm thực vật và rừng cũng cất giấu nhiều quặng mỏ mang lại giá trị to lớn. Chúng tôi cũng như rừng vậy, lặng im nhưng không ngừng tỉnh thức, minh sát thân tâm ngày đêm không gián đoạn. Khi minh sát, chúng tôi thấy trong tâm mình chứa những tâm quý báu như từ bi, hỷ, xả, tàm quý và cũng chứa cả những thói hư tật xấu. Tâm nếu biết huấn luyện để đạt sơ thiền, nhị thiền…, các thắng trí quả thật mang lại lợi ích lớn không gì sánh được, quý vị có thấy như vậy không?

Rừng còn cây cao, cây thấp, ôm ấp nương tựa nhau mà sống, bảo vệ lẫn nhau khi gió táp mưa sa. Chúng tôi cũng vậy, không phân chia kẻ sang, người hèn; tất cả là huynh đệ, cùng nhau tu tập, cùng nhau yêu thương; luôn quan tâm sách tấn lẫn nhau đi trên con đường đạo. Quý vị có thấy rừng và chúng tôi tương đồng nhau không?

[1] Gỗ nhai bách: một loại gỗ quý hiếm nổi tiếng có giá trị lớn về mặt phong thủy, giá trị thẩm mỹ cao được mọi người yêu thích...

Thôi chào nhé người anh em, tôi lại phải đi tiếp rồi!

Cánh rừng lại bỏ sau lưng, một buổi sáng khi trời còn mờ sương chúng tôi đến Kusinārā (Câu Thi Ca), nơi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn. Chúng tôi, những người con từ xa xôi về đây, đôi chân đã dày cui nứt nẻ, bàn tay nhăn nheo nhuộm màu nắng mưa; tấm y đã sờn, lỗ chỗ đầy những miếng vá đã phai màu bởi gió bụi thời gian; đôi vai mỏi nhừ nay trĩu sâu xuống cả một hõm xương quai xanh; ai nấy đều sụt đến dăm bảy cân thịt. Nhưng đôi mắt ai cũng sáng lấp lánh, tôi không biết lấp lánh vì rực rạo niềm tin hay lấp lánh vì những giọt lệ chực tuôn dài trên má.

Khi vào khuôn viên Bảo tháp đặt tôn tượng Phật Niết-bàn, chúng tôi lặng lẽ xếp thành hai hàng để cùng chung tay dâng lên một tấm vải lớn cúng dường tôn tượng Đức Phật. Trên tấm vải đã ghi những tâm tư nguyện vọng của chúng tôi, cũng như phương danh thí chủ đã cúng dường cho hành trình Theo dấu chân Phật năm nay. Vừa đi, chúng tôi vừa tụng ân đức Tam Bảo, nhiễu quanh tôn tượng chín lần, rồi chúng tôi phủ tấm vải lên tôn tượng và bắt đầu tụng kinh sám hối Tam Bảo, kinh cầu nguyện. Vị trưởng đoàn giọng nghèn nghẹn, bầu không khí trở nên trầm xuống, đến hơn nửa các vị trong đoàn rơi nước mắt; chúng tôi không buồn, không cảm thấy mất mát hay tủi hờn gì cả, chỉ là nước mắt cứ rơi thôi; tôi cũng không cố ngăn đôi dòng lệ, đâu đó vài tiếng khóc nghẹn, vài tiếng nức nở, một vài vị đi nhanh ra ngoài để kìm lòng không khóc to. Ai đã từng mất người thân yêu, khi đi xa về nhìn lên bàn thờ nước mắt tuôn rơi sẽ hiểu; ai đã từng vì "xúc động pháp, hoan hỷ pháp" mà khóc sẽ hiểu. Mỗi lần đến nơi này, nhìn lên tôn tượng Đức Thế Tôn, nước mắt tôi lại lã





chã rơi, nước mắt từ vô thỉ, nước mắt của lòng kính ngưỡng và biết ơn vô bờ bến của một người con Phật khi được trở về Nhà. Chúng tôi có thể băng rừng lội suối, có thể vượt ngàn trùng trên đôi chân chai sạn nhưng tâm thì tràn đầy yêu thương!

Rồi thời kinh kết thúc, chúng tôi đi ra ngoài, trưởng đoàn nói chúng tôi có một giờ tự do ở đây rồi về khuôn viên chùa Thái nghỉ ngơi. Chúng tôi sẽ ở đây năm hôm, hai hôm nữa có lễ lớn, lễ rước và cho chiêm bái Xá-lợi Phật.

Tôi ra đằng trước tháp, ở đấy có cây sa-la to lớn, lá đã ngả vàng, đầu cành li ti những nụ, không mấy nữa lá rụng hết, hoa sẽ nở trắng cây. Đây là cây sa-la trong kinh điển, Bồ-tát đản sinh dưới cội cây sa-la và Đức Thế Tôn cũng nhập Niết-bàn dưới hai cội cây sa-la như thế.

Ở Việt Nam, có cây cũng gọi là sa-la, hoa mọc ra từ thân thành vòi dài, hoa to như nắm tay có màu sắc và hương đậm, khi kết trái, quả cây sa-la này to tròn đường kính quả tầm 12-14cm, có nơi còn gọi cây này là hoa Đầu Lân. Cây sa-la này không phải là cây trong kinh điển, đây là một sự nhầm lẫn vô cùng đáng tiếc!

Tôi ngồi nhìn bảo tháp và xem lá rơi, trông chừng cả Số và Aloka để tụi nó không chạy loạn làm cho du khách sợ hãi. Tôi không vội vã thăm thú các nơi trong khuôn viên này, những ngày còn lại ở đây tôi sẽ trở lại nhiều lần.

Dưới vạt nắng, những chiếc lá vàng như thêm nhuận sắc, những nụ hoa đón nắng lao xao cựa mình như muốn nhanh trổ bông… Dưới gốc cây hai chú chó ngủ khoèo và gã du Tăng ngồi như hóa đất…

Rừng cây sa-la

Chư Tăng đảnh lễ tôn tượng Đức Thế Tôn tại tháp Mahāparinirvana - tháp Niết-bàn

Rừng cây sa-la

Chư Tăng tụng giới bổn Pāṭimokkha

# Kỳ XXVI

# PHÂN CHIA XÁ-LỢI

*Ngày 15 tháng 3 năm 2023*

**“Khách hành hương đảnh lễ tôn tượng, người ta thường cầu nguyện rất nhiều; nhưng Tôn Sư nằm đó lặng im, an yên như muôn đời vẫn thế.”**

Hôm nay, hãy còn ban sớm, tôi dành buổi đầu ngày ra Bảo tháp Mahāparinirvana (Niết-bàn) đảnh lễ tôn tượng Đức Thế Tôn. Đây là tôn tượng Đức Thế Tôn trong tư thế nhập Niết-bàn, chiều dài tầm 6m, được tạc từ đá đen dưới thời đại đế Asoka (A Dục). Khi cùng gia quyến đến đây viếng thăm, ngài không dựng trụ đá như các nơi mà cho tạc pho tượng và dựng tháp thờ Mahāparinirvana (Niết-bàn) này.

Vào thế kỷ VII, trên đường thỉnh kinh Đường Huyền Trang dừng chân chiêm bái thì Bảo tháp đã đổ sập. Rồi thời gian và cát bụi vùi lấp, mãi đến thế kỷ XX, nơi này mới lại được khai quật và tôn tạo lại như hiện nay, chỉ riêng tôn tượng Đức Thế Tôn vẫn còn gần như nguyên vẹn. Ngày nay, các Phật tử khi đến viếng thăm thường hay dán vàng lá lên thân tượng, nên không còn thấy màu đá đen như thuở ban đầu.

Đã 24 thế kỷ trôi qua, pho tượng Phật vẫn nằm đó, đây là tôn tượng lâu đời và sớm nhất tôi được biết. Khách hành hương đảnh lễ tôn tượng, người ta thường cầu nguyện rất nhiều; nhưng Tôn Sư nằm đó lặng im, an yên như muôn đời vẫn thế, Ngài lặng im không nói lời nào nhưng đây mới là điều ngài muốn gửi cho hậu thế: *"Các con phải là nơi nương tựa cho chính mình, đừng nương tựa vào ai khác; đây là con đường tự độ, độ tha, đừng có cầu khấn van xin tha lực."*





Rời khuôn viên Bảo tháp Mahāparinirvana (Niết-bàn), tôi đi đến tháp gạch Ramabhar, nơi trà tỳ nhục thân Đức Phật. Sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, dân chúng Malla đã cúng dường nhục thân Ngài bảy ngày, nào những hương hoa, ca múa theo nghi lễ truyền thống.

Sau đó, họ hỏi các vị trưởng lão:

- Thường một vị Chánh Biến Tri vô dư Niết-bàn thì nhục thân Ngài phải làm sao?

Các vị trưởng lão đã trả lời dân chúng Malla rằng:

- Nhục thân ấy cần được quấn trong 500 lớp vải được tẩm dầu thơm, rồi đặt trong quan, quan ấy đặt trong quách, rồi hỏa táng.

Dân chúng vâng lời làm theo đúng như lời các vị trưởng lão nói. Khi mọi thứ đã chuẩn bị xong, nhục thân của đức Chánh Biến Tri được hỏa táng tại đền Makuta-Bandana, phía đông của xứ Malla bằng tất cả các loại gỗ thơm và hương liệu cho tới khi nhục thân đã cháy hết; họ rưới tắt ngọn lửa bằng nước sạch và thu gom xương cốt; nhưng lạ lùng thay không có mảnh xương cốt nào; nhục thân Ngài sau khi hỏa táng biến thành các tinh thể hạt nhiều màu lấp lánh, người ta gọi đây là Xá-lợi. Xá-lợi được thu gom rồi mang đến đặt ở hội trường chính của xứ Malla; họ lấy cây giáo làm hàng rào, lấy cây cung làm vách ngăn để mọi người được chiêm bái cúng dường bằng tràng hoa, điệu múa và hương liệu trong vòng bảy ngày.

Khi hay tin Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn tại Kusinārā (Câu Thi Ca), vua nước Māgadha (Ma Kiệt Đà) là Ajātasattu (A Xà Thế) đã gửi đến một đội quân kèm một vị sứ giả nói rằng:

- Đức Thế Tôn là dòng dõi Sát-đế-lỵ, ta cũng là Sát-đế-lỵ, vả lại ta còn là đệ tử của vị ấy, vị ấy là thầy của ta, hãy chia cho ta một phần Xá-lợi, ta sẽ dựng tháp thờ trên xứ sở của ta.

Sau đó lần lượt những người Licchavi, ở Vesāli (Tỳ Xá Ly), những người Sākya (Thích Ca) ở Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ)[1], những người Buli ở Allakappa, những người Koliya ở Ramagama, những người Malla ở Pava cũng gửi sứ giả và quân đội đến xin chia một phần Xá-lợi vì họ là những Sát-đế-lỵ và là đệ tử của Đức Phật.

Tiếp nữa, một phái đoàn sứ giả của Bà-la-môn Vethadipa gửi đến với lời nói:

- Đức Thế Tôn là Bà-la-môn, chúng tôi cũng là những Bà-la-môn; hãy chia cho chúng tôi một phần Xá-lợi, chúng tôi sẽ xây tháp thờ và cung kính cúng dường đảnh lễ tháp ấy.

Khi nghe các sứ giả nói như vậy, những người Malla ở Kusinārā (Câu Thi Ca) đáp rằng:

- Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn trên xứ sở chúng tôi, chúng tôi đã cung kính đảnh lễ cúng dường và hỏa táng, Xá-lợi là của chúng tôi, không chia cho ai hết.

Không khí bắt đầu căng thẳng, một cuộc chiến có thể nổ ra, khi ấy Bà-la-môn Dona, một học giả uyên bác đã nói với những người Malla và sứ giả các nước rằng:

- Xin các vị hãy nghe tôi, Đức Thế Tôn khi còn tại thế dạy rằng hãy kham nhẫn, nên trước Xá-lợi của Ngài chớ có tranh giành, tốt

[1] Sākya (Thích Ca) ở Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) đã diệt vong rồi, một số người còn sống chạy trốn đến chỗ có nhiều chim công (Mauryā) và họ là hậu duệ của Sākya.





thay chúng ta hãy đoàn kết nhất trí chia Xá-lợi ra làm tám phần đều nhau, để xây dựng tháp thờ, để các nơi đều được lợi ích.

Khi nghe Bà-la-môn Dona nói như thế các vị ấy đã đoàn kết nhất trí, hoan hỷ và nói:

- Này tôn giả Dona, tốt thay hiền giả hãy giúp chúng tôi chia Xá-lợi ra tám phần đều nhau, chúng tôi sẽ đợi ở đây.

Và Bà-la-môn Dona bắt đầu phân chia Xá-lợi, khi đang phân chia, ông thấy có một ngôi Xá-lợi tròn trịa, sáng lấp lánh như kim cương, to cỡ hạt lạc, ông thích quá bèn đặt vào lòng bàn tay và vờ như đưa tay lên lau mồ hôi trán, ông nhanh tay đặt ngôi Xá-lợi vào giữa búi tóc, rồi yên trí thế nào mình cũng có một ngôi Xá-lợi Phật để cung kính đảnh lễ và xây tháp thờ. Nghĩ thế xong ông phân chia Xá-lợi một cách cẩn thận và công bằng nhưng hành động của ông nào qua mắt được Sakka (Đế Thích) thiên chủ. Ngài dùng thần lực lấy đi ngôi Xá-lợi ấy và hiện ra ở cõi trời Tam thập tam thiên, đặt ngôi Xá-lợi ấy vào tháp thờ chung với lọn tóc của Bồ-tát khi xuất gia quăng lên trời mà ngài đã mang về thờ ở đây.

Khi tám phần Xá-lợi chia xong được đưa đến trước mặt sứ giả các nước, họ cân lại lần nữa, thấy cân nặng và màu sắc các phần Xá-lợi như nhau mọi người đều hoan hỷ nhận lấy một phần. Bà-la-môn Dona giả vờ mệt, xin vào phòng nghỉ ngơi, ông mò tay lên búi tóc, ở đấy không còn ngôi Xá-lợi nào; hốt hoảng ông xổ búi tóc ra tìm mãi cũng không thấy, mồ hôi túa ra từ lưng như tắm; ông nghĩ: *"Chết rồi, thế nào ngôi Xá-lợi ấy cũng bị chư thiên lấy mất, làm thế nào để ta cũng có Xá-lợi để xây tháp cúng dường."*

Nghĩ thế rồi ông quay lại hội trường, nói với các vị sứ giả:

- Thưa các ngài, thật tốt thay các ngài hãy cho tôi xin cái cân này, tôi sẽ xây tháp thờ ở quê hương tôi, nó không phải Xá-lợi nhưng cũng đã từng cân đo đong đếm phân chia Xá-lợi.

Khi được nghe những lời ấy, các vị vui vẻ cho Bà-la-môn Dona chiếc cân. Và sau cuối, một phái đoàn của người Mauryā ở Pipphalivana gửi đến, lại xin chia Xá-lợi. Mọi người nói rằng:

- Nay Xá-lợi đã chia xong, tốt thay ngài hãy lấy đi phần tro than khi hỏa táng nhục thân Đức Thế Tôn.

- Xin vâng!

Và phái đoàn ấy đã mang đi phần tro than.

Những sứ giả ấy đã mang Xá-lợi về cho nước mình cử hành nghi lễ cúng dường và xây tháp thờ. Vậy là có 10 Bảo tháp được xây dựng để thờ tất cả Xá-lợi.

Người Malla ở Kusinārā (Câu Thi Ca) bàn nhau, đây là nơi đã hỏa táng nhục thân Đức Thế Tôn, tốt thay chúng ta hãy xây tháp thờ Xá-lợi ở đây và tháp Ramabhar được xây dựng. Tháp được xây hình tròn như cái bình bát úp ngược, chiều cao 8m, đường kính 34m. Ngày nay, tháp đã hư hại nhiều, méo mó không còn tròn trịa, nhưng nhờ cấu trúc xây đặc mà tháp trông vẫn còn khá quy mô, dù đã trải qua hơn 26 thế kỷ. Thật kỳ diệu thay!

Nắng sớm đổ bóng hàng cau lên Bảo tháp, tôi lặng lẽ nhiễu quanh Bảo tháp ba vòng và đặt lên thềm Bảo tháp mấy bông hoa gạo…

**Tháp thờ Xá-lợi trong khuôn viên chùa Thái Lan tại Kusinārā (Câu Thi Ca)**

**Nơi Bà-la-môn Dona phân chia Xá-lợi**

Đảnh lễ Bảo tháp Ramabhar, nơi trà tỳ nhục thân Đức Thế Tôn

Đảnh lễ bảo tháp Ramabhar, nơi trà tỳ nhục thân Đức Thế Tôn

Chư Tăng đảnh lễ tháp Mahāparinirvana - tháp Niết-bàn

# Kỳ XXVII

# RƯỚC XÁ-LỢI PHẬT

*Ngày 19 tháng 3 năm 2023*

**“Du Tăng như chúng tôi thích nơi vắng vẻ núi rừng u nhã, thấy tâm mình như con thú hoang, thích tự do trong môi trường tự nhiên, không hợp với lễ hội đông đúc như này”**

Những ngày ở lại Kusinārā (Câu Thi Ca), chúng tôi tranh thủ giặt giũ, vá lại những vết sờn rách lỗ chỗ trên y và tham dự lễ rước, chiêm bái Xá-lợi Phật tại nơi này.

Công tác tổ chức do chùa Thái ở Kusinārā (Câu Thi Ca) thực hiện, lễ diễn ra trong ba ngày. Tăng đoàn hàng ngày đi bát tụng kinh chúc phúc đến mọi người, tối đến chúng tôi tụng ân đức Tam Bảo 108 lần quanh tháp Xá-lợi Phật. Tầm đâu đó đến 23h30 thì xong, chúng tôi về nghỉ.

Ngày đầu tiên, dành cho công tác từ thiện xã hội, phát quà cho những người nghèo và tất cả các trường học tại Kusinārā (Câu Thi Ca) này.

Ngày tiếp theo, cử hành nghi thức rước Xá-lợi Phật từ bảo tháp chùa Thái đến tháp Mahāparinirvana (Niết-bàn). Đoàn rước ước tầm 5.000 người, hai chú voi to lớn bệ vệ dẫn đầu đoàn, nhìn to con nhưng rất hiền nhé! Thấy ai cầm chuối và





mía là mắt hai chú sáng lên vui vẻ vươn cái vòi dài ra xin ăn. Theo sau, đoàn quân cảnh Thái Lan và Ấn Độ cầm cờ Phật giáo; đoàn vũ công nữ múa diễu hành đến từ Thái Lan, tay cầm hoa, họ múa những điệu như tiên nữ nhà trời. Và tiếp đó là kiệu các Ngài phó Tăng thống Phật giáo Thái lan, Ngài trưởng ban trị sự Phật giáo Ấn Độ, Nepal và chư Tôn túc trưởng lão Phật giáo các nước tham dự. Song song kiệu các Ngài là đoàn chư Tăng đầu-đà chúng tôi bộ hành hộ tống và học sinh các trường tham dự.

Dẫn đoàn cư sĩ tiếp nối chư Tăng trong đó có hoa hậu Thái Lan 2022 và đoàn múa nghệ thuật trong trang phục và trang sức màu trắng như con nhà trời. Kế đến là kiệu chính đặt tháp Xá-lợi Phật được chạm khắc kỳ công, sơn son thiếp vàng lộng lẫy, được cung nghinh bởi những cư sĩ nam mặc bạch y và kiệu rước tượng Phật đứng. Kế tiếp là kiệu có hình đức vua Ramma IX Phumidon Aduradet, kiệu đại diện hoàng gia, quan chức chính quyền và những đại thí chủ cúng dường lễ hội.

Đoàn rước dừng lại ở tháp Mahāparinirvana (Niết-bàn) cho mọi người chiêm bái, cúng dường và đảnh lễ Xá-lợi Phật trong khoảng cách 2m, được cảnh sát túc trực bảo vệ. Buổi chiều, đoàn rước Xá-lợi về đặt trong tháp chùa, lúc này chúng tôi ngồi vòng tròn xung quanh để tụng kinh, mọi người có thể đến gần để chiêm bái.

Ngày cuối cùng, Xá-lợi được rước đến tháp Ramabhar, nơi trà tỳ nhục thân Đức Thế Tôn. Bởi vậy, đoàn rước có thay đổi, đoàn vũ công nữ cầm quạt lông và đoàn múa nghệ thuật thì vận đồ đen, những điệu múa tái hiện sự đau đớn, mất mát, tang thương; và kiệu rước tượng Phật được thay bằng một pho tượng Niết-bàn lớn. Khi đến khuôn viên tháp Ramabhar, Xá-lợi Phật được đặt ở đây, chư Tăng tụng kinh và mọi người có thể cúng dường chiêm bái từ xa; chiều tối Xá-lợi lại được rước về chùa, đặt tại Bảo tháp chính.

Buổi tối, Ngài phó Tăng thống Thái Lan đại diện chư Tăng thuyết pháp đến cho toàn thể hội chúng; sau thời pháp, chúng tôi tụng một thời kinh tới hơn 12h đêm thì kết thúc. Cửa bảo tháp thờ Xá-lợi Phật đóng lại, năm sau đến ngày này khi đoàn chúng tôi ghé Kusinārā (Câu Thi Ca), lại sẽ mở ra cho mọi người chiêm bái.

Sau những ngày lễ lượt nhiều sắc màu ở Kusinārā (Câu Thi Ca), chúng tôi bộ hành ra đảnh lễ tháp Ramabhar và tháp Mahāparinirvana (Niết-bàn) rồi vân du theo con đường đã định.

Du Tăng như chúng tôi thích nơi vắng vẻ núi rừng u nhã, thấy tâm mình như con thú hoang, thích tự do trong môi trường tự nhiên, không hợp với lễ hội đông đúc như này. Ở nơi nhiều người, phố thị nhà cửa san sát, tâm cảm thấy bị bức bối, khó tập trung vào đề mục thiền.





Bỏ lại phố thị sau lưng, buổi chiều hôm chúng tôi dừng chân bên một nền gạch cũ đã xác xơ hoang tàn. Đây là nơi Đức Thế Tôn dùng bữa cơm cuối cùng tại ngôi nhà của người thợ rèn Cunda. Trong suốt 45 năm hoằng truyền giáo pháp tại bảy quốc độ ven con sông Hằng, Đức Phật dạy rằng có hai bữa ăn mang lại cho thí chủ nhiều phước báu:

- Đó là bữa ăn đầu tiên trước khi Ngài thành đạo của tín nữ Sujātā (Tu Xà Đa) và bữa ăn cuối cùng trước khi Ngài diệt độ của thí chủ Cunda.

Bởi là thí chủ được dâng bữa cơm cuối cùng và là nơi Đức Thế Tôn thọ thực lần cuối nên nơi đó được vua xứ Malla cho xây dựng Bảo tháp để kỷ niệm. Ngày nay, Bảo tháp không còn nữa, chỉ trơ trọi một đồi đất do gạch mủn ra và ít tường gạch thấp còn lại đã được chính phủ Ấn Độ khoanh vùng xếp hạng Di tích Quốc gia cần được bảo vệ. Chúng tôi tụng thời kinh tri ân đến vị thí chủ cuối cùng của Đức Phật, sau đó chúng tôi ngồi lại nghe vị trưởng đoàn giới thiệu lịch sử nền gạch này. Bởi trong đoàn có nhiều vị mới đi Ấn Độ lần đầu, tôi đã đến đây ba lần nhưng cũng ngồi nghe. Sau khi giới thiệu, trưởng đoàn nói:

- Trong kinh ghi lại thí chủ Cunda đã dâng cúng đến Đức Phật món cháo thịt heo rừng (hay nấm mọc ở dấu chân

heo rừng). Khi dùng bữa xong thì Đức Thế Tôn đau bụng dữ dội và sau đó Ngài nhập Niết-bàn. Ngày nay, ở đây nếu chúng ta cũng ăn thịt heo thì chúng ta cũng "xong đời ngay lập tức!"

Nói xong, vị ấy cười cười rồi đưa mắt nhìn ra xa, hướng theo ánh mắt, chúng tôi thấy rất nhiều thánh đường treo cờ màu xanh có hình trăng lưỡi liềm. Đấy là thánh đường của những người theo Hồi giáo, họ tôn thờ heo. Nếu ở đây mà dám ăn thịt heo thì quả là chúng tôi cũng "chết thật chứ chả chơi!"

Khi ráng chiều đã tím sẫm nơi chân trời, chúng tôi đến bên một dòng sông nhỏ để dựng lều trại nghỉ đêm. Dòng sông ấy khi xưa, lúc đi đến đây, Đức Thế Tôn khát nước và ngài Ānanda (A Nan) đã đi lấy nước sông dâng lên Ngài. Sau khi lều trại đã dựng xong chúng tôi ra bờ sông để tụng thời kinh tri ân dòng sông đã dâng nước đến Đức Phật. Âm ba tiếng kinh Pāḷi vang vang trên mặt sông, gợn lên những làn sóng nhỏ như đang hoan hỷ cùng lời kinh.

Đêm, mảnh trăng sơ huyền lờ mờ trên trời cao như treo ở đó từ muôn thuở trước, tôi khe khẽ ngâm lên bài thơ của Sư phụ, chẳng biết đã mốc meo trong ký ức tự bao giờ.





**KHÚC CA NƯỚC**

ta đứng thở trên sông dài
nghe thời gian cuộn chảy
bọt nước xao
bọt nước quẫy
từ lâu rồi
con cá đớp bơ ngơ!

trăng vẫn là con trăng
từ vĩnh cửu đến bây giờ
thuyền vẫn là con thuyền

"chưa chèo qua bỉ ngạn!"
cái tâm cũ
con sóng dâng
có cái gì rất hốt hoảng
cứ tung
cứ rơi
cứ vờ vật đốm loang đêm.

mây
cứ vẫn là mây
phiêu phất lãng du miền
vẫn tình tự
vẫn câu chuyện đèn khuya
tứ cổ văn
câu kinh
và chung trà không bạn lữ!
buồn
rất sâu
xa

và niềm riêng
xin gởi đến muôn cùng...

hớt hải
trong giấc ngủ mê mung
bàng hoàng gõ kiến tri
nghe vang vang nỗi chết
giọng nói
tiếng cười
cứ bào mòn âm tiết





trôi giữa không gian
và hút mất giữa thung triền
ta vẫn hiểu rằng
đời còn lắm oan khiên
còn chín ngọt trái hoa hương
kết đài giữa giấc mơ
và tuyệt vọng!

ai rớt chữ
giữa dòng sông lặng
có con chim bay
cô đơn
hái lượm hạt miên trường
đi qua cuộc đời trăm năm
một đôi lần
ngồi tâm sự vô duyên
giữa quán cóc chợ vàng
ai cũng không có thì giờ tĩnh tâm thiền định
ai cũng có quá nhiều thì giờ
để huyền đàm hý luận

và tự vẽ bóng mình
trong bọt nước vỡ tan!
níu câu kinh
ta bước giữa điêu tàn
câu thơ mới
bập bùng reo
niềm tin và hơi ấm
cột chiếc lá
buộc thuyền
tự neo mình trên bến
nằm ngủ say
mặc nhân thế ngược xuôi
từng lối nhỏ thân quen
sim mua nở tím đồi

sợi khói
làn mây
giọt sương
để dấu hiệu mai sau
tìm cho ra chân tướng
nước vẫn chảy





soi mặt soi mày
vẫn hoang vu gió chướng
rong bèo hôm qua
trôi nổi đã lao lung
dập dờn nước mây
vẫn lắm chuyện vô cùng!...

*(Tập thơ "Giun dế, Hư vô và Hạt lửa xanh"*
*- Minh Đức Triều Tâm Ảnh)*

Lễ rước và cho chiêm bái Xá-lợi

Nền nhà của thí chủ Cunda

# Kỳ XXVIII

# ĐẢNH LỄ BẢO THÁP LAURIA

*Ngày 22 tháng 3 năm 2023*

**"Mặc dù không nói nhưng trong tâm tôi luôn biết ơn cha mẹ,**
**mỗi khi ngồi thiền hay làm được một phước sự gì,**
**tôi luôn nghĩ tưởng và hồi hướng phước báu đến cha mẹ"**

Rời Kusinārā (Câu Thi Ca), chúng tôi bộ hành về Rampurwa; mùa này những cây bưởi đương rộ bông, trong gió thoảng đâu đây hương thơm dìu dịu. Đi giữa cái lành lạnh ban sáng, hương bưởi như níu chân người du sĩ. Ở đây, làng quê cũng yên ả như quê tôi. Những con đường đất bột dọc theo dòng kênh nước trong xanh, cũng trở nên mờ mịt dưới những bước đi tung bụi mù; những chú chó đùa nhau tháo chạy khiến bụi cuốn tứ tung. Đi hết con đường này chắc trưa về khỏi cần ăn cơm, hít một bụng bụi đến no mất!

Những cây gạo trụi lá, hoa nở đầy cây, dưới gốc cũng đã rụng đầy. Ở đây, gạo có hai màu đỏ và cam, thi thoảng có cây đột biến hoa màu vàng cam trông thật lạ; màu này lạ thôi chứ màu đỏ vẫn thấy đẹp hơn cả. Nhìn cả cây đỏ rực biết cái giá buốt đã rời xa. Các vị hỏi tôi Việt Nam có hoa gạo không, tôi nói có nhiều, và có thêm cả màu trắng khiến các vị ấy rất kinh ngạc. “Việt Nam mà thiếu gì”, tôi tranh thủ chém gió chút xíu chứ!





Mấy đêm liền, tối nào chúng tôi cũng xin ngụ tại vườn xoài, vườn vải. Đương độ xuân, những cây xoài và cây vải cũng rộ bông cả chùm thơm ngọt, hương thương len lén chui vào tận lều tôi. Dân chúng ở đây, tuy ở làng quê xa nhưng hiền hậu và chất phác lắm. Thấy đoàn chúng tôi đi nghỉ dọc đường họ mang nước uống ra cúng dường; chỉ là nước trong mới bơm từ giếng lên thôi nhưng vậy cũng quý lắm rồi. Họ còn nói rằng hãy ngồi đây và đợi chúng tôi một lúc, họ đi nấu trà chanh và mua bánh quy về cúng dường cho đoàn. Trời đang nắng nóng, chút ân cần của họ khiến cả đoàn cảm thấy mát lòng.Tôi không nói đến yếu tố tôn giáo nhưng những hành động quan tâm sẻ chia cho những người qua đường như chúng tôi vậy thật là quý biết bao!

Ở Rampurwa này vua Asoka (A Dục) cho dựng hai trụ đá. Đây là điều đặc biệt, bởi thường các nơi chỉ có một trụ đá. Nơi này, một trụ đá ghi pháp lệnh của nhà vua để phổ biến đến dân chúng; trụ cao 15m, gốc trụ đường kính 1,3m, đỉnh trụ tum lại còn 90cm, đầu thân trụ có đục lỗ để gắn đầu trụ. Mặt cắt đầu thân trụ hiện vẫn còn thấy hình cặp chim khổng tước (chim công) biểu tượng của Đế chế Mauryā (Khổng Tước) và trên đỉnh trụ là hình sư tử, tượng trưng vương quyền đức vua.

Bên cạnh là trụ đá đánh dấu nơi Bồ-tát cắt tóc xuất gia tầm đạo, nhưng đã bị hư hại nặng, gãy làm đôi, đoạn phía trên vỡ ra thành hai mảnh. Trụ này cũng dài 15m, gốc trụ đường kính 1,3m,

đỉnh trụ tum lại còn 75cm, trên đỉnh trụ tạc chú bò đực to lớn mạnh khỏe, tượng trưng cho sức mạnh kéo vác, cứu độ chúng sanh của Bồ-tát. Đây là điều tôi nghe dân địa phương nói chứ tôi không có sử liệu chính xác; các vị đừng có tin là thật nhé, chỉ là giả thuyết thôi, chưa có cuộc nghiên cứu chính thức nào cho giả thuyết này.

Hai đỉnh trụ đá hiện được đặt trong bảo tàng bang Bihar, nơi đây chỉ còn lại phần thân. Nhiều năm trước, khi đến đây lần đầu, tôi thấy hai trụ đá vẫn nằm giữa trời chịu mưa, chịu nắng. Ngày nay, chính quyền địa phương nhận thức được giá trị lịch sử mang tầm quan trọng lớn nên đã cho dựng nhà tôn để bảo vệ hai thân trụ đá.

Khi tạo dựng, hai trụ đá được đặt trên hai đồi đất gần nhau. Trải qua thời tiết mưa nắng và sụt lún, hai trụ đá ngã xuống chìm vào lòng đất. Cho tới năm 1907, các nhà khảo cổ khai quật nơi này và di chuyển hai trụ đá, đặt song song với nhau. Tôi nhìn thấy, cách vài ruộng mía phía bên kia vẫn còn một đồi đất thấp và cách 300m thôi là sông Anoma được bắt nguồn từ Nepal chảy về đây. Do sự bồi lấp nó đã đứt dòng, không còn chung dòng chảy với khúc sông Anoma phía trên nữa, giờ chỉ như một con lạch nhỏ, dễ dàng nhảy qua và đi bộ xuống được. Bên kia bờ, những bụi lau đìu hiu đung đưa cạnh những cây gạo đương mùa hoa rực đỏ.





Điểm đến tiếp theo của đoàn chúng tôi là Bảo tháp Lauriya, đây là Bảo tháp được người Mauryā (Khổng Tước) ở Pipphalivana xây dựng để thờ Xá-lợi Phật sau khi được chia. Tháp có chiều cao 25m chu vi tháp 460m có hình đa giác. Vào năm 1862, Alexander Cunningham tìm lại được tháp này liền tiến hành khai quật một phần, đã tìm thấy Xá-lợi được đặt trong hộp đá và tượng những con thú bằng gốm. Đến năm 1880, khai quật lần thứ hai tìm thêm được rất nhiều tượng gốm, đèn và những đồng tiền cổ có đục lỗ, thuộc triều đại Kushan. Hiện nay, Bảo tháp là điểm đến ưa thích của dân chúng quanh vùng vì nó rộng rãi mát mẻ như công viên. Chính quyền địa phương vẫn chưa biết tầm quan trọng của Bảo tháp lịch sử này nên chưa được quy hoạch và bảo tồn tốt. Con đường dẫn đến Bảo tháp vẫn là đường làng nhỏ hẹp, trên đỉnh Bảo tháp cây cỏ mọc um tùm.

Tôi rất hoan hỷ khi hôm nay đoàn kịp đến đây, tôi liền xin cúng dường trai Tăng hồi hướng phước báu đến cha mẹ nhiều đời kiếp, cũng như cha mẹ trong kiếp này. Ngày này, nhiều năm về trước tôi được sinh ra, tôi biết ơn cha mẹ thật nhiều. Tôi xa gia đình từ lúc còn nhỏ xíu, sang ở với bà ngoại, lúc đấy ai hỏi, tôi nói tôi con của ngoại chứ không biết mình là con của bố mẹ, hết ở với ngoại tôi về ở với nhà nội rồi xuất gia. Tôi vốn khắc khẩu với bố nên chả bao giờ nói chuyện được với nhau nhiều, chỉ vài ba câu hỏi thăm sức khỏe rồi thôi. Mẹ tôi cũng không biết nói chuyện gì, mỗi khi có dịp về thăm nhà, khi nào mẹ cũng tất bật chợ búa nấu ăn nên cũng chẳng nói chuyện với mẹ được nhiều.

Tôi xuất gia từ nhỏ chỉ biết đời sống và chuyện của chùa; còn chuyện gia đình, bà con tôi có biết gì để nói đâu. Mãi rồi tôi còn không biết bà con tôi là ai nữa, có mấy người đến chùa, hỏi đường lên thăm cốc Sư anh tôi. Tôi hỏi:

- Các cháu là ai mà lên đấy?

Các cháu nói:

- Con là cháu của Sư ấy.

Tôi hỏi:

- Vậy các cháu cũng là cháu tôi à!

Chuyện gia đình tôi vô tâm vậy đó! Có lần về nhà, thấp thoáng bóng áo vàng ở nhà, trẻ con cả xóm kéo qua nhà tôi, thấy tôi cười cười chúng nó nói:

- Không phải Sư Phúc.

Rồi tản đi hết cả.

Mặc dù không nói nhưng trong tâm tôi luôn biết ơn cha mẹ, mỗi khi ngồi thiền hay làm được một phước sự gì, tôi luôn nghĩ tưởng và hồi hướng phước báu đến cha mẹ. Một điều mừng cho gia đình chúng tôi, cả cha mẹ đều là những người Phật tử thuần thành; các cháu cũng vậy, tôi rất yên lòng để đi trọn con đường mà mình đã chọn. Không biết làm thế nào để nói hết lòng biết ơn của tôi đối với cha mẹ trong ngày hôm nay; dưới chân bảo tháp linh thiêng tôi xin đảnh lễ cha mẹ từ xa và xin mượn lời bài Kệ Sám Nguyện để bày tỏ lòng mình...





Kính thưa cha mẹ tường tri
Nghĩ ra mới biết lỗi nghì ơn trên
Từ khi hình thể có nên
Mẹ cha bảo dưỡng kề bên không rời

Nặng nề cực nhọc lắm ôi
Công cha, nghĩa mẹ kể thôi sao cùng
Con xin đảnh lễ cúc cung
Nghiêng mình phủ phục mong dung tội rày

Si mê u tối chẳng hay
Mẹ cha sầu khổ tháng ngày héo hon
Hiếu tâm, hiếu hạnh không tròn
Ấu thơ đã lỗi, lớn khôn cũng lầm

Mẹ cha ơn trọng tình thâm
Nắng mưa dầu dãi, gian truân nhọc nhằn
Hy sinh hạnh phúc bản thân
Chỉ mong con trẻ thành nhân, thành hiền

Mẹ cha là Phật tại tiền
Là thầy trước nhất, phạm thiên trong nhà

Yêu con tóc bạc màu hoa
Quý con hơn cả ngọc ngà tư riêng
Tình thương xuôi chảy một miền
Nhưng con nào biết giữ niềm kính yêu
Đôi khi phạm thượng lắm điều
Nuôi cha dưỡng mẹ ít nhiều kể công

Mẹ cha lượng cả bao dung
Cho con sám hối, trọn lòng ăn năn
Tội con bất hiếu muôn ngàn
Mẹ cha duỗi cánh tay vàng xá cho

Tình thương giọt nước cam lồ
Giúp con thoát khỏi khổ đồ lầm mê
Từ nay con trẻ quay về
Sống đời hiếu tử trọn bề nhân luân

Mẹ cha sáng suốt tinh thần
Đạo vàng quy ngưỡng chuyên cần tấn tu
Một lạy cầu đấng Đại Từ
Mẹ cha trường thọ công phu trọn lành





Hai lạy cầu đấng sinh thành
Sống theo chánh pháp, quang minh một niềm
Ba lạy chúng con xin nguyền
Trọn đời sống đạo gieo duyên Niết-bàn.

Trụ đá vua Asoka (A Dục) dựng gần bảo tháp Lauriya

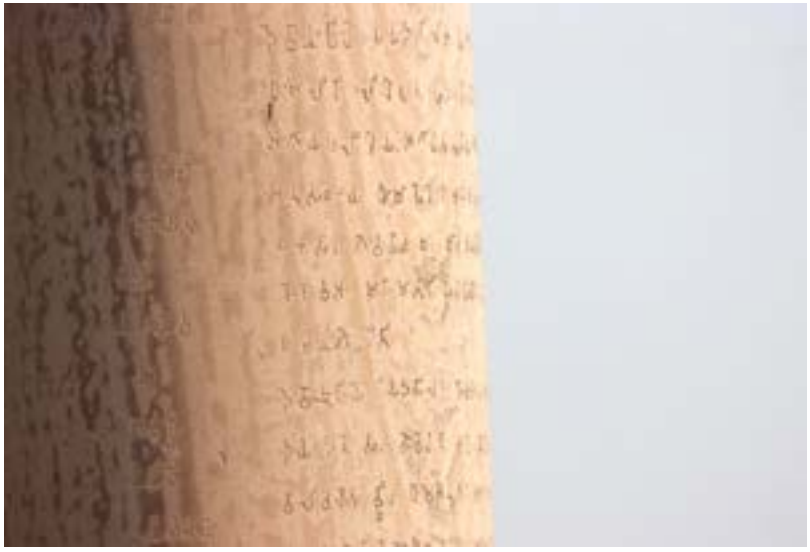

Pháp lệnh của vua Asoka (A Dục) được khắc trên trụ đá dựng ở Rampurwa

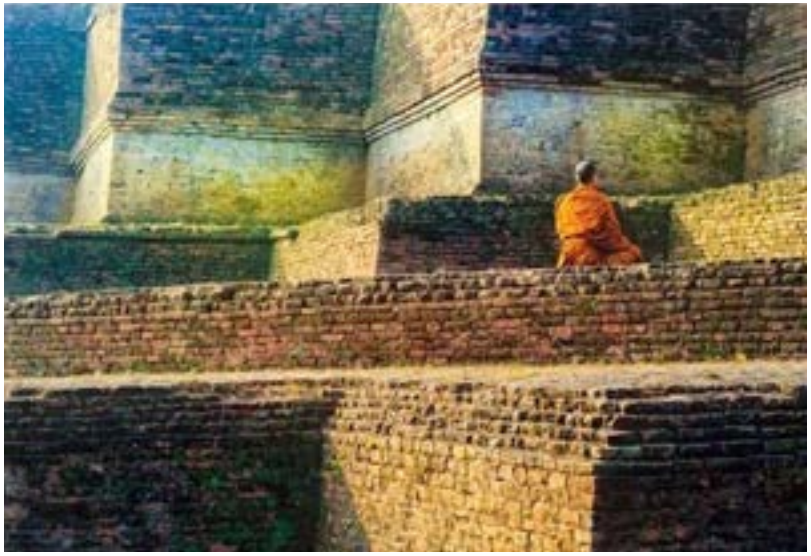

Bảo tháp Lauriya

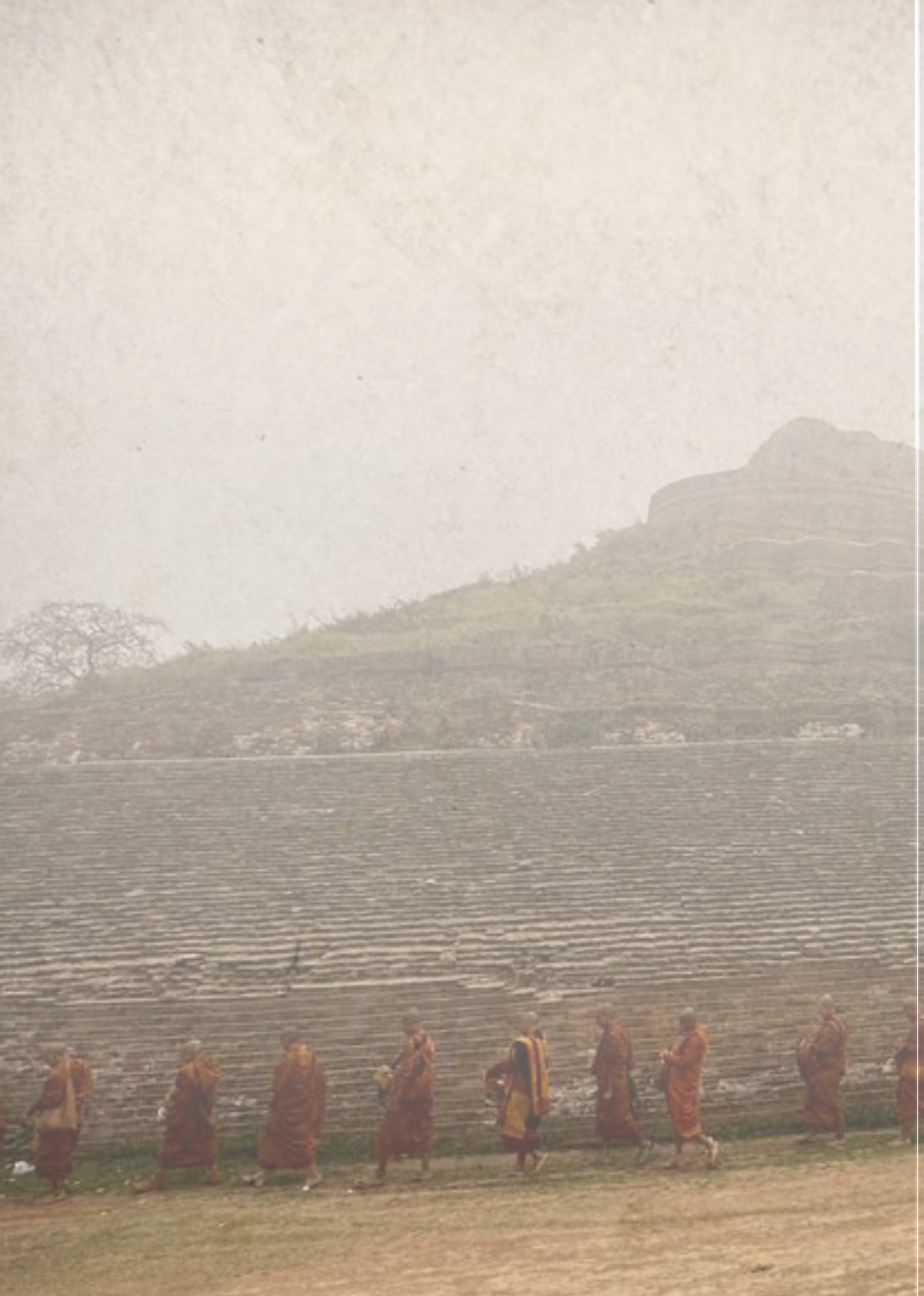

# Kỳ XXIX

# BẢO THÁP KESARIYA

*Ngày 26 tháng 3 năm 2023*

**“Với lòng biết ơn đối với Tam Bảo và Đức Phật, mọi người đã góp công, góp của xây một Bảo tháp to nhất trong các Bảo tháp cổ đại mà tôi từng biết”**

Mấy bữa nay, trời không còn nhiều sương lạnh nữa, giờ chỉ thấy cái nóng và nóng hơn mà thôi. Con đường phơi dưới trời nắng chang chang, bốc hơi loang loáng; những đôi bàn chân bước đi chậm hơn so với thường ngày, vai thêm phần trĩu nặng bởi túi xách đeo thêm nước uống. Tôi mang nước của mình, còn mang thêm phần cho các chú cún uống cùng.

Rồi con đường nóng rát cũng đưa chúng tôi đến bên một Bảo tháp to lớn, đang trong thời kỳ phục dựng - Bảo tháp Kesariya - nơi tưởng niệm chỗ ngồi lần cuối cùng của Đức Phật với dân chúng Vesāli (Tỳ Xá Ly). Hay tin Đức Thế Tôn sẽ diệt độ và đây là lần cuối cùng Ngài ghé qua Vesāli (Tỳ Xá Ly), khi Ngài rời đi, dân chúng đã đi theo sau Ngài xa 3 do tuần (48km). Ngài dừng chân tại đây, ngồi xuống trên một gò đất có nhiều cây xanh, bảo với dân chúng rằng:

- Tất cả các pháp đều vô thường, các ngươi chớ có sầu khổ.

Sau đó Ngài khuyên họ hãy trở về, những người dân Vesāli (Tỳ Xá Ly) lệ ngấn tròng đứng nhìn Đức Thế Tôn khuất dần trong tầm mắt.

Ngài không những chỉ dạy con đường thoát khổ cho dân chúng mà còn nhờ ơn Đức Tam Bảo, những tai họa dịch bệnh





phát sinh ở đây đã cướp đi sinh mạng rất nhiều người cũng được dập tắt. Ngài là thầy, là cha, là người bảo hộ trong lòng họ. Nhờ những lời dạy của Ngài mà họ giữ được kinh thành không bị quân đội của Māgadha (Ma Kiệt Đà) thôn tính. Bằng vô vàn tình cảm, dân chúng tiễn đưa Ngài đến tận đây, sau khi Ngài rời đi, các vị trưởng lão, các vị vương tử Licchavi bàn nhau xây dựng Bảo tháp tưởng niệm ngay nơi gò đất mà Ngài đã ngồi lần cuối này. Và Bảo tháp Kesariya nhanh chóng được xây dựng, với lòng biết ơn đối với Tam Bảo và Đức Phật; mọi người đã góp công, góp của xây một Bảo tháp to nhất trong các Bảo tháp cổ đại mà tôi từng biết.

Tháp có hình tròn và kiến trúc cạnh đa giác bao vòng ngoài rất đẹp, những viên gạch cổ vẫn còn nguyên nét hoa văn tinh xảo; chu vi ngày nay còn lại của Bảo tháp hơn 550m, chiều cao hiện hơn 38m. Lần đầu tiên, khi đến đảnh lễ nơi này, tôi cứ ngỡ họ dựa vào núi để xây lên Bảo tháp; nhưng không, những triền đất là gạch mủn ra sạt xuống, những cội cây to mọc trên nền đất gạch ấy trông như một ngọn đồi. Ngày nay, người ta vẫn đang tiến hành khai quật Bảo tháp, rất nhiều kiến trúc nền móng chùa tháp tu viện xung quanh tháp chính được lộ thiên. Thật là một Bảo tháp to lớn, chứa đựng biết bao tình cảm và sự tri ân của dân chúng Vesāli (Tỳ Xá Ly) đối với Đức Thế Tôn.

Dừng chân tại Bảo tháp khi bình minh vừa ló rạng, đoàn chúng tôi đắp y mang bát ra khuôn viên Bảo tháp đi bát gieo duyên; và sau đó là tụng kinh tri ân Tam Bảo, tri ân chư thiên, phi nhân, thọ thần đã bảo vệ nơi này hơn 26 thế kỷ qua. Trưa xuống, Tăng đoàn nghỉ phía trước Bảo tháp, buổi chiều chúng tôi tự do chiêm bái nơi này.

Chiều tôi lại ra khuôn viên Bảo tháp, lựa một khoảng đất bằng trải tấm bạt nhỏ và ngồi thiền. Không xa tôi lắm, có một nhóm các Sư trong đoàn đang ngồi ôn lại giới bổn Patimokkha, họ đọc nhỏ thôi nhưng tôi nghe rất rõ. Điều lạ kỳ là khi tâm yên tĩnh, chỉ cần hướng tâm tới âm thanh là nó được khuếch đại lên rất nhiều lần; tôi lại nhìn vào đề mục thiền, âm thanh biến mất; khi tôi xả thiền thì hoàng hôn đã tím sẫm nơi chân trời, đảnh lễ Bảo tháp, tôi về nơi trú ngụ cùng đoàn.

Hôm sau, đoàn chúng tôi nhằm hướng Vesāli (Tỳ Xá Ly) thẳng tiến, điểm đến đầu tiên ở đây là Bảo tháp Ardhanga, Bảo tháp tưởng niệm ngài Ānanda (A Nan) - vị thị giả của Đức Phật - Ngài có nhiều công đức đối với vùng đất này:

- Đầu tiên là khi Vesāli (Tỳ Xá Ly) xảy ra thiên tai dịch hoạ, suốt ngày đêm Ngài đi quanh kinh thành tụng đọc ân đức Tam Bảo, nhờ oai đức Tam Bảo mà tai họa thảy điều tan biến.

- Ân đức thứ hai của Ngài đối với nữ giới, Ngài ba lần bạch Phật xin cho người nữ xuất gia tu học trong giáo Pháp của Đức Phật, và Ni đoàn được thành lập lần đầu tiên ở đây.

- Và ân đức to lớn thứ ba của Ngài đối với hàng hậu học, Ngài thuộc lòng tất cả Phật ngôn để truyền lưu lại cho muôn đời sau.

Với ba lý do đó, người dân Vesāli (Tỳ Xá Ly) xây tháp Ardhanga tưởng nhớ ân đức của Ngài Ānanda (A Nan) trong khuôn viên tịnh xá Kutagarasala - đây là tịnh xá Đức Phật ngụ khi dừng chân tại Vesāli (Tỳ Xá Ly) và Ngài cũng nhập hạ ở đây. Bảo tháp được xây dựng theo kiến trúc hình bình bát úp, bên trên





có ba tầng lọng trắng. Khi đại đế Asoka (A Dục) đến viếng nơi này, Bảo tháp và các công trình trong khuôn viên được trùng tu lại, đồng thời cho dựng trụ đá để kỷ niệm. Đến thời Kushan, tự viện và những công trình xung quanh đã sụp đổ chỉ còn lại Bảo tháp và trụ đá, Bảo tháp lại được trùng tu một lần nữa với chiều rộng 65m và chiều cao là 15m.

Sau hơn 25 thế kỷ dầm mưa dãi nắng, Bảo tháp xưa đã bị hư hại nặng, giờ chỉ còn là một tháp gạch đặc, chiều cao không đến 10m. Có điều đặc biệt là phía nam của Bảo tháp, trụ đá vẫn còn vẹn nguyên; chú sư tử ngồi uy mãnh trên đỉnh trụ, nhìn về phía Kusinārā (Câu Thi Ca) nơi Phật nhập Niết-bàn. Trụ đá cao 11m, thân trụ không ghi lại pháp lệnh hay sự kiện đại đế Asoka (A Dục) đã đến đây, chỉ có vài hình vẽ chim khổng tước, biểu tượng của Đế chế Mauryā (Khổng Tước) và ít dòng chữ đã mờ của thời kỳ Gupta.

Nơi đây, ngài Ānanda (A Nan) đã tụng kinh Paritta (Kinh hộ trì) khiến cho tất cả thiên tai dịch họa thảy điều tan biến. Và Tăng đoàn chúng tôi sau khi đi nhiễu quanh Bảo tháp cũng ngồi lại, cùng nhau đọc tụng bài kinh Paritta (Kinh hộ trì); cầu mong nhờ năng lượng tốt lành này, dịch bệnh thiên tai trên thế giới cũng bớt được phần nào, mong thay!

Hôm sau, chúng tôi đi bát từ tháp Ardhanga sang chùa Thái ở đây. Dân chúng vùng này cũng không khá giả lắm nhưng thấy chư Tăng đi khất thực, họ cũng mang ít nhiều thức ăn ra cúng dường. Về vật thực ấy, chúng tôi trộn lại rồi chia nhau thọ dụng. Sau giờ ăn trưa chúng tôi tắm giặt phơi phóng. Khi cái nắng gắt

qua đi, Tăng đoàn đắp y vai trái đi ra khuôn viên Bảo tháp Xá-lợi đảnh lễ, đây là Bảo tháp nước cộng hòa Licchavi xây dựng để thờ xá lợi Phật được thỉnh về từ Kusinārā (Câu Thi Ca).

Có một điều hết sức đặc biệt là tất cả các Bảo tháp thờ Xá-lợi xưa, Xá-lợi đều được đặt trong hộp đá và đặt dưới mặt đất. Năm 1962, tiến sĩ A.S. Altekar đã khai quật Bảo tháp này, đã tìm thấy hộp đá đựng Xá-lợi Phật, hiện hộp Xá-lợi này đang được trưng bày tại bảo tàng Patna. Vùng này thường hay bị lũ vào mùa mưa nên Bảo tháp đã bị phá hủy hoàn toàn; ngày nay, Bảo tháp chỉ còn lại một nền móng có mái vòm che mưa chắn nắng. Xưa Bảo tháp được xây bằng gạch và bùn đất có chiều rộng 8.7m, đến thời đại đế Asoka (A Dục) tu sửa thành 12m nhưng những trận lũ liên tiếp đã khiến tháp đổ sập chỉ còn nền móng trơ trọi như hiện nay.

Mùa này, những rặng liễu xung quanh Bảo tháp nở hoa đỏ rực đung đưa dưới nắng, đoàn chúng tôi đi nhiễu quanh Bảo tháp ba vòng rồi ngồi lại nghe trưởng đoàn giới thiệu về lịch sử nơi này và tụng kinh, ngồi thiền ở đây; ánh nắng chiều nghiêng nghiêng, bóng các nhà Sư đổ dài bất động, bóng cây liễu đung đưa.

Đêm xuống, đoàn nghỉ ở ngôi chùa Thái, ngoài đồng xa tiếng chim "cho-rao" kêu khắc khoải gọi hè về! Những cơn gió miên man đem theo hơi nóng phả vào lều từng đợt, len lén đi cả vào giấc ngủ, tôi trở giấc, mồ hôi ướt sũng…

Bảo tháp Kesariya

Bảo tháp Ardhanga, nơi tưởng nhớ ân đức của Ngài Ānanda (A Nan)

Bảo tháp thờ Xá-lợi Phật ở Vesālī (Tỳ Xá Ly)

# Kỳ XXX

# ĐẠI HỌC VIKRAMSHILA

*Ngày 29 tháng 3 năm 2023*

**“Lời kinh trên nền xưa tháp cũ vang vang**
**theo làn khói hương bay cao, cao mãi hòa vào hư không”**

Hôm nay, đoàn chúng tôi đi qua sông Hằng đến thành phố Patna. Lúc xưa, đây là thành phố Pāṭaliputta (Hoa Thị Thành) thuộc vương quốc Magaddha (Ma Kiệt Đà), dưới quyền cai trị của vua Ajātasattu (A Xà Thế). Thành phố là cửa ngõ giao thương sầm uất từ xưa cho tới nay, nhờ giao thông thuận tiện cả thủy lẫn bộ.

Đoàn chúng tôi ghé thăm di tích chùa Arogya nơi 2.000 vị Thánh Tăng và tỳ-khưu tụ về kết tập Phật ngôn lần thứ ba vào khoảng 218 năm sau khi Phật Niết-bàn, do vua Asoka (A Dục) bảo trợ. Giờ đây, khuôn viên chùa thuộc công viên Arogya rộng tầm 10ha. Người địa phương vào tập thể dục không mất vé vào cửa, cư dân ngoài thành phố vé 7.000 đồng, người ngoại quốc 150.000 đồng và chúng tôi chỉ cần mua vé của người ngoài thành phố, thật là một sự du di đối với tu sĩ.

Công viên được bao phủ bởi diện tích lớn cây cao bóng cả, những trảng cỏ xanh rì được cắt xén cẩn thận. Phía xa xa,ngôi nhà mái bằng che trụ đá đã gãy và nhiều mảnh đá vỡ. Bên cạnh đó là hồ cạn, nơi khi xưa là chánh điện diễn ra cuộc kết tập Phật ngôn lần thứ ba với nền móng được chôn sâu bởi tổng thể 73 trụ đá. Nhìn những cọc đá còn lại cũng biết được quy mô nơi này từng rộng lớn kinh khủng.





Đây đó trong khuôn viên là những hồ nước, phía dưới hồ và dưới lòng đất còn rất nhiều nền móng của phòng ốc, đền viện. Người ta chỉ xây dựng lại một ít trên mặt đất để du khách biết nơi đây là khu vực khảo cổ. Khi không đủ kinh phí bảo tồn thì hoàn thổ trở lại, sẽ bảo vệ di tích được lâu hơn.

Sau khi đảnh lễ và tụng kinh ở Arogya, đoàn chúng tôi dự định ghé thăm bảo tàng ở thành phố Patna này, để đảnh lễ Xá-lợi Phật đang trưng bày ở đây. Nhưng không may thay, hôm nay rơi vào thứ hai, là ngày bảo tàng đóng cửa. Người giữ cửa nói rằng những ngày cuối tuần lượng khách đến đây rất đông, nhân viên bảo tàng làm việc cuối tuần nên nghỉ bù vào ngày đầu tuần. Điều này cũng hợp lý nhưng quả thật là đáng tiếc khi chúng tôi lỡ dịp chiêm bái đảnh lễ Xá-lợi Phật. Chúng tôi chắp tay đảnh lễ từ xa và rời đi, nhằm hướng Vikramshila thẳng tiến.

Vikramshila cách Patna tầm hơn 250km về phía Đông, chúng tôi đi men theo con sông Hằng linh thiêng cuồn cuộn chảy. Con nước cũng xuôi dòng theo hướng chúng tôi đi. Những cây cầu dài vắt ngang sông, khi thì bên này, khi thì bên kia sông, đoàn chúng tôi đội nắng đi về phía trước. Có đoạn đường tầm 70km hai bên trồng những cây bún và sầu đông xen kẽ nhau. Đương mùa hoa, những cây sầu đông hoa li ti màu tim tím, nhiều cây hoa bún nở rộ từng chùm trắng vàng che khuất cả lá. Con đường mùa xuân dài mải miết, xanh mơn đầy hoa phủ thật đẹp, chúng tôi núp mình dưới bóng cây những buổi trưa nóng. Men dọc bờ sông, những cánh đồng lúa mì đã chín vàng, những thửa ruộng ngô đang ra quả, bắp ngô béo ú, hoa ngô phảng phất thơm dịu, màu xanh trù phú miên man, gió sông mát rượi làm tan đi cái nắng gắt của những chặng đường xa ngái.

Đây là lần đầu tiên đoàn du Tăng chúng tôi ghé đến vùng này, mỗi khi chúng tôi dừng lại nghỉ chân, người dân hiếu kỳ kéo ra xem lũ lượt. Sau khi đi bát về, chúng tôi tụng kinh quán tưởng và thọ thực thì hàng trăm ánh mắt quan sát và không ngừng chỉ trỏ bàn luận. Chúng tôi thấy cũng như *"chộ"* mà thôi, chánh niệm đặt trước mặt và từ tốn thọ thực. Khi chiều về, lều trại được đặt xuống, chúng tôi bung lều trại lên là họ đến từng lều hỏi thăm. Họ nói tiếng Ấn, tôi trả lời bằng tiếng Việt nhưng cũng hiểu nhau. Họ hỏi chúng tôi là ai, đi đâu, cái lều này xếp thế nào, bạn có thể xếp cho tôi xem không và tối nay các bạn có nấu ăn gì không,... thôi thì cả trăm câu hỏi. Chúng tôi dặn nhau ai không muốn trả lời hãy im lặng, họ sẽ đi qua hỏi người khác, ai vui lòng trả lời thì hãy vui vẻ. Nhưng ai trả lời là người dân bu quanh, chật kín đến không muốn thở nổi.

Những bàn chân di chuyển làm tung bụi mù, rồi cái nắng nóng cũng qua đi, thật bất ngờ chúng tôi nhận được cơn mưa rào ướt sũng mát rượi. Đi đây chả mấy khi được tắm nước sạch và mát mẻ thế này nên ai cũng cười. Nhưng một cơn, hai cơn, rồi một ngày, hai ngày và ba ngày, nụ cười tắt lịm. Mưa rào rào cứ thế hắt vào mặt, đôi môi ai nấy tím bầm đi, người ướt sũng run run. Lều chúng tôi cơ bản là loại lều không thấm nước nhưng đã sử dụng nhiều ngày liên tục nên lớp nhựa đã bong tróc và mòn vẹt hết cả nên mưa xuống nước theo các đường mòn thấm vào bên trong. Đêm ngủ, phía trên lều chúng tôi che thêm một hoặc hai lớp bạt để ngăn mưa, khi dựng lều thì lựa chỗ cao không bị đọng nước, nhưng đó là điều kiện lý tưởng. Có nhiều vị đi tới điểm dừng chân muộn vì nhiều lý do, khi ấy trời đã tối, không nhận ra được chỗ nào thấp chỗ nào cao, thấy nơi trống thì dựng





lều thôi, y như rằng đêm mưa nước đọng lại, thấm từ dưới lên, sáng dậy y áo ướt sũng, nhìn thật thương.

Có nhiều khi mưa quá lớn, nước giữa đồng dâng nhanh, từng chiếc lều nổi lên như những ốc đảo giữa dòng nước đục, những đôi dép không kịp cất vào liền bị nước cuốn đi. Nước vây quanh, thấm dần vào lều, thấm dần vào đồ, thấm dần vào giấc ngủ và ký ức chúng tôi. Những đêm như thế này, lựa được một chỗ cao, ngụ trong một mái nhà thật quý giá biết bao. Nhiều ngày nắng mồ hôi ướt rượt, rồi mưa xuống y áo chưa kịp khô lại ướt khiến da bị ẩm mọc nấm. Chúng tôi không "tha thu" mà hoa văn cũng tự hiện, những hoa văn có một không hai, nó không đau, chỉ ngứa thôi.

Rồi một buổi trưa, chúng tôi cũng đến được Vikramshila - Trường Đại học Phật giáo, được Hoàng đế Dharmapāla (Pháp Hộ 783-820) sáng lập trong khoảng cuối thế kỷ thứ VII, đầu thế kỷ thứ VIII. Khi nhận thấy sự suy giảm chất lượng giảng dạy ở Nālanda và sự phân chia truyền thống hệ phái mạnh mẽ đang diễn ra ở đây, Hoàng đế Dharmapāla (Pháp Hộ) đã cho xây dựng Vikramshila để phát triển dòng Phật giáo Kim cương thừa. Thời kỳ đỉnh cao, nơi đây từng có hàng trăm giáo sư và hơn 1.000 học sinh theo học. Rất nhiều học giả ưu tú theo học ở đây trước khi ra nước ngoài hoằng pháp. Atisha Dipañkāra (982-1054) là một đại sư và là người sáng lập Tân phái (Sarma) của Phật giáo Tây Tạng, từng theo học ở đây.

Vikramshila khi ấy phát triển không thua Nālanda là mấy, đến năm 1193, khi Bakhtiyar Khalji đánh bại Lakshmana Sena, vị vua người Hindu cuối cùng của Bengal thì Vikramshila bị

tấn công và thiêu hủy. Trong đêm đen, đội quân của Bakhtiyar Khalji tưởng đây là một thành trì nên tấn công và thiêu hủy nó. Sau đó ngôi trường bị quên lãng hàng thế kỷ, đến khi Lakshmi Kanta Mishra tìm thấy gạch ngói và cấu trúc ngôi trường từ một gò đất ở làng Antichak. Ông gửi những viên gạch đến đại học Patna để nghiên cứu, Khoa Khảo cổ học của trường và ASI (The Archaeological Survey of India - Nghiên Cứu Ấn Độ) bắt đầu khai quật khu vực này trong giai đoạn 1960-1969. ASI (The Archaeological Survey of India - Nghiên Cứu Ấn Độ) tiến hành một cuộc khai quật khác và tìm thấy một khu vực tu viện lớn và bảo tháp hình chữ thập ở trung tâm. Di tích này hiện chiếm diện tích khoảng 4.000m$^2$. Xung quanh tháp chính có 208 phòng ốc dành cho các giáo sư ở để giảng dạy ở đây.

Đến nơi này, chiêm quan viện bảo tàng chúng ta dễ dàng nhận ra đây đích thực là di tích của dòng Phật giáo Kim cương thừa, các bức tượng, các loại hoa văn đều nói lên đều đó, rất tiếc trong bảo tàng không được chụp hình, nếu cho phép tôi sẽ chụp để quý vị dễ hình dung. Rời bảo tàng, tôi đi vào khuôn viên chính của Vikramshila, trước mắt tôi là những trảng cỏ xanh phẳng lì và những phòng ốc bao quanh tháp chính về tứ phía như tường thành.

Quý vị có thể hình dung thế này, tháp chính của trường là một dấu cộng (+), cách tháp chính ra tầm 100m là phòng ốc kéo dài theo hình vuông bao quanh tháp chính như một bờ tường vững chắc, chính kiến trúc này đã làm cho quân địch trong đêm đen nhầm tưởng đây là thành lũy. Thời gian đã vùi lấp quá lâu,





khi khai quật nơi này thì chỉ còn một ít nền móng của phòng ốc, tháp chính xưa cũng sụp đổ gần hết, những bức tượng và những trụ đá có hoa văn đã được mang vào bảo tàng trong khuôn viên để trưng bày bảo quản.

Sau khi đi tự do ngó nghiêng nơi này nơi kia, chúng tôi tập trung lại trên nền cao của tháp chính để mở khóa kinh hồi hướng phước báu mà chúng tôi đã làm được đến chư thiên, phi nhân, thọ thần cư ngụ nơi đây. Lời kinh trên nền xưa tháp cũ vang vang theo làn khói hương bay cao, cao mãi hòa vào hư không, mấy đám mây hững hờ trôi thả rơi bóng mình trên tường gạch lổ loang, đầu tường lú nhú mấy cụm cỏ xanh.

Đại học Vikramshila

Chùa Arogya, nơi 2000 vị thánh Tăng và tỳ-khưu
tụ về kết tập Phật ngôn lần thứ ba

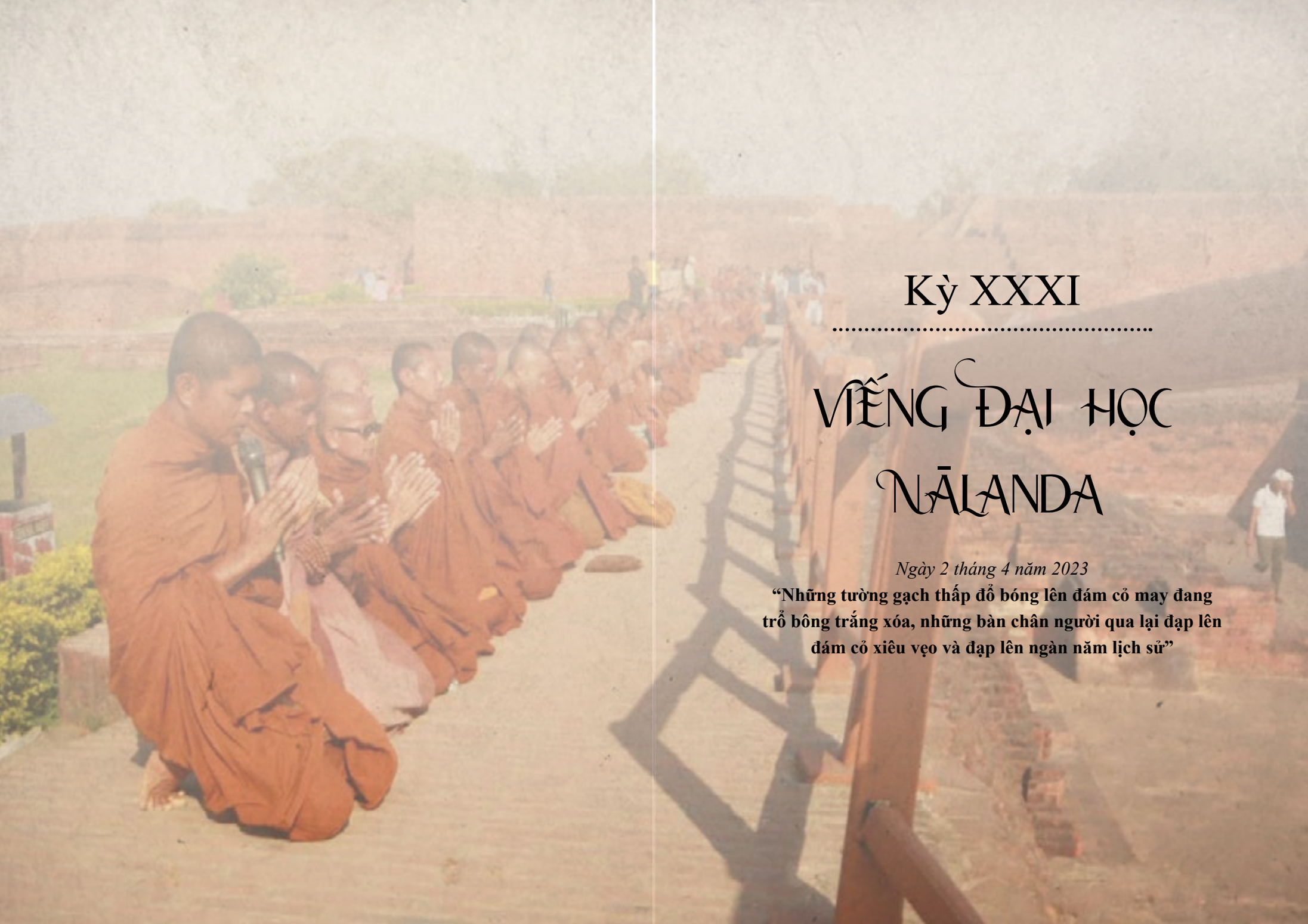

# Kỳ XXXI

# VIẾNG ĐẠI HỌC NĀLANDA

*Ngày 2 tháng 4 năm 2023*

**"Những tường gạch thấp đổ bóng lên đám cỏ may đang trổ bông trắng xóa, những bàn chân người qua lại đạp lên đám cỏ xiêu vẹo và đạp lên ngàn năm lịch sử"**

Chúng tôi lại đi dọc bờ sông Hằng, ngược con nước về phía Nālanda. Đôi bờ, những ruộng lúa chín vàng, những thửa ngô xanh mướt quả to bự. Con đường bên bờ sông sau những cơn mưa không còn tung bụi, gió sông thổi tà y bay bay thật đẹp. Những chú én không ngừng chao lượn kiếm ăn, bầy chim chiền chiện, chìa vôi nhí nhảnh tí tách nhảy dọc những bờ ruộng; đàn trâu đen trũi dầm mình tắm mát dưới sông cũng ngạc nhiên ngước nhìn đoàn chúng tôi đi qua.

Những lò gạch nhấp nhô; đất ở đây có nhiều chất sét nên chỉ cần nhào nước bỏ vào khuôn, phơi khô nung lên là thành gạch. Nhưng mấy hôm nay trời mưa, mưa quá lớn sân thành hồ; những viên gạch đất chưa nung phơi giữa sân lại mủn ra thành bùn, bao mồ hôi công sức bỗng trôi theo dòng nước. Nhìn những cảnh này sao thật thương, những người nghèo khổ luôn là những người dễ bị ảnh hưởng khi có biến cố xảy ra.

Mấy đêm liền, buổi tối chúng tôi hạ trại cạnh bờ sông. Các vị rủ nhau ra sông tắm giặt. Đứng nhìn sông Hằng từ trên cao thấy rộng mênh mang, hai bên bờ là những bãi bồi xanh mướt; cạnh sông và giữa sông là những bờ cát dài như





bất tận; trông ra sông rộng mà cảm giác như đứng trước biển. Gió sông lồng lộng, những cồn cát giữa sông tung bụi mù; những con thuyền qua lại trên dòng nước trông nhỏ bé và mong manh quá đỗi.

Chúng tôi dừng chân ngủ cạnh bờ sông thì mát, nhưng gió lớn, khi bung lều ra phải lấy hành lý chặn hai đầu lều chứ không là nó bay mất. Những đêm ngủ cạnh sông thật thích, vừa mát vừa đỡ ruồi muỗi. Mùa này nắng lên, trên đất Ấn này, ruồi nhiều vô kể, muỗi có thể ăn luôn thịt người chứ chả chơi.

Sau những chặng đường dài, chúng tôi cũng kịp đến Nālanda khi trời sẫm tối. Ở khu vực này có chùa Thái nên chúng tôi xin vào chùa ngủ, sáng hôm sau mới đi chiêm quan. Vùng này vốn là làng của ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất), là bậc tướng quân của chánh pháp, người thay Đức Thế Tôn giảng pháp đến tứ chúng mỗi khi Ngài vắng mặt. Đặc biệt, Ngài là người được Đức Thế Tôn chỉ định giảng giải sâu rộng Abhidhamma (Vi Diệu Pháp) đến chư Tăng Ni. Nên từ đó, ngoài là vị huynh trưởng, bậc tướng quân của chánh pháp, Ngài còn được gọi bằng cái tên trìu mến là Nālanda (Người trao tri thức).

Khi biết thọ hành của mình sắp chấm dứt Ngài bạch Phật xin phép được nhập Niết-bàn trước. Nơi Ngài nhập Niết-bàn là căn phòng Ngài sinh ra. Mặc dù anh em Ngài theo Phật xuất gia và đều là những bậc thánh kiệt xuất nhưng mẹ Ngài vẫn không tin Phật mà còn hằn học với các vị Sa-môn là đằng khác. Bà nghĩ vì các vị Sa-môn đã dụ dỗ mà con bà bỏ nhà sống "cù bất cù bơ" hết

đứa này đến đứa khác! Ngài phải dùng cả sinh mạng mình để cho mẹ thấy được oai đức Tam Bảo mà quy ngưỡng trở thành một Phật tử thuần thành. Khi mẹ Ngài thấy được pháp là lúc Ngài từ bỏ thọ hành vô dư Niết-bàn. Ôi bậc đại hiếu muôn triệu năm mới xuất hiện một lần![1]

Sáng ngày, chúng tôi đắp y mang bát đi vào làng khất thực, dân làng ở đây cũng nghèo lắm nhưng khi thấy đoàn chúng tôi, ai có gì ăn được là người ta mang ra cúng, người cúng ngô, người cúng gạo, người cúng khoai tây, ớt cà đủ cả. Năm nào khi đến đây, chúng tôi đều vào làng khất thực nên dân làng không lạ lẫm khi thấy cả đoàn chư Tăng đi bát.

Điểm cuối cùng đi bát là nền nhà của ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) xưa. Nhìn nền gạch còn lại mênh mông cũng biết được lúc ấy nhà của ngài là cự phú vùng này. Trên nền gạch ấy, hiện nay chỉ còn lại một ngôi đền, trong đền đặt một tượng Phật bằng đá đen; ngôi đền chật chội cửa sắt khóa chặt, nhìn vào cảm giác như pho tượng bị nhốt lại vậy. Sau khi giảng cho các vị mới đi tới đây lần đầu biết nơi này là nơi ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) xả bỏ báo thân đáp đền ơn sinh thành; vị trưởng đoàn bắt thời kinh để hồi hướng phước báu đến chư thiên, phi nhân, thọ thần luôn cư ngụ và bảo vệ nơi này.

Lời kinh Pāḷi vang vang, lẫn trong lời kinh ấy là một vài tiếng khóc to, tiếng khóc như một cơn dịch bệnh lây lan nhanh;

[1] Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) thật sự mới là đệ nhất đại hiếu, ngài Moggallāna (Mục Kiền Liên) chỉ là đệ nhị đại hiếu.





chỉ còn một vài vị tụng kinh, đa số im lặng thút thít, một số vị chạy ra góc xa khóc lớn, tôi cũng nhanh chân đi ra xa lau đi đôi dòng lệ.

Vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch, Đại đế Asoka (A Dục) đóng đô ở Pāṭaliputta (Hoa Thị Thành), cách ngôi làng xưa của ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) 73km; đã hạ lệnh xây dựng một ngôi chùa tại đây và đặt tên là Nālanda (Người trao tri thức). Hai Bảo tháp lớn được xây trong khuôn viên chùa để tưởng niệm ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) và Moggallāna (Mục Kiền Liên), hai người con kiệt xuất của mảnh đất này[1]. Sau khi xây dựng xong, đại đế Asoka thỉnh mời những vị Tăng uyên thâm Phật pháp đến đây trú ngụ, tiếp tục công việc hoằng truyền kiến thức Phật học đến tứ chúng. Đức vua còn ban sắc lệnh cho 5 ngôi làng lân cận Nālanda không cần phải nộp thuế cho triều đình, mà họ có bổn phận cúng dường tứ sự và lo cho chùa Nālanda mà thôi. Hâm mộ danh tiếng những vị Sư uyên thâm Phật pháp ở đây, những người tầm cầu học Phật đã đến Nālanda xin học rất đông, chẳng mấy chốc chùa trở thành trường học, vang danh toàn cõi Ấn Độ.

Sau khi Đế chế Mauryā (Khổng Tước) diệt vong, đến thời hoàng triều Gupta (giữa thế kỷ III đến thế kỷ VI), tiếp tục ủng hộ việc truyền trao kiến thức nơi đây, Nālanda (Na Lan Đà Tự) được mở rộng quy mô lưu trú, mở rộng kiến thức giảng dạy thành nhiều tông hệ phái, nhiều bộ môn như triết học, văn học, thiên

[1] Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) còn có tên là Upatissa (tên làng), ngài Moggallāna (Mục Kiền Liên) còn có tên là Kolita (tên làng). Hai làng ở gần nhau. Vì thân sinh của ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) là trưởng giáo, thân sinh của ngài Mục Kiền Liên là lý trưởng nên được quyền lấy tên làng đặt tên cho con.

văn học, y học, số học, đạo học... và Nālanda (Na Lan Đà Tự) trở thành trường đại học Phật giáo đầu tiên trên thế giới. Những vị Tăng điều hành nơi đây, kiến thức và uy tín đã vượt ra khỏi quốc gia của mình… như Ngài Giới Hiền, Vô Trước, Thế Thân, Long Thọ.

Vào thế kỷ VII, khi sang Tây trúc thỉnh kinh, Đường Huyền Trang đã xin học ở ngôi trường Nālanda (Na Lan Đà Tự) này 13 năm. Lúc ấy ngài Giới Hiền làm viện trưởng, giáo sư trong trường khoảng 1.500 vị và hơn 10.000 học sinh, Nālanda (Na Lan Đà Tự) đạt đến đỉnh cao. Nhưng do sự phát triển quá đà, kéo theo sự phân chia hệ phái rõ rệt trong giáo trình và chất lượng giảng dạy cũng có dấu hiệu suy giảm nên Nālanda bắt đầu đi xuống…

Vào khoảng thế kỷ VIII, tình hình chính trị Ấn Độ không ổn định đã ảnh hưởng đến Nālanda (Na Lan Đà Tự) rất nhiều. Thêm vào đó, sự sa sút về giới hạnh của một số Tăng sĩ đã ảnh hưởng đến sự phát triển của Nālanda (Na Lan Đà Tự). Điểm quan trọng nhất là đội quân Hồi giáo do vua Bahktiyar Khilji chỉ huy đã đặt ách thống trị trên đất nước Ấn Độ và nhà vua này không kính trọng một tôn giáo nào khác ngoài Hồi giáo. Ông đã ra lệnh đuổi hoặc giết các Tăng sĩ Phật giáo, phá hủy chùa, tháp, tịnh xá, đập nát các tượng Phật, Bồ-tát và thiêu đốt kinh sách.

Mặc dù Phật giáo tại Ấn Độ bị pháp nạn và Nālanda (Na Lan Đà Tự) cùng chịu chung hoàn cảnh này, nhưng không có nghĩa là Nālanda (Na Lan Đà Tự) đã hoàn toàn biến mất khỏi Ấn Độ.





Trong thời kỳ hình thành và phát triển, Nālanda (Na Lan Đà Tự) đã có những đóng góp quan trọng cho nền Phật giáo Ấn Độ nói riêng và Phật giáo thế giới nói chung.

Mãi đến thế kỷ XIX, người ta mới tìm lại được dấu tích Nālanda (Na Lan Đà Tự) và tiến hành khai quật trong khuôn viên rộng tầm 14ha; rất nhiều nền bảo tháp, tịnh xá, phòng ốc, giếng nước được phát hiện; cùng với đó là rất nhiều tượng Phật, con dấu, mảnh đồng, pháp khí được tìm thấy. Ngày nay, những mẫu vật này được trưng bày ở bảo tàng địa phương.

Buổi chiều, khi nắng gắt qua đi đoàn chúng tôi xếp hàng trang nghiêm đi vào khuôn viên Nālanda (Na Lan Đà Tự) xưa, vừa đi vừa tụng ân đức Tam Bảo. Sau khi nhiễu quanh khu vực hai ngôi Bảo tháp lớn tưởng niệm Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) và Moggallāna (Mục Kiền Liên), chúng tôi ngồi lại nghe trưởng đoàn giới thiệu về lịch sử nơi này. Nhiều vị Tăng mới đi đến đây lần đầu, rùng mình nhìn quanh, bởi nơi đây, hơn 10.000 sinh viên của nhiều quốc gia Phật giáo và hơn 1.500 giáo sư bị quân đội Hồi giáo sát hại, máu họ đã chảy hòa chung với đất, thây họ đã bị đốt cùng ngôi trường nổi tiếng một thời này!

Sau lời giới thiệu, chúng tôi được tự do đi lại trong khuôn viên tùy thích cho đến khi đóng cửa, tôi đã đến đây nhiều lần nên cũng không muốn đi ngó nghiêng gì. Tôi lựa một bóng cây ngồi xuống đưa mắt nhìn xa, những tường gạch thấp đổ bóng lên đám cỏ may đang trổ bông trắng xóa; những bàn chân người qua lại đạp lên đám cỏ xiêu vẹo và đạp lên ngàn năm lịch sử. Trong mắt của em bé trong veo, hoàng hôn về tím sẫm…

Dọc bờ sông Hằng

Đại học Nālanda (Na Lan Đà Tự)

Đảnh lễ Bảo tháp tưởng niệm ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) trong khuôn viên đại học Nālanda (Na Lan Đà Tự)

# Kỳ XXXII

# CHUNG

*Ngày 5 tháng 4 năm 2023*

**“Trong tâm tôi, sau hành trình cội Bồ-đề cũng thay lá đung đưa vươn lên trên nền trời xanh”**

Rời Nālanda khi đêm vẫn còn đen, khi con ong vẫn say giấc nồng chưa đi tìm mật, Tăng đoàn nhằm hướng Rājagaha (Vương Xá Thành) cất bước. Chặng này 12km, chúng tôi đi một nhịp tới khi bình minh lên là đến.

Ánh dương ló dạng, xa xa là một dãy núi đá chắn ngang tầm mắt, kinh đô của vương quốc Māgadha (Ma Kiệt Đà) xưa nằm phía sau ấy. Mùa này nắng nóng, những bụi cây trên núi lá đã vàng, những trảng cỏ khô cháy, những chú dê mải miết nhặt lá khô nhai sột soạt một cách ngon lành.

Điểm ghé đầu tiên của đoàn chúng tôi là Veḷuvana Vihāra (Trúc Lâm Tịnh Xá), được vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) dâng cúng đến Đức Phật cùng Tăng chúng. Ngôi tịnh xá này là ngôi chùa đầu tiên của Phật giáo, ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) đích thân giám sát thi công xây dựng cho kịp Đức Phật và Tăng chúng có chỗ an trú nhập hạ thứ hai (mùa hạ ở Ấn Độ là mùa mưa). Thật kỳ diệu thay! Không gian thánh tích xưa, đường xa nóng nực nhưng khi vào khuôn viên tịnh xá thì mát rượi. Cái mát từ bóng cây, từ hơi nước, mát như ngôi nhà của mẹ sau những dặm dài oi ả. Năng lượng mát mẻ ấy lan len đến từng chân tơ kẽ tóc, thấm vào cả những ngõ ngách của tâm hồn.

Sau thời kinh ngắn, trước pho tượng đá đặt trong khuôn viên, trưởng đoàn ra hiệu cho chúng tôi có thể tự do chiêm bái nơi này





30 phút. Vậy mà quá nửa trong chúng tôi nghe trưởng đoàn nói mà không phản ứng gì, vẫn ngồi im một chỗ! Ồ, hóa ra các vị ấy đang ngủ. Chắc do những ngày nắng nối dài nay đã mệt, lại thêm khi đến nơi đây như được về nhà nên các vị ngủ ngon lành. Trưởng đoàn lại ra dấu hãy để cho các vị ấy ngủ, chưa đến giờ đi không cần phải kêu dậy.

Điểm đến tiếp theo là thạch động Sattapannaguhā (Thất Diệp), núi Vebhāra thành Rājagaha (Vương Xá); nơi này không xa Veḷuvana Vihāra (Trúc Lâm tịnh xá) lắm. Đây là nơi diễn ra cuộc kết tập Phật ngôn lần thứ nhất do Ngài Mahā Kasappa (Đại Ca Diếp) làm chủ tọa, ngài Upāli (Ưu Bà Ly) tuyên đọc về Luật, Ngài Ānanda (A Nan) tuyên đọc về Kinh. Cuộc kết tập này có tất cả 500 vị A-la-hán tham dự, được vua Ajātasattu (A Xà Thế) bảo trợ, sau 7 tháng thì hoàn thành.

Các vị mới tới đây lần đầu, khi nghe được đến nơi kết tập Phật ngôn lần thứ nhất thì háo hức lắm, vội đi nhanh trên con đường đá nhỏ dẫn lên núi. Không xa đỉnh núi Vebhāra là thạch động Sattapannaguhā (Thất Diệp), khi tôi đến nơi nhiều vị từ trong hang động đi ra mặt ngơ ngác hỏi:

- Đây là nơi kết tập Phật ngôn lần thứ nhất à?

Tôi gật đầu, vị ấy lại hỏi tiếp:

- Sao nó nhỏ vậy, nhỏ xíu vậy rồi làm sao chứa được 500 người?

Tôi cười rồi hỏi vị ấy:

- Có phải trước khi đến đây Sư tưởng tượng một hang động to đẹp, lớn rộng lắm phải không?

Vị ấy gật đầu, tôi tiếp:

- Đây quả thật là thạch động Sattapannaguhā (Thất Diệp), nơi kết tập Phật ngôn lần thứ nhất, điều kiện để các vị được tham dự lần kết tập này là những vị A-la-hán có thắng trí, nên với thần thông lực của các ngài thì 500, 1.000 hay hàng triệu vị ở trong không gian này thì vẫn ổn phải không Sư?

Khi nghe tôi nói vậy, vị ấy gật đầu đồng ý, khuôn mặt đã giãn ra không còn đăm chiêu nữa.

Sau cuộc viếng thăm thạch động Sattapannaguhā (Thất Diệp), chúng tôi ghé qua một Bảo tháp gạch đã xiêu vẹo rêu phong quá đỗi, Bảo tháp Maniyar. Đây là Bảo tháp thờ loài rồng, trong các lần khai quật xung quang Bảo tháp người ta đã tìm được rất nhiều tượng Nàga (rồng). Nàga ở đây là một loại rắn lớn có thần lực, được ghi lại nhiều trong kinh điển và được dịch là rồng, nhưng không giống hình ảnh loài rồng Việt Nam hay rồng Trung Quốc.

Khuôn viên Maniyar nhỏ xinh, thân Bảo tháp xưa lún sâu xuống đất, những bức tường gạch không chịu nổi áp lực của thời gian nên cong vênh muốn đổ sập. Để bảo vệ, người ta cho dựng một mái tôn phía trên để che mưa đỡ nắng cho Bảo tháp. Trước tháp là một khoảng sân gạch cao rộng để tế lễ.

Cách không xa nơi này về phía tây bắc là động đá Sonabhandana, hang động được con người tạo dựng để chứa vàng bạc hay còn gọi là kho tàng thuộc triều đại vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) và vua Ajātasattu (A Xà Thế).





Các triều đại sụp đổ nơi đây trở thành hoang phế. Vào thế kỉ III-IV, có vị Tăng vào động này trú ngụ, đã vẽ lên tường hang động một bức tượng Phật lớn. Dù đã trải qua hơn 16 thế kỷ, bức bích hoạ nay vẫn còn. Đảnh lễ tượng Đức Thế Tôn, chúng tôi lại tiếp tục lên đường.

Đi từ xa, chúng tôi thấy một ngọn tháp trắng trên đỉnh núi, đây là tháp của phái Nhật liên tông xây trên núi Gijjhakūṭa-giri (núi Linh Thứu). Đường lên núi có cả cáp treo và lối đi bộ, chúng tôi chọn cuốc bộ đi lên cho "giãn chân, giãn cẳng"; hai bên đường là hàng quán và người ăn xin. Chúng tôi không có nhiều thời gian ở Vương Xá nên chỉ đi thoáng qua. Tôi đi thẳng lên nền hương thất của Đức Phật đảnh lễ, đặt lên tường gạch một vòng hoa, đảnh lễ một lần nữa rồi ra về. Tôi còn ghé qua vườn xoài của thần y Jīvaka (Kỳ Bà), vị thầy thuốc đã tận tụy cả cuộc đời vì Đức Phật, Tăng chúng và hoàng gia.

Chúng tôi lại tiếp tục lên đường, ghé thăm nơi vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) bị con trai mình là Ajātasattu (A Xà Thế) cầm tù. Nghe lời xúi giục của Devadatta (Đề Bà Đạt Đa), vua Ajātasattu (A Xà Thế) đã nhẫn tâm giam cầm cha mình cho đến chết. Vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) là một vị thánh hiền thiện, một vị vua vĩ đại và một người cha tiêu biểu trên thế gian. Khi mẹ Ajātasattu (A Xà Thế) mang thai, bà bệnh xanh xao vàng vọt, bà thèm vài giọt máu từ tay của đức vua; các vị lương y đã tận tình thuốc thang bà vẫn không khỏe. Là vợ chồng đầu gối tay ấp, mãi rồi bà cũng thổ lộ ý muốn ấy với

đức vua. Biết không có được vài giọt máu ấy bà sẽ chết, đứa con chưa sinh cũng sẽ chết theo; đức vua không ngần ngại lấy dao cắt đầu ngón tay mình nhỏ vào ly thuốc đưa cho bà uống; lạ lùng thay từ đó bà khỏe mạnh và sinh hạ một hài nhi khá khỉnh khôi ngô.

Khi biết chuyện ấy, các vị quan đại thần đã tâu với đức vua rằng, có kẻ thù đã đầu thai để gây hại cho đức vua, họ khuyên đức vua hãy giết thái tử vì an nguy xã tắc. Là một vị thánh cư sĩ, đức vua đã nói:

- Nhân đã gieo rồi quả sẽ trổ thôi, trẫm vui vẻ nhận lãnh, các khanh chớ có lo.

Rồi đứa con ấy lớn lên, được ăn học trong tình thương của người cha. Khi đã lớn khôn Ajātasattu (A Xà Thế) được phong Đông Cung thái tử, người sẽ kế vị ngai vàng.

Nhưng mãi vẫn thấy cha mình khỏe mạnh, chưa có vẻ suy kiệt đau bệnh và chết trong nay mai. Mong muốn có được ngôi báu, ông đã giấu thanh đoản đao trong tay vào cung hành thích đức vua. Khi thấy con mình vội vã vào cung có biểu hiện lạ, đức vua đã hỏi và Ajātasattu (A Xà Thế) thật tình trả lời là vào cung hành thích đức vua để lên làm hoàng đế. Nhìn đứa con thương yêu đức vua bảo:

- Hóa ra con thích hoàng vị, vậy ngày mai ta sẽ xuống chiếu thoái vị nhường hoàng vị cho con.

Nói là làm, sau khi bình minh ló dạng đức vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) thoái vị nhường ngôi cho thái tử Ajātasattu (A





Xà Thế). Sau lễ đăng quang, tân hoàng đế ngầm hạ lệnh bắt giam cha mình.

Biết chuyện đức vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) bị cầm tù, lúc ấy Đức Phật ngụ ở hương thất trên đỉnh núi Gijjhakūṭa-giri (núi Linh Thứu) thường đi kinh hành lui tới, thân tỏa hào quang sáu màu sáng dịu. Từ ngục tối, đức vua nhìn lên núi đảnh lễ Đức Thế Tôn, cho đến lúc mỉm cười rời xa nhân thế.

Ôi tình thương của một người cha, dẫu có là kẻ thù từ kiếp nào, kiếp này là con, ông vẫn thương yêu, dẫu sinh mạng bị uy hiếp ông vẫn không hề hối hận; có người cha nào trên thế gian này thương con sánh được với đức vua chăng?

Bùi ngùi rời di tích ngục đá, tôi lại lên đường về Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng). Từ xa thấp thoáng tháp Mahābodhi (Đại Giác), người tôi như nhẹ bẫng, mọi dây thần kinh, mọi cảm giác cố gắng chợt tiêu tan. Mới như vừa hôm qua thôi, dưới cội Bồ-đề chúng tôi phát nguyện đi "Theo dấu chân Phật", vậy mà nay đã hoàn thành hành trình 112 ngày, hơn 3.600km. Nhìn ngọn tháp từ xa mà mắt cứ rưng rưng, chúng tôi vào khuôn viên Bảo tháp đảnh lễ tôn tượng Đức Thế Tôn. Trong làn khói hương, Đức Thế Tôn nhìn xuống chúng tôi với ánh mắt từ bi và vô vàn trìu mến: *"Này con, tốt rồi, con đường đã hoàn thành, nhưng bài học thì chưa chấm dứt hãy tiếp tục cố gắng"*.

Chúng tôi lại ra đảnh lễ cội Bồ-đề, sau mùa lạnh đón nắng ấm cội Bồ-đề thay lá, những búp non hồng lú nhú đầu cành; lá

non reo vui chào đón những du Tăng mình mang mùi nắng trở về. Tôi đảnh lễ cội Bồ-đề, ngồi nhìn cội Bồ-đề thật lâu, trong tâm tôi sau hành trình cội Bồ-đề cũng thay lá đung đưa vươn lên trên nền trời xanh!

Xin tri ân chư thiên hộ pháp, xin tri ân chư vị thí chủ luôn ủng hộ chúng tôi trong hành trình Theo dấu chân Phật này, cầu chúc quý vị luôn được sự an vui!

Con xin tri ân Thầy, người luôn dõi theo bước chân con, luôn động viên và hướng dẫn con trên con đường đạo! Trong suốt cuộc hành trình Theo dấu chân Phật này, có phước báu nào con xin dâng đến Thầy, cầu mong Thầy trường thọ để mãi là nơi nương tựa cho hàng hậu học chúng con. Con xin đê đầu đảnh lễ Thầy tam bái!

Trong suốt hành trình viết bài Theo dấu chân Phật không thể nào tránh khỏi sự sai sót về mặt tư liệu và lịch sử, mong chư vị độc giả niệm tình hỷ xả cho; những sai sót này thuộc về cá nhân, các vị có góp ý tôi xin hoan hỷ tiếp nhận và lắng nghe để sự hiểu biết ngày càng hoàn thiện hơn, mong thay!

Vậy là hành trình Theo dấu chân Phật mùa này khép lại, cầu mong chư vị độc giả và gia đình luôn được sự an vui!

Xin đảnh lễ đất nước cái nôi của đạo Phật, xin đảnh lễ những Thánh tích, cội Bồ-đề, tôi lại về núi cũ! Trên trời một áng mây bay, mang hồn tôi về bên am vắng!

**Bảo tháp Maniyar, nơi thờ Nāga (rồng)**

Thành Rājagaha (Vương Xá)

Núi Vebhāra thành Rājagaha (Vương Xá)

Thạch động Sattapannaguhā (Thất Diệp)
nơi kết tập Phật ngôn lần thứ nhất

Qua sông Nerañjarā (Ni Liên Thiền) về Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng)

Bảo tháp Hòa Bình của phái Nhật Liên tông
xây trên núi Gijjhakūṭa-giri (núi Linh Thứu)



# LỜI BẠT

Cuối năm 2022, đầu năm 2023 tôi đã có một hành trình dài. Trên con đường này, tôi đã đi qua những thánh tích linh thiêng luôn nghi ngút trầm hương và âm thanh cầu nguyện. Tôi đã đi qua những bảo tháp to lớn uy nghi rêu phong cổ kính. Tôi cũng đã đi qua những dòng sông trĩu nặng phù sa ươm mầm sự sống, qua những làng quê nghèo đầy rác và bụi bẩn, qua những phố thị sầm uất giàu sang, qua gió táp mưa sa và qua rừng gai sương giăng kín lối, qua cổ thành hoa lệ nay chỉ còn là tường xiêu gạch vỡ… Trên mắt lệ ngấn mi! Tôi đã đi qua những ngày rét mướt, lạnh buốt đôi bàn tay, qua những ngày mưa, mưa dồn mưa dập, mưa ngập lối đi, ngập ruộng đồng, nước mênh mông ngập lều ngập trại. Ngập cả ký ức! Những điều mắt thấy tai nghe, tôi mượn con chữ để diễn tả, con chữ tuôn chảy thành những bài ký.

Tôi vốn dốt văn và nghèo chữ, quý vị đừng nghĩ tôi khiêm tốn hay đánh giá thấp mình, mà tôi nói thật, bản thân thế nào tôi biết kia mà… Nhưng với sự động viên to lớn từ Sư phụ: “Con cứ

viết đi, Thầy biết con viết được, con thấy gì, nghe gì, suy nghĩ gì, con cứ viết, sai Thầy sửa giúp cho."

Rồi tôi viết, lập cập những bài đầu con chữ dần quen mặt tôi, nó không lẩn tránh như mọi khi, lúc có thời gian để viết, con chữ hiện về tuôn chảy và nhảy múa. Nhưng những bài viết vẫn chưa ổn, Sư phụ lại hướng dẫn lại tôi cách viết, lần này với nội dung dài, quan trọng hơn:

- Con quan sát, thấy gì, nghe gì, suy nghĩ gì con cứ viết! Nhưng một bài viết theo thể loại ký thì chỉ nên 1/3 là tính thông tin, chất thực tế nơi con đi qua; 1/3 thì đưa những kiến thức giáo pháp tới đại chúng một cách uyển chuyển, nhẹ nhàng; và con nhớ tránh dùng thuật ngữ Phật học, đừng dùng càng tốt, vì không phải ai cũng hiểu những thuật ngữ ấy; 1/3 là cảm tác cá nhân, liều lượng ít, vừa phải nhưng nó phải thực. Con chẳng cần phải vay mượn ai hết mà hãy nhìn vào bên trong con, ở đó có trái tim nóng ấm, lửa ở đó, sáng tạo cũng ở đó, rồi viết. Nó sẽ lay động đến độc giả. Con cũng đừng viết quá ngắn vì ngắn quá không nói lên hết ý muốn nói, cũng đừng viết tràng giang đại hải vì dài quá cũng ít người đọc, mỗi bài con viết chừng 1.200-1.500 chữ là đẹp. Con cứ viết thực, tả thực… theo từng bước chân cùng bối cảnh xung quanh, bài viết sẽ thành công.

Với *"công thức"* ấy thế là tôi viết, con chữ nhẹ nhàng trôi chảy không cố gắng, không tìm kiếm, không mất sức, mọi thứ tự nhiên vận hành. Tôi viết tự tin dần vì tôi biết sau những bài viết luôn có Sư phụ, một tuần phải viết và hoàn thành hai bài ký





để đăng trên hai trang Facebook của chùa là Ngọa Tùng Am và Huyền Không Sơn Thượng. Thấy tôi có vẻ bị áp lực vì đường xa lao nhọc, lại vừa đi vừa viết, Sư phụ lại gửi tặng tôi mấy câu thơ để động viên:

*"Theo chân Phật dặm dài,*
*Đeo trăng sáng trên vai;*
*Chúc con tròn hạnh nguyện,*
*Mật độ rợp đường mai!"*

Những câu thơ như tiếp thêm sức lực, tiếp thêm ngọn lửa cho tim tôi. Lộ trình bây giờ không còn xa ngái nữa. Những bài viết sau đó là sự tuôn chảy của *"tâm và chữ"*, tôi hoàn thành không quá khó khăn. Mỗi kỳ viết xong tôi gửi ngay đến Sư phụ, Người luôn dõi theo từng bước chân tôi, luôn là người nhận và đọc bài đầu tiên để xem và sửa giúp.

Thế là tôi cứ đi và viết, viết quên mệt, quên đau, quên thời gian. Cuối hành trình ngoảnh đầu nhìn lại. Ô hay! Đây không phải là trò chơi của con chữ, mà là sự vận hành tự nhiên của Pháp! Giữa các tương quan liên hệ, các con chữ hiện ra nhảy múa trên mặt giấy, đông kết lại thành những bài ký hoàn chỉnh.

Kết thúc hành trình tôi lại về bên am vắng cùng nắng sớm và mây chiều, Sư phụ lại động viên tôi:

- Hằng ngàn hình ảnh và 32 ký sự này nếu để thời gian chừng vài tháng chọn lọc hình ảnh, cắt gọt thêm bớt (nhất là tư liệu sử) thì sẽ trở thành một tác phẩm có giá trị. Mà loại ký này, nhất là ký đất Phật thì ai cũng muốn đọc cả; con sửa lại đi thầy

sẽ nhuận sắc cho. Con đã để hết trí lực và tâm hồn vào đấy nên sự chuyển tải có năng lượng thu hút người đọc lắm. Văn con có chất riêng, hay!

Nay tôi tổng kết những bài ký ấy, chọn lựa lại ít hình ảnh in thành cuốn *Theo dấu chân Phật* gửi đến quý vị độc giả gần xa.

Con xin tri ân Thầy, Người đã động viên con viết những bài ký, Người đã sửa cho con từng kỳ là chỗ dựa tinh thần cho con hoàn thành một chặng đường dài khó khăn, gian lao, vất vả. Tất cả phước báu của việc ấn hành tập *Theo dấu chân Phật* này, con xin dâng đến Thầy. Ngưỡng mong Tam Bảo, chư thiên, hộ pháp luôn gia hộ đến Thầy, mong Thầy luôn được thân khỏe tâm an để chúng con được nhờ nương.

Con kính đảnh lễ tri ân Thầy!

Viết tại Huyền Không Sơn Thượng
Mùa Vesak 2567 Pl.
15/4/Quý Mão (2/6/2023)
Bhikkhu Sacca Saddho
(Tỳ-khưu Chơn Tín)



# Mục lục

Lời tựa ..... 5

Kỳ I
*Trên đất Ấn Độ* ..... *15*

Kỳ II
*Ký ức* ..... *25*

Kỳ III
*Kham nhẫn* ..... *35*

Kỳ IV
*Những nẻo đường* ..... *47*

Kỳ V
*Nhóm hộ Tăng* ..... *59*

Kỳ VI
*Họa* ..... *71*

Kỳ VII
*Chuyện của Gió* ..... *83*

Kỳ VIII
*Khổ Hạnh Lâm* ..... *97*

Kỳ IX
*Thương một dòng sông* ..... *111*

Kỳ X
*Phát nguyện Theo dấu chân Phật* ..... *123*

Kỳ XI
*Chàng đạo sĩ mắt đen* ..... *139*

Kỳ XII
*Linh thiêng sông Hằng* ..... *153*

Kỳ XIII
*Thiện sự đầu năm* ..... *165*

Kỳ XIV
*Kosambī - Vùng đất cổ xưa* ..... *179*

Kỳ XV
*Bên sông Yamuna* ..... *191*

Kỳ XVI
*Viếng Sankassa* ..... *201*

Kỳ XVII
*Về Sāvatthī* ..... *213*

Kỳ XVIII
*Đông Phương Tự* ..... *225*

Kỳ XIX
*Hãy dừng lại* ..... *239*

Kỳ XX
*Bảo Tháp Rāmagrāma* ..... *255*

Kỳ XXI
*Viếng thăm quê hương Phật mẫu* ..... *267*

Kỳ XXII
*Kapilavatthu* ..... *277*

Kỳ XXIII
*Đại tự Nigrodhārāma* ..... *289*

Kỳ XXIV
*Viếng Lumbinī* ..... *301*

Kỳ XXV
*Kusinārā* ..... *311*

Kỳ XXVI
*Phân chia Xá-lợi* ..... *323*

Kỳ XXVII
*Rước Xá-lợi Phật* ..... *335*

Kỳ XXVIII
*Đảnh lễ Bảo tháp Lauria* ..... *353*

Kỳ XXIX
*Bảo tháp Kesariya* ..... *367*

Kỳ XXX
*Đại học Vikramshila* ..... *379*

Kỳ XXXI
*Viếng Đại học Nālanda* ..... *391*

Kỳ XXXII
*Chung* ..... *403*

Lời bạt ..... 417

# Theo dấu chân Phật

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC**
18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409 - Fax: 024.38294781
Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.vn
E-mail: info.nxbvanhoc@gmail.com

* Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3
Điện thoại: 028.38469858 - Fax: 028.38483481

* Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng
344 Đường Trưng Nữ Vương - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. Giám đốc - Q. Tổng biên tập
**NGÔ THU PHƯƠNG**

Biên tập: Khúc Thị Kim Ngân
Cố vấn nội dung và thiết kế: HUYỀN KHÔNG SƠN THƯỢNG

Đối tác liên kết xuất bản
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHẬT GIÁO VĨNH NGHIÊM
Số 91 Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

In 4000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Công ty TNHH In Thanh Bình,
số 432 đường K2 phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Số ĐKXB: 2791-2023/CXBIPH/17-142/VH, cấp ngày 21 tháng 08 năm 2023.
Số QĐXB: 1019/QĐ-VH, cấp ngày 30 tháng 08 năm 2023.
Mã ISBN: 978-604-477-333-9.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.